

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
ĐỘC LẬP — TỰ DO — HẠNH PHÚC

TẬP SAN NGHIÊN CỨU VĂN SỬ ĐỊA

SỐ ĐẶC BIỆT
VỀ HỘI NGHỊ KỶ NIỆM
CÁCH MẠNG NGÀ
1905-1907 Ở MẠC-TU'-KHOA
do Viện Hàn Lâm Khoa Học Liên-xô
triệu tập

Có những bài của :

• **PAN-KƠ-RA-TÔ-VA**

PHẠM NHƯỘC-NGU

TRẦN HUY - LIỆU

MINH - TRẦN H

TÔN QUANG-PHIỆT

và nhiều bài khác.

13

THÁNG 4
— 1956 —

BAN NGHIÊN CỨU VĂN HỌC LỊCH SỬ ĐỊA LÝ
XUẤT BẢN



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : TẬP SAN NGHIÊN CỨU VĂN SỬ ĐỊA 13

Tác giả : NHIỀU TÁC GIẢ

Nhà xuất bản : BAN NGHIÊN CỨU VĂN SỬ ĐỊA

Năm xuất bản : 1956

Nguồn sách : Từ Đức Châu

Đánh máy : mophie, thao nguyen,
minhf@yahoo, Patimiha, ganbunma, chip_mars

Kiểm tra chính tả : Nguyễn Kim Thanh,
Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Tuấn Anh

Biên tập Chữ Hán-Nôm : Liêu Vĩnh Hảo, Nguyễn Long

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 22/02/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận «
SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn CÁC TÁC GIẢ và BAN NGHIÊN CỨU VĂN SỬ ĐỊA
đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN-XÔ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÔNG
TÁC KHOA HỌC VIỆT-NAM

NHỮNG NGÀY HỘI NGHỊ

Ý NGHĨA LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA CÁCH MẠNG 1905-1907

NHỮNG BÀI HỌC CỦA CÁCH MẠNG NGÀ 1905 VÀ VIỆT NAM

CÁCH MẠNG NGÀ LẦN THỨ NHẤT VỚI TRUNG-QUỐC

CỤ PHAN BỘI-CHÂU TRONG LỊCH SỬ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
CỦA CHÚNG TA

CUỘC THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÀ SỬ HỌC LIÊN-XÔ VỀ CÔNG
TÁC BIÊN TẬP CỦA TẠP CHÍ «VẤN ĐỀ LỊCH SỬ»

VIỆC ĐÀO TẠO CÁN BỘ SỬ HỌC Ở LIÊN-XÔ

TÀI LIỆU THAM KHẢO VỀ CẬN ĐẠI SỬ : HOẠT ĐỘNG CỦA TƯ
BẢN PHÁP Ở VIỆT-NAM TỪ 1918 ĐẾN 1930

I. MỘT VÀI THUẬN LỢI MỚI CỦA CUỘC KHAI THÁC

II. TÌNH HÌNH TƯ BẢN PHÁP ĐẦU TƯ VÀO VIỆT-NAM

III. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NGÀNH TƯ BẢN

Ngành khai mỏ

Ngành nông nghiệp

Công thương nghiệp

ĐỂ TIẾN TỚI XÂY DỰNG VĂN HỌC SỬ VIỆT-NAM : MỘT VÀI
VẤN ĐỀ VỀ VĂN HỌC SỬ

VĂN HỌC BẮT NGUỒN TỪ ĐÂU ?

VĂN HỌC ĐỐI VỚI HẠ TẦNG CƠ SỞ VÀ THƯỢNG TẦNG
KIẾN TRÚC

VĂN HỌC PHÁT TRIỂN TRÊN CƠ SỞ NÀO ?

Ý KIẾN BẠN ĐỌC : GÓP ÍT Ý KIẾN VÀO VẤN ĐỀ CHỮ NÔM

Cải chính

**TẬP SAN NGHIÊN CỨU
VĂN SỬ ĐỊA**

Bài lai cáo, xin gửi cho : ông Trần Huy-Liệu

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN-XÔ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÔNG TÁC KHOA HỌC VIỆT-NAM

của TRẦN HUY-LIỆU

CÁCH mạng tháng Mười đã gắn liền khoa học với nhân sinh và mở ra một phương trời mới.

Vì tôn chỉ của khoa học là phục vụ nhân sinh nên nguồn sức chính của khoa học Liên-xô hiện nay là sự ràng buộc nó với đời sống con người, với trách nhiệm của kinh tế dân tộc. Đồng thời, sự tiến bộ không ngừng và mau chóng của khoa học là một điều kiện cần thiết để xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Từ 38 năm nay, Việt Hàn-lâm khoa học Liên-xô, đã từ một viện khoa học bưng bít với một vài sở thí nghiệm nhỏ do chế độ Nga hoàng để lại, đã trở nên một học hội lớn nhất thế giới với những viện nghiên cứu, thí nghiệm gồm có 14 chi nhánh tại các nơi trong xứ. Số người cộng tác khoa học của viện gấp 60 lần so với trước và về ngân sách, gấp 700 lần so với trước, và số viện nghiên cứu và các sở thí nghiệm trực thuộc Viện Hàn-lâm khoa học Liên-xô lên tới 2.500.

Ngoài Viện Hàn-lâm khoa học trung ương Liên-xô, còn có 13 viện hàn-lâm khoa học trong các liên bang cộng hòa và nhiều viện hàn-lâm chuyên môn khác.

Viện Hàn-lâm khoa học Liên-xô phân ra hai ngành : ngành khoa học nhân văn (sciences humanistes) và ngành

khoa học tự nhiên. Mỗi ngành lại có từng viện chuyên nghiên cứu riêng từng bộ phận. Trong ngành khoa học nhân văn tức khoa học xã hội, môn sử học được đặc biệt chú trọng. Viện sử học nghiên cứu lịch sử Liên-xô, lịch sử các dân tộc trong liên bang và lịch sử các nước trên thế giới. Viện Đông phương do giáo sư Gu-be làm tổng giám đốc, là một bộ phận trong viện sử học chuyên nghiên cứu về lịch sử các nước phương đông.

Viện Hàn-lâm khoa học Liên-xô ngày càng mở rộng việc giao lưu khoa học với các nước trên thế giới. Riêng một năm 1954, những nhà khoa học trong viện Hàn-lâm khoa học Liên-xô đã tham gia 65 đại hội quốc tế và dân tộc, đã trao đổi ra ngoài 350.000 thứ sách vở và tài liệu. Trong đại hội các nhà khoa học lịch sử thế giới ở La-mã năm 1955 vừa qua, đại biểu các nhà khoa học Liên-xô do đồng chí Xi-đô-rốp, viện trưởng viện sử học làm trưởng đoàn, đã đọc hơn 10 bản báo cáo về các vấn đề khoa học lịch sử. Nhiều nhà khoa học các nước đã đến thăm Liên-xô để nghiên cứu về phương hướng tìm tòi của khoa học và kinh nghiệm của các nhà khoa học Liên-xô trong mỗi ngành khác nhau. Cũng riêng một năm 1954, những đoàn khoa học của hơn 30 nước cả châu Âu lẫn châu Á đã là khách của xứ xã hội chủ nghĩa.

Các nhà khoa học Liên-xô đương đem hết những công sức, kiến thức và kinh nghiệm của mình để làm tròn nhiệm vụ của chính phủ và nhân dân trao cho là phấn đấu cho sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

Các nhà khoa học Liên-xô cũng đương đem hết những công sức, kiến thức và kinh nghiệm của mình để cống hiến

cho nhân dân toàn thế giới và sự nghiệp hòa bình.

*

Sau Cách mạng tháng Mười, Liên-xô là thành trì của cách mạng và trụ cột của hòa bình thế giới. Nhân dân Việt-nam nói chung, các nhà công tác khoa học Việt-nam nói riêng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, luôn luôn hướng về Liên-xô, học tập những vị đạo sư vĩ đại của cách mạng, của khoa học Liên-xô để phục vụ cách mạng, phục vụ khoa học, đấu tranh cho tổ-quốc được thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần vào việc xây dựng hòa bình thế giới.

Riêng đối với các bạn chuyên môn nghiên cứu về khoa học xã hội, đặc biệt là khoa học lịch sử theo quan điểm chủ nghĩa Mác, chúng ta được học tập rất nhiều ở các bậc đàn anh Liên-xô về phương pháp nghiên cứu. Bức thư của đồng chí Tốp-si-ép, hội viên viện Hàn-lâm khoa học Liên-xô và là tổng thư ký chủ tịch đoàn viện Hàn-lâm khoa học Liên-xô, gửi cho chúng tôi vừa rồi là một khuyến khích rất lớn cho những người đương học tập nghiên cứu khoa học lịch sử ở Việt-nam. Gần đây, trong việc trao đổi tài liệu học tập về lịch sử, về văn học, chúng tôi cũng luôn luôn nhận được những thư tín của các học giả Liên-xô chỉ bảo và đề ra thảo luận những vấn đề có liên quan đến lịch sử, văn học Việt-nam. Theo chỗ chúng tôi biết, thì hiện nay tại thành phố Mạc-tư-khoa, thành phố Lê-nin và trong khắp liên bang xô-viết, số người nghiên cứu về lịch sử Việt-nam càng ngày càng nhiều. Tại viện Đông-phương, cùng với đồng chí Mô-ki-ta-ri-ăng, một số bạn đang chuyên nghiên cứu về lịch sử, kinh tế và ngôn ngữ Việt-nam. Nhiều sinh viên Liên-xô đã làm những

luận án về lịch sử cận đại và hiện đại Việt-nam. Đối với nước « Việt-nam anh dũng », các bạn chẳng phải chỉ cần biết từ khi thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa qua chín năm kháng chiến và hơn một năm đấu tranh hòa bình, mà còn muốn biết cả những cuộc đấu tranh chống đế quốc từ non một trăm năm Pháp thuộc và chống phong kiến từ hàng nghìn năm trước. Nhiều ý kiến của các bạn đã giúp cho chúng tôi nhận thức thêm về quan điểm mới và kiểm soát lại những nhận định cũ, đẩy mạnh thêm việc học tập nghiên cứu lịch sử Việt-nam. Viện Hàn-lâm khoa học Liên-xô cũng như các nhà khoa học Liên-xô đã quan tâm rất nhiều đến khoa học Việt-nam, đặc biệt là khoa học lịch sử, cũng như lời đồng chí Tốp-si-ép, chúng tôi mong sự cộng tác huynh đệ giữa các nhà công tác khoa học ở Liên-xô và các nhà công tác khoa học ở Việt-nam đã bắt đầu và sẽ càng ngày càng mật thiết hơn.

Được soi sáng bằng chủ nghĩa Mác và được sự giúp đỡ dìu dắt của các bậc đàn anh Liên-xô, chúng tôi tin tưởng các bạn công tác khoa học Việt-Nam ta sẽ ngày càng thu được những tiến bộ mới bằng sự cố gắng học hỏi, đẩy mạnh công tác để gánh vác trách nhiệm của Đảng đã giao cho và góp phần vào việc xây dựng khoa học ở Việt-nam.

TRẦN HUY-LIỆU

Trưởng Ban nghiên cứu

Văn Sử Địa *Việt-nam*

NHỮNG NGÀY HỘI NGHỊ

Kỷ niệm Cách mạng 1905-1907 lần thứ 50 ở Mạc-tư-khoa do Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô triệu tập.

CÁCH mạng Nga 1905-1907, còn gọi là Cách mạng Nga lần thứ nhất đã có ảnh hưởng rất lớn đến nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt-nam chúng ta. Năm 1955, ở khắp các Cộng hòa liên hiệp Liên-xô cũng như ở Mạc-tư-khoa và ở nhiều nước dân chủ nhân dân đều có tổ chức kỷ niệm 50 năm Cách mạng Nga lần thứ nhất một cách rất trọng thể.

Nhân dịp này, Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô có mời đại biểu giới khoa học lịch sử các nước dân chủ nhân dân tới tham gia.

Thời gian hội nghị là 5 ngày, từ 25-10-1955 đến hết ngày 29-10-1955. Sau đó, đại biểu các nước được hướng dẫn đi tham quan các di tích lịch sử, đặc biệt là những di tích lịch sử liên quan đến Cách mạng Nga 1905-1907. Đồng thời củng cố những cuộc gặp gỡ thân mật trao đổi ý kiến về công tác khoa học lịch sử trong viện sử học, viện Đông phương và tạp chí « Văn đề lịch sử ».

Nhiều nhà sử học Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân đã trình bày báo cáo ở Viện sử học, viện S-la-vơ và viện Đông phương. Điều khiển cuộc họp là các vị bác học trong Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô cụ Ti-khô-mia-rô, các nhà bác học Păng-kơ-ra-tô-va, Xi-đo-rốp, Gu-be v.v...

Báo cáo của đồng chí nữ bác học Păng-kơ-ra-tô-va đã so sánh, phân tích một cách khoa học các cuộc cách mạng dân

chủ tư sản trên thế giới như Anh, Pháp, Đức v.v... với cuộc Cách mạng Nga 1905-1907 và sau đó đã nêu rõ ảnh hưởng to lớn của Cách mạng Nga lần thứ nhất đối với các nước trên thế giới. Nghe xong báo cáo, ai nấy càng nhận thức vững vàng hơn : chỉ có dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó, thì Cách mạng dân chủ mới lôi cuốn được đông đảo nhân dân để tiến hành đến triệt để và có cơ sở chuyển sang chủ nghĩa xã hội ¹. Kế đó là báo cáo của đồng chí A-bit-sin, viện trưởng viện Mác – Ăng-ghe-n – Lê-nin – Stalin nói về vai trò của đảng Bôn-sê-vích trong Cách mạng Nga lần thứ nhất : « Đảng Bôn-sê-vích bước vào cách mạng với sự hiểu biết sâu sắc các qui luật khách quan của sự phát triển xã hội và các qui luật đấu tranh chính trị. Đảng chuẩn bị về mọi mặt để đặt ra cho quần chúng những khẩu hiệu cách mạng, cổ vũ sáng kiến, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của quần chúng và vạch cho họ con đường đấu tranh cách mạng. Ngay từ đầu cuộc Cách mạng mọi hoạt động của đảng Bôn-sê-vích đều nhằm phát động cuộc cách mạng nhân dân vĩ đại, đưa cách mạng đi đến cùng, đến chiến thắng hoàn toàn chế độ Nga hoàng và biến cách mạng dân chủ tư sản thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tất cả các công tác chính trị tư tưởng và tổ chức đều phải phục tùng nhiệm vụ đó ».

Ngoài hai báo cáo chính nói trên, tiếp đến là các báo cáo bổ sung, đề cập đến những vấn đề riêng biệt hoặc những địa phương riêng biệt, chẳng hạn như báo cáo về phong trào công nhân Nga của đồng chí I-va-nốp, về phong trào công nhân và nông dân ở Cô-ca-dơ của đồng chí Kơ-la-da-pơ-rin-ki, về cuộc vũ trang khởi nghĩa ở Ba-lan của đồng chí Lốt

(Loss) và nhiều báo cáo khác. Nhà bác học Man-phơ-rết chuyên nghiên cứu về lịch sử nước Pháp đã nói rõ ảnh hưởng của Cách mạng Nga lần thứ nhất đối với phong trào đấu tranh ở Pháp. Kế tiếp các nhà bác học Liên-xô, đại biểu các nước dân chủ nhân dân Đông và Trung-Âu báo cáo về ảnh hưởng *trực tiếp* và *tức thời* của Cách mạng Nga 1905-1907 đối với nước mình : Các đồng chí Mi-kha-in Rô-le (Ru-ma-ni) Lê-ô-Steng (Đông Đức), Kô-chep (Bun-ga-ri), Kha-nak (Hung-ga-ri) v.v...

Giữa lúc hoặc sau khi Cách mạng Nga 1905-1907 nổ ra thì ở các nước Đông phương, phong trào cách mạng cũng nổi dậy chống lại sự thống trị của đế quốc và phong kiến. Sự đồng tình của nhân dân nhiều nước Đông-phương đã thể hiện ra trên báo chí. Nhưng lúc bấy giờ, giai cấp công nhân các nước Đông-phương chưa trưởng thành, chưa có chính đảng của mình cho nên những bài học của Cách mạng Nga lần thứ nhất chỉ tới với các nước Đông-phương sau khi Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đã thắng lợi và sau khi giai cấp công nhân ở các nước Đông phương đã có một chính đảng mạnh mẽ. Đồng chí Gu-be, viện trưởng Viện Đông phương báo cáo về « Đông-phương nổi dậy », đã dùng ánh sáng của khoa học Mác – Lê-nin phân tích ảnh hưởng của Cách mạng Nga lần thứ nhất đối với các nước Đông-phương. Kế đó đồng chí Phạm Nhược-Ngu, đại biểu Trung-quốc, nói rõ về ảnh hưởng của Cách mạng 1905-1907 đối với Trung-quốc ; đồng chí Phác-Thời-Hanh, viện trưởng Viện sử học Triều-tiên trình bày về những bài học của cách mạng Nga lần thứ nhất đối với Triều-tiên. Tiếp đó là báo cáo của đại biểu Ban nghiên cứu Văn-Sử-

Địa Việt-nam.

Trong những ngày hội nghị, đại biểu các nước không những đã góp phần xây dựng hội nghị có kết quả mà còn được học tập rất nhiều ở các nhà bác học Liên-xô, học tập về tinh thần khoa học và về phương pháp khoa học của các nhà bác học Liên-xô, tiêu biểu cho nền khoa học tiên tiến nhất trên thế giới. Những cuộc đi tham quan di tích lịch sử ở Mạc-tư-khoa, Lê-nin-gờ-rát hoặc Ki-ép có tác dụng củng cố thêm những thu hoạch đã đạt được trong Hội nghị. Những cuộc gặp gỡ thân mật trong viện Sử học, trong viện Đông phương trong tòa soạn tạp chí « Vấn đề lịch sử » là những dịp rất tốt để thắt chặt mối quan hệ giữa các nhà công tác khoa học trong phe xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân đứng đầu là Liên-xô vĩ đại.

Riêng đối với đại biểu Ban nghiên cứu Văn-Sử-Địa ở Việt-nam, các nhà bác học Liên-xô trong viện Hàn lâm khoa học Liên-xô luôn luôn khuyến khích, giúp đỡ với tấm tình thân ái của một người anh cả đối với người em. Tấm thịnh tình ấy là bằng chứng rất cụ thể của sự chăm sóc của viện Hàn lâm khoa học Liên-xô đối với khoa học Việt-nam và đó là một khuyến khích lớn cho ban nghiên cứu Văn-Sử-Địa và cho tất cả những anh chị em làm công tác khoa học ở Việt-nam.

Ý NGHĨA LỊCH SỬ THỂ GIỚI CỦA CÁCH MẠNG 1905-1907

Báo cáo của nữ đồng chí Pan-kơ-ra-tô-va trong Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Nga lần thứ nhất.

HIỆN nay nhân dân Liên-xô và toàn thể nhân loại tiến bộ đang từng bừng kỷ niệm 50 năm Cách mạng Nga, coi đó là một sự kiện rất to lớn, là kết quả vĩ đại và quang vinh của cuộc đấu tranh và chiến thắng của giai cấp công nhân Nga và công nhân quốc-tế.

Cách mạng Nga lần thứ nhất nêu cho toàn thể giới một điển hình của cuộc cách mạng thực sự có tính chất nhân dân. Nội dung, khuôn khổ, tốc độ, các hình thức tổ chức và những triển vọng của cuộc cách mạng ấy trước hết là do sự tham gia rộng rãi vào cách mạng của quần chúng nhân dân quyết định. Do kinh nghiệm của cách mạng 1905, chúng ta có thể thấy một cách rõ ràng và cụ thể vai trò sáng tạo của quần chúng nhân dân là động lực chủ yếu của lịch sử. Do kinh nghiệm của Cách mạng Nga, công nhân và các đảng cách mạng toàn thế giới đã học tập lòng tin tưởng sâu sắc vào quần chúng nhân dân mà năng lực sáng tạo và chiến đấu của họ là một yếu tố quyết định trong mọi thời đại lịch sử khi sự tất yếu khách quan đã chín mùi đến mức độ những quan hệ sản xuất mới có thể hợp với tính chất của sức sản xuất.

Ở nước Nga lúc bấy giờ, sự tồn tại những tàn tích của chế độ nông nô về phương diện kinh tế, trong những mối quan hệ

xã hội và trong chế độ chính trị, đã kìm hãm rất nhiều sự phát triển sức sản xuất của nước Nga theo con đường của chủ nghĩa tư bản tương đối tiến bộ so với chế độ phong kiến mục nát hồi thế kỷ 19. Suốt trong nửa sau của thế kỷ 19 việc tiêu diệt những tàn tích ấy là một vấn đề căn bản của sự phát triển xã hội nước Nga và nó đã tiến đến những hình thức của một cuộc khủng hoảng cách mạng, của một cuộc cách mạng toàn quốc.

Cách mạng 1905-1907 ở Nga là một cuộc cách mạng nhân dân đầu tiên trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Đặc điểm của giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa tư bản – giai đoạn đế quốc chủ nghĩa là sự tồn tại những mâu thuẫn chưa từng có trong những cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu nổ ra hồi thế kỷ 17-18 trong thời kỳ công trường thủ công tư bản chủ nghĩa.

Các nước tư sản châu Âu lúc bấy giờ được lập nên do kết quả của sự phá vỡ chế độ phong kiến và toàn bộ hệ thống tiền tư bản chủ nghĩa, khi trong lòng của chế độ phong kiến, những quan hệ sản xuất tư sản vừa mới chín mùi, khi những giai cấp xã hội mới – tư sản và vô sản – vừa mới hình thành.

Trong các cuộc cách mạng tư sản Âu-châu dọn đường cho sự phát triển tự do của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản lúc bấy giờ còn là một giai cấp đang lên vì nó còn quan tâm đến việc thanh trừ triệt để những quan hệ phong kiến ra ngoài xã hội. Những cuộc cách mạng ở châu Âu trong thế kỷ 17-18 về căn bản đã thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của phong kiến, xóa bỏ tàn dư của tình trạng phân tán của xã hội phong kiến và thành lập những dân tộc tư sản với một nền văn hóa

dân tộc của nó đồng thời. Việc thành lập những dân tộc tư sản, những nhà nước dân tộc cũng được thành lập, tinh thần giác ngộ dân tộc, lòng ái quốc cũng tăng lên, khoa học và kỹ thuật càng phát triển, giáo dục càng phổ biến rộng rãi.

Tuy nhiên, ngay cả trong thời kỳ phát triển tiến bộ ấy của giai cấp tư sản và của nhà nước tư sản, tất cả những thành tích to lớn của các cuộc cách mạng ấy đều do sự tham gia tích cực của quần chúng quyết định, đều là kết quả của sức chiến đấu của nhân dân cách mạng.

Những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh rằng các cuộc cách mạng Anh và Pháp thắng lợi, chủ yếu là do nông dân là đội quân chiến đấu của cách mạng.

Trong cách mạng Anh, những yếu tố nhân dân, những yếu tố dân chủ tương đối yếu hơn trong cách mạng Pháp. Đảng cấp tiến của Leveller là một nhóm dân chủ có tổ chức và tích cực nhất cũng đã chứng tỏ tình trạng phức tạp và non yếu của những tầng lớp dân chủ nước Anh thời bấy giờ. Bọn Leveller vẫn bám chặt nguyên tắc tư hữu tài sản, tách xa những tầng lớp nghèo khổ nhất ở thành thị và nông thôn. Tình trạng yếu hèn của những phần tử dân chủ trong cách mạng Anh còn do ở chỗ, quần chúng lao động ở thành thị chưa hình thành về mặt giai cấp, trong thành phần của nó còn lẫn lộn những phần tử sản sinh trong quá trình tan rã của chế độ xưởng thủ công thời trung cổ và bắt đầu phát triển hệ thống công trường thủ công tư bản chủ nghĩa. Giai cấp vô sản, một giai cấp xã hội mới chưa có ; mầm mống của nó mà Ăng-Ghen gọi là tiền vô sản mới chỉ là « những bố đẻ của giai

cấp vô sản tương lai ».

Cách mạng Pháp phát triển trong khi sức sản xuất ở Pháp và toàn châu Âu đã đạt tới một trình độ phát triển cao hơn, khi cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra những cải cách tiến bộ ở nhiều nước và đồng thời gây ra và khoét sâu những mâu thuẫn giữa các giai cấp của xã hội tư sản đang hình thành. Nền chuyên chính của nhóm chính trị cấp tiến Gia-cô-banh là sự phát triển cao nhất của cách mạng Pháp. Nó chứng tỏ vai trò của những phần tử nhân dân, những phần tử dân chủ trong cách mạng Pháp quan trọng hơn cách mạng Anh. Cách mạng Pháp được mệnh danh là cách mạng tư sản vĩ đại : nó vĩ đại đứng về những khả năng của giai cấp tư sản muốn thủ tiêu quyền sở hữu phong kiến. Tuy nhiên như các lãnh tụ của chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã nhận định, ngay lúc bấy giờ kinh nghiệm của các cuộc cách mạng đã chỉ rõ rằng « cần phải đưa cách mạng tiến xa hơn rất nhiều so với những mục đích trực tiếp trước mắt đã chín mùi và hoàn toàn có tính chất tư sản. Cần phải làm như thế để thực hiện thực sự những mục đích ấy để củng cố một cách thật chắc chắn những mục đích ấy, để củng cố một cách thật chắc chắn những thành quả tối thiểu của cách mạng tư sản » (Lê-nin toàn tập, tập 15).

Nhưng trong những năm cách mạng 1830-1831 và nhất là trong thời kỳ xảy ra các cuộc cách mạng 1848-1849, những tầng lớp tư sản nổi đầu nhau tách rời cách mạng và thỏa hiệp với những lực lượng của xã hội cũ. Tính chất cách mạng của giai cấp tư sản càng giảm sút song song với sự trưởng thành tinh thần cách mạng của quần chúng công

nông đang đòi hỏi phải thỏa mãn những yêu sách về xã hội và dân tộc của họ.

Ngay trong thời kỳ khởi nghĩa tháng 6-1848, ở Pa-ri đã bộc lộ những mâu thuẫn không thể điều hòa giữa giai cấp vô sản và tư sản. Rõ ràng là nếu không lật đổ giai cấp tư sản thì vô sản không những không đạt được mục đích cuối cùng mà cả tự do và sự cải thiện thực tế đời sống kinh tế của họ trong điều kiện thống trị của giai cấp tư sản cũng không đạt được. Vì thế trong quá trình cách mạng 1848 đã nêu lên khẩu hiệu đánh đổ giai cấp tư sản. Trong bức thư của Mác gửi Vây-đơ-may-gie năm 1852, khẩu hiệu này đã được coi là khẩu hiệu chuyên chính của vô sản.

Do kinh nghiệm của các cuộc cách mạng 1848-1849 giai cấp vô sản cách mạng Tây-Âu đã đi tới kết luận rằng cần thiết phải làm cho cách mạng liên tục chừng nào vô sản chưa giành được chính quyền nhà nước và chưa phát động đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm 1840-1850 trung tâm của phong trào cách mạng thế giới chuyển sang Đức. Ở đây cuộc cách mạng tư sản đã xảy ra trong điều kiện sức sản xuất phát triển hơn, giai cấp vô sản lớn mạnh hơn so với các cuộc cách mạng tư sản trước kia như ở Anh thế kỷ 17 và ở Pháp thế kỷ 18.

Do đó trong thời kỳ này đã có thể thành lập một tổ chức cách mạng đầu tiên của vô sản tức là « Liên đoàn những người Cộng sản » và xây dựng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, vạch cho giai cấp công nhân những triển vọng của cuộc đấu tranh và thắng lợi của họ. Tư tưởng về nền chuyên

chính của vô sản, về vai trò lãnh đạo của vô sản trong cách mạng dân chủ, về sự liên minh giữa vô sản và quần chúng nông dân lao động, về vai trò lãnh đạo của đảng vô sản cách mạng trong cuộc đấu tranh cho dân chủ và xã hội chủ nghĩa tất cả những tư tưởng ấy, về căn bản đã được các nhà lãnh tụ vĩ đại và tư tưởng gia của giai cấp vô sản cách mạng Mác và Ăng-ghe-n phân tích và chứng minh một cách khoa học trong các tác phẩm vĩ đại, nhất là trong « Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản » và trong tác phẩm thiên tài « Tư bản luận » của Mác.

Tuy nhiên giai cấp vô sản cách mạng lúc bấy giờ chưa thật mạnh và có tổ chức để có thể đứng đầu cuộc cách mạng dân chủ và thực hiện nó một cách triệt để. Vì thế giai cấp tư sản Đức đứng trước những đấu tranh giai cấp của vô sản đã liên minh với bọn quân phiệt Phổ và tiêu diệt cách mạng Đức. Phong trào cách mạng lớn cuối cùng ở Tây-Âu là cuộc khởi nghĩa của vô sản Pháp tức là công xã Pa-ri. Nhưng giai cấp vô sản ở Pa-ri đấu tranh quá đơn độc và cô lập, chưa có lực lượng hậu bị để phát triển cuộc cách mạng vô sản ở Pháp và toàn Âu-châu. Sau khi công xã Pa-ri bị tiêu diệt, một giai đoạn gọi là « hòa bình » (1872-1904) bắt đầu. Khi nói về đặc điểm của giai đoạn này Lê-nin viết rằng : « Tây phương đã chấm dứt những cuộc cách mạng tư sản. Đông-phương thì chưa đạt tới các cuộc cách mạng đó » (Lê-nin toàn tập, tập 18).

Lúc bấy giờ ở châu Âu, những nhiệm vụ của cách mạng tư sản nói chung đã được giải quyết, nhưng giai cấp vô sản chưa có đủ điều kiện cần thiết để làm cách mạng xã hội chủ

nghĩa. Sau năm 1871 giai cấp vô sản chỉ chuẩn bị thêm những lực lượng mới, tạo ra những điều kiện để phát triển phong trào công khai của công nhân, đấu tranh để thành lập những nghiệp đoàn, thành lập đảng Xã hội dân chủ độc lập, tham gia vào các nghị viện.

Chính trong thời kỳ này chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn phát triển cuối cùng của nó tức là chủ nghĩa đế quốc và giai cấp tư sản các nước tư bản đã mất những tính chất tiến bộ trong thời kỳ phát triển tiến bộ của chủ nghĩa tư bản...

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa những mâu thuẫn giữa lao động và tư bản cũng như giữa các nước đế quốc chủ nghĩa và các nước thuộc địa và bán thuộc địa phụ thuộc vào chúng, càng sâu sắc. Trong những điều kiện lịch sử ấy, hoàn cảnh nước Nga lúc bấy giờ thật là đặc biệt. Nhìn về sự phát triển kinh tế mà nói, nước Nga thời Nga-hoàng rất lạc hậu so với các nước tư bản tiên tiến, mặc dầu sự phát triển công nghiệp đến cuối thế kỷ 19 đã đạt tới một mức khá cao. Sự tập trung công nghiệp đến một trình độ cao, sự kết hợp tư bản tài chính và ngân hàng, thành lập các độc quyền, chính sách đế quốc xâm lược của chế độ Nga-hoàng và giai cấp tư sản : đó là những đặc tính căn bản quyết định nước Nga là một nước đế quốc chủ nghĩa bên cạnh các nước Âu-Mỹ đã phát triển đến một trình độ cao...

Chủ nghĩa đế quốc ở nước Nga dưới chế độ Nga-hoàng phát triển trong điều kiện những tàn tích của chế độ nông nô còn tồn tại trong nền kinh tế và trong chế độ xã hội và chính trị của nước Nga. Chính quyền nhà nước nằm trong tay giai cấp địa chủ quý tộc. Giai cấp này dựa vào những phương

pháp quân phiệt phong kiến để duy trì quyền độc chiếm ruộng đất và thống trị nhân dân Nga ; đồng thời những món nợ hàng nghìn triệu, những món đặt hàng lớn của nhà vua với các hãng buôn ngoại quốc, sự hợp tác kinh doanh của tư bản Nga và ngoại quốc trong các công ty cổ phần, ngân hàng và các tổ chức tư bản khác đã gắn liền quyền lợi của giai cấp tư sản Nga với tư sản ngoại quốc.

Nhờ sự giúp đỡ của Nga-hoàng và giai cấp tư sản Nga, tư bản ngoại quốc đầu tư vào các ngành luyện kim, dầu hoả, mỏ, hoá học v.v... Chế độ Nga-hoàng ngày càng biến thành tay sai của chủ nghĩa đế quốc Tây-phương, biến thành lực lượng quân sự dự trữ để giúp bọn đế quốc châu Âu bành trướng thế lực ở Đông-phương. Đối với một số vùng châu Á, chế độ Nga-hoàng đã biến thành một trong những thành trì của toàn bộ hệ thống thực dân áp bức.

Để xây dựng một thành trì kiên cố hòng ngăn cản làn sóng cách mạng của đông đảo quần chúng công nhân và ngăn cản phong trào cách mạng phát triển, bọn tư sản đế quốc và bộ máy nhà nước mạnh mẽ của chúng đã dùng nhiều biện pháp nhằm chia rẽ công nhân và hòng làm cho nó phải khuất phục trước ảnh hưởng tư tưởng và chính trị của giai cấp tư sản.

Một trong những biện pháp ấy là dùng số tiền bóc lột ngày càng nhiều của quảng đại quần chúng nhân dân để mua chuộc lớp công nhân thượng lưu.

Như thế song song với việc mở rộng phạm vi thuộc địa và thu được những món lãi thặng dư ở các nước thuộc địa và có

những khả năng bóc lột đến cùng cực các dân tộc bị áp bức và một bộ phận giai cấp công nhân, các nước tư bản có điều kiện để tạo ra một lớp công nhân quý tộc và gây tình trạng phân hoá sâu sắc trong giai cấp vô sản. Đó là cơ sở kinh tế và xã hội cho sự phát triển của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào xã hội dân chủ quốc tế, nhất là sau khi Mác và Ăng-ghe-nơ tạ thế.

Cố nhiên chủ nghĩa cơ hội trong mỗi nước có đặc điểm của nó, những hình thức của nó, nhưng trong mỗi nước bọn cơ hội đều hết sức trốn tránh đấu tranh giai cấp, thi hành chính sách thoả hiệp giữa vô sản và tư bản. Những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong hàng ngũ các lãnh tụ xã hội dân chủ và nghiệp đoàn ngày càng phát triển đảng Xã hội dân chủ từ một đảng cách mạng dần dần biến thành một đảng cải lương xã hội.

Tình cảnh đáng buồn ấy của phong trào xã hội dân chủ quốc tế đã được đội tiền phong cách mạng của giai cấp vô sản Nga lưu ý. Dưới sự lãnh đạo của Lê-nin, lần đầu tiên trong lịch sử thế giới một chính đảng cách mạng đã được thành lập, có đủ năng lực cầm đầu cuộc đấu tranh của toàn thể các lực lượng dân chủ của các dân tộc Nga chống ách chuyên chế và đưa giai cấp vô sản Nga lên vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng dân chủ và vạch rõ triển vọng chuyển biến từ cách mạng dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng về vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng tư sản dân chủ là một thành tích lịch sử quan trọng của cuộc Cách mạng Nga lần thứ nhất. Thành tích ấy cho đến bây giờ vẫn còn có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới.

Tư tưởng ấy là một sự tổng hợp lịch sử những quá trình khách quan sâu xa và những đặc điểm của sự phát triển kinh tế và xã hội của nước Nga do Lê-nin đã nghiên cứu.

Ở nước Nga sự đối lập giữa giai cấp vô sản và tư sản sâu sắc hơn nhiều so với các nước Tây-Âu trong thời kỳ các cuộc cách mạng tư sản xảy ra ở các nước ấy. Cách mạng tư sản dân chủ ở Nga nổ ra trong thời đại đế quốc chủ nghĩa đã phát triển trong những điều kiện các giai cấp đã phân hoá rõ rệt và cuộc đấu tranh giai cấp đã trở nên quyết liệt hơn so với các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây.

Sau khi nghiên cứu kỹ kinh nghiệm của các cuộc cách mạng ở châu Âu so sánh nó với kinh nghiệm cách mạng Nga, Lê-nin đã đi đến kết luận rằng giai cấp vô sản là giai cấp kiên quyết chiến đấu nhất, là giai cấp rất quan tâm đến việc tiến hành triệt để cuộc cách mạng tư sản dân chủ.

Nhưng Lê-nin là một nhà mác-xít biện chứng, Lê-nin không thể chỉ phân tích một mặt của vấn đề. Trước hết Lê-nin vạch rõ ràng sự đối lập giữa vô sản và tư sản Nga sâu sắc hơn thời kỳ 1789 và 1848. Do đó giai cấp tư sản sợ cách mạng vô sản và dễ dàng đứng về phe phản động. Tuy nhiên trong khi xây dựng một đường lối chiến lược cho chính đảng của vô sản trong cách mạng tư sản dân chủ, Lê-nin đã xuất phát từ quan điểm rằng trong thời đại lịch sử mới, giai cấp công nhân Nga có thể và phải đứng ra giữ vai trò lãnh tụ, vai trò lãnh đạo cách mạng dân chủ.

Quá trình cách mạng đã nêu lên vấn đề chính quyền là vấn đề căn bản của cách mạng. Vai trò lãnh đạo của vô sản

đối với nông dân và tất cả mọi lực lượng dân chủ trong nhân dân tất nhiên nêu lên vấn đề những giai cấp căn bản của cách mạng vô sản và dân cày cần phải giành lấy chính quyền. Tổng hợp kinh nghiệm ấy Lê-nin đã nêu lên khẩu hiệu « chuyên chính cách mạng dân chủ của giai cấp vô sản và nông dân ».

Quy mô to lớn của cuộc đấu tranh cách mạng ở Nga cũng như tiếng vang rộng rãi của nó ở các nước khác đề ra cho chính đảng cách mạng của giai cấp vô sản nước Nga nhiệm vụ xây dựng sách lược của đảng để lãnh đạo một cách có tổ chức cuộc cách mạng đang phát triển.

Đại hội lần thứ 3 của đảng do những người Bôn-sê-vích đứng ra triệu tập đã thông qua cương lĩnh chính trị của Lê-nin và hoàn toàn tán thành lập trường của Lê-nin trong vấn đề tính chất, động lực và triển vọng của cách mạng Nga.

Đại hội nhận định rằng cách mạng 1905 nói về nội dung khách quan là một cuộc cách mạng tư sản dân chủ. Nhưng đứng đầu cách mạng phải là vô sản và đồng minh của nó phải là nông dân cách mạng. Những cải cách dân chủ trong nước sau khi cách mạng thắng lợi sẽ dọn đường cho cuộc đấu tranh giai cấp của vô sản tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Kinh nghiệm cách mạng 1905 chứng minh một cách hết sức rõ rệt rằng sự lãnh đạo của giai cấp vô sản là điều kiện chủ yếu của cuộc cách mạng nhân dân trong thời đại đế quốc chủ nghĩa ; trong hoàn cảnh chủ nghĩa tư bản mục nát và đấu tranh giai cấp quyết liệt giai cấp tư sản sợ vô sản hơn là chế độ Nga-hoàng.

Kinh nghiệm đấu tranh của đảng để xây dựng và củng cố khối công nông liên minh có một ý nghĩa quốc tế to lớn. Học thuyết của Lê-nin về khối liên minh công nông, cơ sở của nền chuyên chính vô sản không những đã được chứng minh bằng những thắng lợi lịch sử của nhân dân Liên-xô mà còn bằng những thắng lợi của nhân dân Trung-quốc vĩ đại, của nhân dân lao động Triều-tiên và Việt-nam của công nhân và nông dân các nước dân chủ nhân dân Âu-châu.

Khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo ngày nay đã trở thành một sức mạnh vĩ đại và là một cơ sở vững chắc của chế độ dân chủ nhân dân làm cho việc thực hiện những cải cách xã hội chủ nghĩa đã thu được thắng lợi căn bản.

Kinh nghiệm của Cách mạng Nga lần thứ nhất cũng xác nhận khả năng và sự tất yếu của khối liên minh chiến đấu của các dân tộc bị áp bức dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chung của họ để giải phóng xã hội, giải phóng dân tộc. Đồng thời kinh nghiệm của những cuộc đấu tranh chung của các dân tộc bị chế độ Nga-hoàng áp bức trong thời kỳ cách mạng 1905-1907 đã chứng tỏ sự cần thiết phải đoàn kết chặt chẽ hơn nữa những lực lượng của công nhân của tất cả mọi dân tộc.

Đối với giai cấp vô sản, sự xây dựng đảng của vô sản thành một đội ngũ chiến đấu thống nhất, được giáo dục về tinh thần đoàn kết và tinh thần quốc tế vô sản, đã có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Cách mạng Nga lần thứ nhất do giai cấp vô sản lãnh đạo

đã nêu lên những phương sách và hình thức đấu tranh mới mà trong các cuộc cách mạng trước đây chưa từng biết đến. Trong cách mạng 1905, bãi công là phương sách chủ yếu tập hợp và giáo dục chính trị cho quần chúng, đã đóng một vai trò đặc biệt quan trọng.

Chỉ trong tháng giêng 1905 số người tham gia bãi công đã gấp 10 lần số người tham gia bãi công hàng năm ở Nga trong vòng mười năm trước. Như Lê-nin đã nói, số người tối đa tham gia bãi công trong những năm 1905-1907 đã vượt quá mức tối đa trước đây ở bất cứ một nước tư bản tiên tiến nào. Lê-nin cũng nhận định rằng mỗi khi làn sóng bãi công nổi lên, nó lôi cuốn được cả các tầng lớp dân chủ khác. Đặc biệt điều này được chứng minh rõ trong phong trào tổng bãi công chính trị toàn nước Nga tháng 10-1905.

Trong cuộc bãi công này không những chỉ có công nhân mà viên chức, quan lại, binh sỹ, trạng sư, giáo viên, học sinh v.v... cũng tham gia.

Cuộc bãi công chính trị toàn nước Nga trong thực tế đã xác nhận rằng giai cấp vô sản có thể và cần phải đóng vai trò lãnh tụ của cách mạng dân chủ. Nó chứng minh sức sáng tạo cách mạng của quần chúng đã xây dựng nên những cơ quan cách mạng mới của vô sản tức là những xô-viết đại biểu công nhân và nông dân. Những xô-viết ấy không những chỉ là cơ quan lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của toàn dân mà còn là hình thức đầu tiên của nền chuyên chính vô sản và nông dân. Năm 1917 giai cấp vô sản nước Nga đã dùng hình thức tổ chức chính quyền ấy để thiết lập nền chuyên chính vô sản và xây dựng chính thể mới, chính thể xô-viết.

Cách mạng 1905, đã đập tan giáo điều của bọn cơ hội đề nghị quốc tế và bọn Men-sê-vích ở nga cho rằng phương pháp tiến hành bãi công chính trị của đông đảo quần chúng không thích hợp với giai cấp vô sản, hình thức đấu tranh ở nghị trường là hình thức căn bản, thậm chí là hình thức duy nhất của cuộc đấu tranh giai cấp của vô sản. Cách mạng đã nêu bật ý nghĩa quan trọng của hình thức tổng bãi công chính trị là phương pháp mạnh mẽ nhất để đấu tranh và chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa.

Cách mạng 1905-1907 còn thực tế xác nhận lý thuyết Mác – Lê-nin cho rằng trong những điều kiện nhất định, cuộc đấu tranh giai cấp sẽ chuyển sang đấu tranh vũ trang và mỗi vấn đề lịch sử to lớn cuối cùng cũng chỉ có thể giải quyết bằng vũ lực. Tự do không thể tranh thủ được nếu không có hy sinh.

Kinh nghiệm Cách mạng Nga đã vạch rõ cho vô sản quốc tế ý nghĩa to lớn của những hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng mới của vô sản trong cách mạng dân chủ. Mặc dầu bọn lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa của các công đoàn và các đảng Xã hội dân chủ Tây-phương dùng mọi biện pháp để phá hoại sự phát triển của phong trào công nhân ở các nước tư bản, công nhân các nước ấy quyết dùng « vũ khí Nga » trong cuộc đấu tranh giành những quyền kinh tế và chính trị của họ.

Sau các cuộc cách mạng ở châu Âu năm 1848 và công xã Pa-ri năm 1871, lần đầu tiên phong trào công nhân Tây-Âu và trên toàn thế giới lại tiến lên một mức cao hơn.

Cách mạng 1905-1907 ở Nga là một trường học đấu tranh giai cấp vĩ đại của vô sản quốc tế.

Do ảnh hưởng trực tiếp của « kinh nghiệm Nga » công nhân Tây-Âu đã tăng cường cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị của họ. Bằng phương pháp bãi công ngày càng có một quy lớn và có tính chất cách mạng, công nhân yêu cầu cải thiện đời sống kinh tế của họ và đòi ban bố những quyền chính trị của họ. Sau giai cấp vô sản Nga, công nhân Áo, Hung đã đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh này của giai cấp vô sản. Cách mạng 1905 cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong quá trình cách mạng hóa vô sản Đức. Trong năm 1905 số công nhân Đức tham gia bãi công tăng lên so với thời kỳ cuối thế kỷ 19 gấp 3 lần và đạt tới con số 507.964 người. Kinh nghiệm tổng bãi công và khởi nghĩa của vô sản trong thời kỳ cách mạng Nga đã có một ảnh hưởng lớn trong giai cấp vô sản Pháp. Nếu trong năm 1901 chỉ có gần 10 vạn công nhân Pháp bãi công thì năm 1906 có tới 50 vạn 7 nghìn công nhân Pháp tham gia bãi công. Ảnh hưởng của cách mạng 1905 còn làm cho mâu thuẫn giai cấp ở Anh càng thêm sâu sắc và phong trào công nhân Anh càng phát triển. Ở các nước Tây Âu khác nhiều cuộc bãi công, biểu tình lớn, nhiều cuộc xung đột ở đường phố cũng nổ ra trong thời kỳ 1905-1907, chứng tỏ năng lực cách mạng của vô sản quốc tế không thể nào diệt nổi.

Đồng thời Cách mạng Nga lần thứ nhất đã mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ cách mạng dân chủ ở Á-châu. Do ảnh hưởng của cách mạng Nga 1905, nhân dân châu Á đã vùng dậy « đấu tranh giành những quyền sơ bộ nhất của con người,

giành dân chủ » (Lê-nin tập 19). Những cuộc cách mạng xảy ra ở Thổ (1908-1911), Ba-tư (1906-1911), Trung-quốc (1911-1912), chứng tỏ rằng cuộc khởi nghĩa to lớn năm 1905 đã có ảnh hưởng sâu sắc, biểu hiện trong phong trào ngày càng lớn mạnh của hàng trăm triệu nhân dân châu Á.

Như thế cách mạng 1905-1907 đã có một ảnh hưởng tiến bộ đối với toàn bộ phát triển lịch sử của thế giới. Nó là một đòn mạnh đầu tiên đánh vào chế độ Nga-hoàng, một cái khâu nằm trong toàn bộ hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Do đó, có thể nói cách mạng 1905-1907 đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống đế quốc chủ nghĩa.

Hoảng sợ trước phong trào cách mạng, bọn đế quốc quốc tế đã ra mặt ủng hộ Nga-hoàng, lực lượng phản cách mạng lớn nhất ở Nga. Các chính phủ tư sản Tây-phương đã quyết định hoãn nợ cho Nga-hoàng, cho Nga-hoàng vay thêm những món tiền mới hòng cứu chế độ Nga-hoàng thoát khỏi nạn khủng hoảng tài chính đang đe dọa. Đồng thời chúng đòi chính phủ Nga-hoàng phải ký kết hòa ước với Nhật để tập trung quân đàn áp cách mạng và cứu chế độ Nga-hoàng khỏi sự khủng hoảng vì chiến tranh. Để làm giảm bớt sức tấn công của cách mạng, bọn đế quốc Tây-phương đòi Nga-hoàng thực hiện một vài cải cách hoặc hứa hẹn cải cách để do đó làm cho phong trào cách mạng không phát triển hơn nữa.

Như thế trong thời đại đế quốc chủ nghĩa khối « liên minh » giữa chế độ Nga-hoàng với chủ nghĩa đế quốc châu Âu đã được thành lập để chống lại giai cấp vô sản cách mạng và hòng cắt đứt kiên lạc giữa phong trào cách mạng ở Nga với phong trào cách mạng quốc tế.

Kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Nga lần thứ nhất có một ý nghĩa quốc tế lớn lao, lý luận và sách lược cách mạng đã làm mẫu mực cho tất cả những công nhân và những người Bôn-sê-vích Nga và cho đến ngày nay tất cả các đảng cách mạng trên thế giới đều học tập và áp dụng kinh nghiệm ấy.

Ngày nay kỷ niệm năm mươi năm Cách mạng Nga lần thứ nhất nhân dân Liên-xô dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và kinh nghiệm cách mạng vô cùng phong phú, đang dũng cảm và kiên quyết tiến hành cuộc đấu tranh cho hòa bình thế giới, cho dân chủ và chủ nghĩa xã hội thắng lợi, đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô.

PĂNG-KƠ-RA-TÔ-VA
MINH-THĂNG lược dịch

NHỮNG BÀI HỌC CỦA CÁCH MẠNG NGA 1905 VÀ VIỆT NAM

Báo cáo của đồng chí Minh-Tranh, đại biểu Ban nghiên cứu Văn Sử Địa đọc ở Viện Đông-phương (Mạc-tư-khoa) ngày 28-10-1955.

CUỘC kỷ niệm 50 năm cách mạng Nga 1905 là một dịp tốt để những người làm công tác nghiên cứu lịch sử ở Việt-nam học tập nhận thức rõ thêm tác dụng của Cách mạng Nga lần thứ nhất đối với cách mạng Việt-nam. Quả như vậy, cách mạng Việt-nam đã học được nhiều bài học của Cách mạng Nga lần thứ nhất. Và chúng tôi tin rằng những bài học ấy càng rất quý cho chúng tôi trong cuộc đấu tranh sắp tới và nhất định sẽ đem lại thắng lợi mới cho nước Việt-nam dân chủ cộng hòa còn tươi trẻ để tiến lên theo con đường của các nước dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên-xô vĩ đại.

Chủ yếu nhất và trước hết phải nói đến bài học về vai trò lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ của giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó.

« Chủ nghĩa Mác dạy người vô sản không được tách mình ra khỏi cách mạng tư sản, đứng dưng với nó, phó mặc sự lãnh đạo của nó cho giai cấp tư sản, mà trái lại dạy người vô sản phải kiên quyết tham gia, chiến đấu hết sức quyết liệt cho chủ nghĩa dân chủ triệt để, cho sự hoàn thành cách mạng ». (Hai sách lược Lê-nin)

Chính nhờ sự lãnh đạo ấy, nhân dân Việt-nam đã nhận thức rõ tính chất cách mạng của Việt-nam, đã biết xiết chặt nhau lại trong Mặt trận dân tộc thống nhất dựa trên cơ sở liên minh công nông ngày càng vững chắc để tiến hành cuộc cách mạng dân chủ triệt để ở Việt-nam đặt mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chính nhờ sự lãnh đạo ấy, nhân dân Việt-nam đã vũ trang khởi nghĩa thành công hồi tháng Tám năm 1945 và lập ra nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Cũng chính nhờ sự lãnh đạo ấy, nhân dân Việt-nam giữ vững được chuyên chính dân chủ và đã tiến hành kháng chiến tự vệ thắng lợi.

Nhắc đến những thắng lợi căn bản đã qua, chúng tôi thấy cần phải nhớ lại những bài học vô cùng quý giá của Cách mạng 1905, những bài học đã được Lê-nin tổng kết và Sta-lin phát triển thêm và sau đó được Đảng Cộng sản Trung-quốc đứng đầu là Mao Chủ tịch áp dụng thắng lợi vào Trung-quốc. Đồng thời, chúng tôi thấy cần phải nhắc đến sự thực hiện một cách sáng tạo những bài học ấy vào hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam do Đảng cộng sản Đông-dương trước kia và Đảng Lao-động Việt-nam ngày nay đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí-Minh kính mến của chúng tôi, đã tiến hành.

I. Để có thể nhận rõ tác dụng của Cách mạng 1905 đối với Cách mạng Việt-nam, chúng tôi xin phác qua một vài nét về tình hình xã hội Việt-nam và những hoạt động chính trị ở nước chúng tôi từ năm 1905 đến 1930, tức là trước khi Đảng cộng sản Đông-dương thành lập.

Vào đầu thế kỷ thứ 20, thực dân Pháp, về căn bản, đã đặt được ách thống trị của chúng trên đất Đông-dương. Rồi

hàng hóa của tư bản Pháp tràn vào, và vốn của chúng cũng đưa tới nhiều hơn ném vào việc kinh doanh nhà máy, hầm mỏ và đồn điền. Việc đầu tư lại càng được tiến hành tích cực hơn nữa từ sau đại chiến 1914-1918. Kinh tế thực dân xây dựng và phát triển nền móng của nó chính là trong thời gian từ 1905 đến 1930.

Chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ đang lên là tử thù của chế độ phong kiến nhưng trái lại, đến giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chúng lại câu kết với chế độ phong kiến, mới thống trị tạm thời được ở các nước thuộc địa. Ở Việt-nam cũng vậy. Chế độ phong kiến một mặt bị lấn át nhưng một mặt lại được thực dân Pháp duy trì. Xã hội Việt-nam rõ rệt có tính chất thực dân và nửa phong kiến kể từ đầu thế kỷ thứ 20. Những yếu tố tư bản chủ nghĩa từ ngoài vào, xâm nhập mạnh vào xã hội nước chúng tôi và từ lúc ấy, các giai cấp trong nước có nhiều chuyển biến mới.

Giai cấp công nhân xuất hiện, được bổ xung thêm đông hơn và từ sau đại chiến 1914-1918, mỗi năm càng lớn lên.²

Nông dân phần thì vì sưu cao thuế nặng, nạn địa tô, nạn tấp dịch ; phần thì bị thực dân và tay sai cướp mất ruộng đất, mỗi năm càng bị phá sản và trở thành nguồn bổ sung hầu như vô tận cho giai cấp vô sản ở thành thị và thôn quê.

Giai cấp tiểu tư sản đặc biệt là tiểu trí thức trong thời gian từ sau 1918 đến 1930, do chính sách đào tạo công chức phục vụ cho bộ máy thống trị thuộc địa ngày càng phình ra, mỗi năm càng đông hơn những chỗ ngồi trong các bàn giấy của công sở có hạn, nên phần lớn trong bọn họ bị hất ra vỉa

hè.

Giai cấp tư sản Việt-nam bị bóp nghẹt, và phát triển rất khó khăn. Cho nên thân phận họ vẫn là thân phận những kẻ sống lay lắt héo mòn không sao lớn lên được.³

Trong điều kiện như vậy, bọn thực dân dù có gian ngoan xảo quyệt như thế nào, cũng không ngăn cản nổi những cuộc phản kháng của nhân dân một dân tộc đã từng có truyền thống kiên quyết chống xâm lược, bảo vệ độc lập của tổ quốc.

Trước thời kỳ đại chiến 1914-1918 chín mươi năm, phong trào phản kháng dậy lên từ trong tầng lớp phong kiến có xu hướng tư sản. Địa vị kinh tế cũng như chính trị của họ bị xâm phạm, thêm nữa ảnh hưởng của những phong trào bên ngoài mà họ gọi là « mưa Âu gió Á », làm cho cuộc phản kháng của họ đã diễn ra theo nhiều hình thức khác nhau. Có những người mở trường học truyền bá tư tưởng tư sản hồi thế kỷ 18 ở Pháp ; có những nhà buôn rủ nhau lập hội buôn mưu toan cạnh tranh với hàng của thực dân Pháp ; có những người nuôi ảo tưởng về Nhật-bản sau khi Nhật-bản thắng Nga-hoàng, và muốn nhờ vả Nhật-bản vũ trang cho để chống thực dân Pháp do đó đã đề xướng ra phong trào « Đông du ».

Tầng lớp này bắt đầu thấy rằng chế độ quân chủ hoặc chế độ phong kiến toàn vẹn như xưa không thể đứng vững được và phải có cải cách hoặc cách mạng theo lối tư sản. Nhưng địa vị giai cấp và tầm mắt giai cấp của họ không để cho họ thấy được phương hướng đúng cho hành động, cho nên sau khi Nhật trở mặt và sau khi những hoạt động bất

hợp pháp và công khai lẽ tẻ của họ bị khủng bố, thì vai trò của họ cũng chấm dứt.

Từ sau đại chiến 1914-1918, phong trào phản kháng thực dân Pháp tiến lên theo một đà mới.

Giai cấp tư sản dân tộc, cũng có đấu tranh nhưng đấu tranh của họ chỉ rất yếu ớt lẽ tẻ và trong một thời kỳ nào đó hoặc bằng cách cạnh tranh với thực dân hoặc bằng cách phản đối một vài chính sách của bọn thống trị ở các hội đồng tư vấn do thực dân Pháp lập ra hay trên những báo chí viết bằng tiếng Pháp. Nhưng cuối cùng, một số bị phá sản và một số nữa thì quay ra đầu hàng.

Giai cấp tiểu tư sản lúc bấy giờ phát triển khá đông ở nước chúng tôi, đã có những hoạt động đáng kể trong thời kỳ từ năm 1918 đến 1930. Trong các trường Pháp-Việt từ Bắc vào Nam ở các thành thị lớn, học sinh thường vẫn làm reo phản đối sự đối đãi của bọn giáo sư thực dân. Trong báo chí, sách xuất bản thỉnh thoảng xuất hiện những bài báo công kích bọn thống trị đương thời. Cuộc truy điệu nhà ái quốc Phan Chu-Trinh và cuộc đấu tranh đòi ân xá nhà cách mạng Phan Bội-Châu đã tập hợp được đông đảo tiểu tư sản ở Hà-nội, Huế, Sài-gòn và nhiều thị trấn khác. Rồi sau những ngày biểu dương lực lượng công khai ấy (1925-1926), trước sự đàn áp của thực dân, phong trào lắng xuống và đi vào những tổ chức bí mật. Lúc bấy giờ có hai xu hướng, tư sản và vô sản. Đại biểu cho xu hướng tư sản là Việt-nam quốc dân đảng, một đảng có tính chất tư sản rõ rệt. Chủ nghĩa của họ là chủ nghĩa tam dân của nhà cách mạng tư sản Trung-quốc Tôn Trung-Sơn, những điều rõ rệt nhất trong chủ nghĩa của họ là

chủ nghĩa dân tộc, và một phần nào đó là chủ nghĩa dân quyền, còn chủ nghĩa dân sinh thì họ không quan tâm đến. Tổ chức của họ lỏng lẻo, hành động của họ phiêu lưu mạo hiểm. Cũng vì vậy mà sau cuộc vũ trang bạo động ở Yên-bái năm 1930, Việt-nam quốc dân đảng về căn bản bị tan rã.

II. Song song với những hoạt động chính trị của các tổ chức có xu hướng tư sản, thì từ năm 1924 đến 1930 những hoạt động của giai cấp công nhân hoặc các tổ chức có xu hướng vô sản ngày càng rõ rệt. Cuộc đấu tranh để giành quyền lãnh đạo cách mạng dân chủ ở Việt-nam diễn ra trong những năm ấy.

Từ sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp thực hiện chính sách tích cực khai thác Đông-dương. Hầm mỏ, nhà máy phát triển. Giai cấp công nhân Việt-nam từ đấy tăng lên nhiều về số lượng. Những nông dân bị phá sản chạy tới các vùng mỏ, đồn điền, xin làm công nhân các xí nghiệp hoặc làm phu cao su. Đội quân thất nghiệp ngày càng to lớn. Tiền công của công nhân đã rẻ mạt lại càng bị đánh sụt xuống. Những cuộc đấu tranh của công nhân đòi tăng lương và cải thiện sinh hoạt nổ ra lẻ tẻ. Khẩu hiệu đấu tranh lúc đầu mới chỉ là những khẩu hiệu đấu tranh về kinh tế.

Rồi tiếng vang của Cách mạng tháng 10 Nga dội tới. Công nhân, nông dân và tiểu tư sản làm quen với hai tiếng « cộng sản ». Cộng sản đối với họ lúc bấy giờ là đánh đuổi đế quốc xâm lược, xây dựng một nước Việt-nam độc lập, sung sướng không có thất nghiệp, không có người bóc lột người. Ảnh hưởng của phong trào Ngũ-tứ ở Trung-quốc lan vào Việt-nam. Tất cả những tiếng vang từ bên ngoài ấy dội vào lòng

họ, kích thích họ hành động. Một bộ phận khá đông những thanh niên học sinh đã từng tham gia phong trào đòi ân xá Phan Bội-Châu và truy điệu Phan Chu-Trinh hướng về cộng sản. Phong trào Quảng-châu công xã có một ảnh hưởng quan trọng đối với nhân dân Việt-nam, đối với những tổ chức chính trị không hợp pháp có ít nhiều xu hướng cộng sản.

Cũng trong thời gian ấy, nhân dân Việt-nam thường nhắc đến những sách báo của đồng chí Nguyễn Ái-Quốc như sách « Bản án chế độ thực dân Pháp » và báo « Người cùng khổ » xuất bản ở nước Pháp. Ba tiếng Nguyễn Ai-Quốc (tên của Chủ tịch Hồ Chí-Minh) đối với giai cấp công nhân, nông dân và đại bộ phận tầng lớp tiểu tư sản, càng hướng họ mạnh vào lý tưởng cộng sản. Những tổ chức có ít nhiều xu hướng cộng sản ấy bắt đầu nảy nở từ năm 1924 : Tâm tâm xã, Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, Tân Việt đảng v.v... rồi tiến lên Đông-dương cộng sản Đảng ở Bắc-bộ, An-nam cộng sản Đảng ở Nam-bộ và Đông-dương cộng sản liên đoàn ở Trung-bộ. Theo chỗ chúng tôi hiểu, thì những tổ chức chính trị trên đây lúc bấy giờ còn nặng tính chất tiểu tư sản : tuy mang tên « cộng sản », nhưng các đảng viên nói chung còn nhiều nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa cộng sản. Dầu sao, những tổ chức chính trị ấy cũng báo hiệu giai cấp công nhân Việt-nam đã bước hẳn lên vũ đài chính trị Việt-nam và kiên quyết đấu tranh để giành quyền lãnh đạo cách mạng với giai cấp tư sản dân tộc.

Cho tới ngày 6-1-1930. Đồng chí Nguyễn Ái-Quốc triệu tập đại biểu ba tổ chức cộng sản trong nước tới Hương-cảng và đề ra việc thống nhất Đảng cộng sản Đông-dương thành

lập. Như vậy là mãi sau khi Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thắng lợi, những bài học của cách mạng 1905 mới được đem áp dụng vào hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam. Một thời kỳ mới trong lịch sử đấu tranh của nhân dân Việt-nam bắt đầu.

Đồng chí Trần-Phú, Tổng bí thư đầu tiên của Đảng thảo ra luận cương chính trị, nêu rõ : « *Cách mạng ở Đông-dương trong giai đoạn trước mắt là cách mạng dân chủ tư sản dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bước đầu của chủ nghĩa cộng sản* ». Nhiệm vụ của cách mạng dân chủ tư sản là đánh đổ sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến ở Đông-dương, làm cho Đông-dương hoàn toàn độc lập.

Ở một nước thuộc địa như Việt-nam, giai cấp công nhân tuy có phát triển nhưng số lượng vẫn rất ít ỏi. Song nhờ những bài học của Cách mạng Nga 1905, nhờ những bài học thành lập một đảng tiên phong kiểu mới và trong điều kiện Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga đã thắng lợi trên 1/6 quả địa cầu, thêm nữa lại được sự giúp đỡ của các Đảng cộng sản Pháp và Trung-quốc, vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân Việt-nam ngày càng được củng cố trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt-nam.

Từ năm 1930, giai cấp công nhân, thông qua Đảng Cộng sản Đông-dương, độc chiếm vai trò lãnh đạo cách mạng Việt-nam. Lúc bấy giờ khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa đế quốc đang diễn ra trên thế giới. Đông-dương, dưới sự thống trị của đế quốc Pháp cũng lâm vào nạn khủng hoảng kinh tế

trầm trọng. Đời sống của nhân dân Việt-nam, nhất là công nhân và nông dân, vô cùng điêu đứng. Một phong trào đấu tranh cuồn cuộn nổi lên ở nhiều nơi từ Bắc đến Nam trong những năm 1930 và 1931 : bãi công trong các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền cao su ; biểu tình chống sưu cao thuế nặng, chống bóc lột và áp bức ở nông thôn, v.v...⁴ .

Đáng chú ý nhất là sự thành lập xô viết Nghệ-an và Hà-tĩnh. Ở đây, trong nhiều huyện, nhân dân đã lật đổ chế độ thống trị của đế quốc Pháp và phong kiến, lập ra xô viết, tuyên bố độc lập và dân chủ. Những ủy ban xã, ủy ban huyện do phổ thông đầu phiếu cử ra. Thuế chợ và thuế thân bị bãi bỏ ; rượu và thuốc phiện bị cấm, sự cưỡng bách giáo dục được thực hiện. Phong trào xô viết Nghệ-Tĩnh duy trì được ba tháng. Về phong trào xô viết Nghệ-an, trong Báo cáo chính trị ở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Lao-động Việt-nam tháng 2-1951, Hồ Chủ-tịch đã nói :

« Đó là lần đầu tiên nhân dân ta nắm chính quyền ở địa phương và bắt đầu thi hành những chính sách dân chủ, tuy mới làm được một phạm vi nhỏ hẹp.

Xô viết Nghệ-an bị thất bại, nhưng đã có ảnh hưởng lớn. Tinh thần anh dũng của nó luôn luôn nồng nàn trong tâm hồn quần chúng, và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau. »

Thực dân Pháp ra sức khủng bố. Phần lớn tổ chức của Đảng và nhiều tổ chức quần chúng do Đảng lãnh đạo bị phá hoại nặng nề hoặc bị tan rã. Phong trào cách mạng tạm lùi xuống. Nhưng các đồng chí cộng sản còn lại, đã vượt mọi khó khăn, gian khổ, để gây dựng lại phong trào, và từ 1933,

phong trào cách mạng lại hồi phục ⁵. Đảng của giai cấp công nhân, một mặt củng cố những tổ chức không hợp pháp, một mặt phối hợp hoạt động không hợp pháp với hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp (báo chí, hội đồng thành phố và hội đồng quản hạt), dần dần mở rộng và củng cố phong trào. Năm 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Mã-ca-o.

Đến năm 1936, sau khi Mặt trận nhân dân ở Pháp lên cầm quyền, thì Đảng đề ra lập Mặt trận dân chủ Đông-dương. Từ năm 1936 đến 1939, nhờ phối hợp chặt chẽ công tác không hợp pháp với công tác hợp pháp và nửa hợp pháp, Đảng đã gây được nhiều cơ sở vững chắc ⁶ cho phong trào phát triển hơn về sau.

Năm 1939, cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai nổ ra. Thực dân Pháp khủng bố rất gắt. Nhưng cơ sở của phong trào cách mạng vẫn giữ được. Khi đế quốc Pháp đầu hàng phát xít Đức ở châu Âu, thì ở Đông-dương, chúng đầu hàng và câu kết với phát xít Nhật, mở rộng cửa cho Nhật xâm lược Đông-dương. Các cuộc khởi nghĩa Bắc-sơn (Bắc-bộ), Nam-kỳ, nổ ra cuối năm 1940 nhưng thất bại. Tháng 5-1941, sau khi Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 8, Mặt trận Việt-minh được thành lập. Khẩu hiệu chính lúc bấy giờ là : đoàn kết toàn dân, chống phát xít Nhật, chống thực dân Pháp, giành lại độc lập. Việt-minh phát triển rất mau và rất mạnh, vai trò lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân càng được đề cao và củng cố.

Tháng 3-1945, phát xít Nhật gây đảo chính, đánh đổ quyền thống trị của Pháp, Thường vụ Trung ương Đảng họp

hội nghị mở rộng, quyết định đẩy mạnh phong trào chống Nhật và tích cực chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Phong trào đấu tranh sôi nổi khắp nông thôn và thành thị. Khu giải phóng được thành lập ở 6 tỉnh Việt-bắc. Thắng lợi của Hồng quân Liên-xô ở châu Âu và ở châu Á, và lực lượng của Đảng Cộng sản Trung-hoa càng giúp đẩy mạnh phong trào đấu tranh hơn nữa.

Đến tháng 8-1945, tổng khởi nghĩa nổ ra. Nhân dân Việt-nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng cộng sản, đã giành được thắng lợi to lớn : thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

*

Những bài học của Cách mạng 1905 truyền vào Việt-nam đã có tác dụng rõ rệt. Và tác dụng ấy đã thể hiện ra trong mỗi bước đi của Cách mạng Việt-nam từ năm 1930 đến nay.

Nói đến lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ, tức là nói đến huy động và tổ chức lực lượng của toàn dân, chủ yếu là đông đảo nông dân tham gia đấu tranh chống đế quốc và phong kiến. Trong điều kiện một nước thuộc địa như Việt-nam, ngoài những động lực của cách mạng là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản, còn phải chú ý tới giai cấp tư sản dân tộc và cả một số nhân sĩ dân chủ, một lực lượng có khả năng phản đế và phản phong kiến trong một chừng mực nhất định nào đó. Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông-dương đề ra thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế, năm 1936-1939 Mặt trận dân chủ ; năm 1939-1940, Mặt trận dân tộc giải phóng và năm 1941, Mặt trận

Việt-minh ; rồi tới năm 1946 Mặt trận Liên-Việt và hiện nay Đảng Lao-động Việt-nam có sáng kiến lập Mặt trận tổ quốc Việt-nam. Sự đoàn kết rộng rãi ấy là một nhân tố quyết định cho thắng lợi của cách mạng dân tộc, dân chủ ở Việt-nam.

Nhưng đoàn kết trên cơ sở nào ?

« Thực chất của vấn đề dân tộc là vấn đề nông dân ». Chỉ thị ấy của Sta-lin là điểm xuất phát để Trung ương Đảng của chúng tôi kết luận : « Cách mạng ruộng đất là cơ sở và nội dung của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nước ta ». (*« Thực hiện cải cách ruộng đất » của Trường Chinh*). Cho nên đoàn kết dân tộc càng rộng rãi thì cơ sở của đoàn kết lại càng phải vững mạnh. Cách mạng Nga lần thứ nhất đã để lại cho Cách mạng Việt-nam bài học rất quý : luôn luôn và không ngừng củng cố khối liên minh công nông.

*« Giai cấp công nhân Nga trong những cuộc giao tranh cách mạng 1905-1907, đã đặt nền móng cho khối liên minh công nông và tạo ra một lực lượng xã hội năm 1917 lật đổ chính quyền của bọn địa chủ và tư bản và mở cho nhân dân Liên-xô con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội »*⁷. Bài học ấy được vận dụng vào cách mạng Việt-nam trong chính sách Mặt trận của Đảng của chúng tôi từ năm 1930. Luận cương chính trị đầu tiên của Đảng đã nêu rõ ràng vai trò của nông dân : *« Trong cuộc cách mạng tư sản dân chủ, giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính, nhưng giai cấp vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thành công »*. Và sau đó, bản luận cương còn nhấn mạnh : *« Phải thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để »*. Trong mỗi điều kiện cụ thể

của cách mạng Việt-nam, khẩu hiệu công nông liên minh đã được thể hiện ra một cách thích hợp. Sau khi phong trào xô viết Nghệ-tĩnh thất bại, tổ chức nông hội vẫn được duy trì dưới các hình thức khác nhau. Những khẩu hiệu đấu tranh chống thuế, giảm tô, chống đi phu, hoãn nợ. Rồi Mặt trận Việt-minh thành lập. Tổ chức nông dân cứu quốc hoạt động khắp các nơi. Chương trình của mặt trận đã ghi rõ :

- Tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và việt gian giao cho nông dân.
- Chia lại công điền.
- Mở mang công trình lấy nước vào ruộng, bồi đắp đê điều.
- Tự do khai khẩn đất hoang, có chính phủ giúp đỡ.

Những Mặt trận dân tộc thống nhất thành lập từ năm 1930 tới nay, mặc dầu có thay đổi hình thức tùy theo những điều kiện cụ thể của mỗi thời kỳ đấu tranh, nhưng tất cả đều đã làm được nhiệm vụ vẻ vang của nó, như thế vì đã dựa trên cơ sở liên minh công nông. Cho nên, có thể kết luận rằng : nếu giai cấp công nhân Nga đã đặt nền móng cho khối công nông liên minh trong những năm 1905-1907 và tạo ra lực lượng xã hội lật đổ địa chủ và tư bản năm 1917 do đó mở đường cho bước tiến lên chủ nghĩa xã hội thì giai cấp công nhân Việt-nam sau khi Cách mạng tháng Mười đã thắng lợi, học được những bài học của Cách mạng 1905 ở Nga, cũng đã gây dựng khối công nông liên minh ở Việt-nam và tạo ra một lực lượng xã hội căn bản lật đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến ngày Cách mạng tháng Tám mở đường cho sự

phát triển cách mạng dân chủ để sẽ tiến lên theo Liên-xô vĩ đại.

*

Có giai cấp công nhân và đảng tiên phong của nó lãnh đạo, có sự đoàn kết của các lực lượng cách mạng dựa trên cơ sở công nông liên minh, cách mạng Việt-nam muốn thắng lợi cần biết tiến hành vũ trang khởi nghĩa kịp thời và đúng lúc.

Nguyên tắc sách lược chủ yếu thứ hai mà Lê-nin nhấn mạnh trong tác phẩm « Hai sách lược » đã chỉ phương hướng hành động cho giai cấp công nhân Việt-nam. Cuộc đấu tranh vũ trang đã được tiến hành năm 1930 trong phong trào Xô viết Nghệ-an. Cho đến năm 1939, đại chiến thế giới thứ hai nổ ra. Tình hình Đông-dương cũng như tình hình nhiều nước ở châu Á có những thay đổi quan trọng. Phát xít Nhật uy hiếp Đông-dương. Thực dân Pháp đầu hàng Nhật và mở cửa biển giới rước quân Nhật tới. Nhân dân Việt-nam từ đây phải chịu cả ách phát xít Nhật lẫn ách của thực dân Pháp. Năm 1940, những cuộc khởi nghĩa Bắc-sơn, Nam-kỳ nổ ra. Tuy thất bại nhưng những cuộc đấu tranh vũ trang ấy đặc biệt là cuộc khởi nghĩa Bắc-sơn đã chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Những kinh nghiệm lập khu giải phóng của Đảng Cộng sản Trung-quốc đem lại thêm ánh sáng cho giai cấp công nhân Việt-nam lãnh đạo vũ trang khởi nghĩa. Sau khi Việt-minh ra đời (1941) việc chuẩn bị lập ra những khu giải phóng được tiến hành. Ngày 22-12-1944, đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân thành lập. Ngày 9-3-1945, Nhật hất cẳng Pháp. Đây là việc mà bộ tham mưu cách mạng lúc bấy giờ đã đoán trước thế nào cũng xảy ra. Lập tức với cơ sở võ

trang đã chuẩn bị từ trước, Đảng thay đổi chiến thuật, xông thẳng tới tổng khởi nghĩa.

Nhưng tiến hành tổng khởi nghĩa như thế nào ? Tác phẩm « Hai sách lược » và nhiều tác phẩm khác của Lê-nin đã soi sáng cho chủ trương của Đảng chúng tôi trong những giờ quyết định của cách mạng. Dưới ánh sáng của những tác phẩm ấy, đặc biệt là của « Hai sách lược », Trung-ương Đảng chúng tôi dồn lực lượng vào động viên và tổ chức nhân dân chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Tác phẩm « Cách mạng tháng Tám » của đồng chí Trường-Chinh đã ghi lại sáng rõ việc chuẩn bị tổng khởi nghĩa năm 1945 :

« Cho nên, sau cuộc chính biến ngày 9-3-1945, Đảng phát động chiến tranh du kích rộng rãi, giành chính quyền địa phương, tổ chức vùng thượng du và trung du Bắc-bộ thành căn cứ chống Nhật gương mẫu. Đồng thời, Đảng thay đổi các khẩu hiệu, các hình thức tuyên truyền tổ chức và đấu tranh để dễ động viên quần chúng, đẩy quần chúng tiến tới khởi nghĩa một cách mau lẹ.

« Lúc đó, về tuyên truyền, chuyển trọng tâm của công tác tuyên truyền vào một vấn đề cốt yếu ; vạch mặt nạ giả nhân giả nghĩa của phát xít, quân phiệt Nhật ; đánh đổ tất cả những ảo tưởng lợi dụng Nhật, hợp tác với Nhật hòng dùng những « khả năng hợp pháp » đòi « cải cách » v.v... làm cho nhân dân mơ hồ đối với phát xít Nhật và bọn tù nhân thân Nhật.

« Hình thức tuyên truyền phổ thông lúc đó là diễn thuyết xung phong ở các xí nghiệp, trường học, chợ, các ngã đường

; là dùng những đội tán phát xung phong để công khai trưng cờ ; bằng, áp phích và phát tài liệu cách mạng.

« Hình thức tuyên truyền đặc biệt lúc đó là võ trang tuyên truyền bằng mọi cách, kể cả cách võ trang tuần hành và du kích.

« Về đấu tranh, nắm lấy vấn đề thiết thân của quần chúng – vấn đề giải quyết nạn đói – mà lãnh đạo quần chúng phá những kho thóc của Nhật : tùy tình thế biến các cuộc biểu tình đi xúc thóc ấy thành những cuộc biểu tình thị uy võ trang.

« Hình thức đấu tranh phổ thông lúc đó là biểu tình võ trang. Hình thức đấu tranh đặc biệt lúc đó là đánh du kích ở các vùng có địa thế ; dùng Đội danh dự trừ gian ở thành thị cũng như ở thôn quê.

« Về tổ chức, khôn khéo vận dụng những « tổ chức quá độ » (tạm thời) để thực hiện chính quyền địa phương, đặc biệt phát triển những đội tự vệ cứu quốc và tự vệ chiến đấu (hay tổ du kích) ; tổ chức các đội dân quân.

« Hình thức tổ chức phổ thông lúc bấy giờ là các hội cứu quốc, nhất là tự vệ cứu quốc, tự vệ chiến đấu. Hình thức tổ chức đặc biệt lúc bấy giờ là Ủy ban giải phóng dân tộc Việt-nam, tức Chính phủ lâm thời, là các Ủy ban nhân dân, Ủy ban giải phóng – một hình thức có tính chất vừa hành chính, chính trị và quân sự (tính chất chính phủ) cũng tồn tại trong một thời gian nhất định và sau ngày tổng khởi nghĩa, đã biến thành những cơ quan hành chính, chính thức ở các địa phương – sau nữa là Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, Ủy ban

hành động của một xứ hay một địa phương trong giờ quyết liệt v.v... »

Thành lập những Ủy ban nói trên, chính là áp dụng bài học của Cách mạng 1905 vào hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam, thực hiện « *những hình thức đấu tranh không đếm xỉa gì đến nhà đương cục, không đếm xỉa gì đến pháp luật, không cần đến các quyền lực đã có và cả đến sự hợp pháp nữa và tự mình phá bỏ mọi luật lệ hiện hành.* » (Lịch sử đảng cộng sản Liên-xô).

Những đội tự vệ cứu quốc và tự vệ chiến đấu, những tổ chức dân quân lúc bấy giờ chính là những lực lượng rồi rào bổ xung cho Quân đội giải phóng Việt-nam, tức là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt-nam ngày nay.

Rồi đến ngày 9-8, Hồng quân tiến đánh phát xít Nhật ở Mãn-châu. Đạo quân Quan-Đông của Nhật bị tan rã nhanh chóng. Đại bại ấy làm rung chuyển tất cả hệ thống quân đội Nhật đang đóng ở nhiều nước châu Á. Ở Đông-dương, Đảng của giai cấp công nhân họp hội nghị toàn quốc, quyết định tổng khởi nghĩa. Không khí vũ trang khởi nghĩa cho kịp thời sôi nổi khắp các nơi. Bộ máy thống trị của phát xít Nhật và phong kiến bị hạ.

Ngày 19-8-1945, ngọn cờ đỏ sao vàng ngang nhiên phất cao ở Hà-nội, thủ đô nước Việt-nam dân chủ cộng hoà. Cách mạng Việt-nam thắng lợi.

Bài học vũ trang khởi nghĩa của Cách mạng 1905 sau khi Nga-hoàng thất bại, áp dụng vào Việt-nam năm 1945 trong khi phát xít Nhật hoang mang đến cực điểm, là vô cùng quý

báu cho nhân dân Việt-nam. Cách mạng tháng Tám ở Việt-nam thắng lợi, đó là thắng lợi của sự áp dụng chủ nghĩa Mác – Lê-nin đặc biệt là áp dụng bài học cách mạng dân chủ vào hoàn cảnh của một nước thuộc địa trong thời kỳ lịch sử mới, thời kỳ chủ nghĩa đế quốc đang tan rã và chủ nghĩa xã hội được hoàn thành ở Liên-xô. Hồ Chủ tịch của chúng tôi, nói về Cách mạng tháng Tám, đã chỉ cho nhân dân Việt-nam thấy rằng :

« Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt-nam có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng : lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc » (Báo cáo chính trị tháng 2-1951).

Năm nay, kỷ niệm Cách mạng 1905 lần thứ năm mươi cũng là năm nhân dân Việt-nam kỷ niệm lần thứ 10 ngày thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hoà. Tổng kết Cách mạng Nga lần thứ nhất, Lê-nin viết : *« Cách mạng Nga đã làm chuyển động toàn châu Á. Những cuộc cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, Trung-quốc chỉ rằng cuộc bạo động to lớn 1905 đã để lại dấu vết sâu sắc và ảnh hưởng của nó đối với phong trào tiến bộ của hàng trăm và hàng trăm triệu người, không sức gì có thể lay chuyển được »*.

Chúng tôi xin phép thêm rằng : Trong số hàng trăm triệu người ấy, có 23 triệu người Việt-nam.

III. Nhân dân Việt-nam, dưới sự lãnh đạo của giai cấp

công nhân và Đảng Cộng sản Đông-dương, đã học tập được bài học của Cách mạng 1905, đã học tập được sự áp dụng những bài học ấy của Đảng Cộng sản Trung-quốc, và đã thu được những thắng lợi căn bản.

Nhân dân Việt-nam kỷ niệm 10 năm nước Việt-nam dân chủ cộng hoà xin chân thành cảm tạ nhân dân Liên-xô, Đảng Cộng sản Liên-xô và các lãnh tụ của Đảng đứng đầu là Lê-nin và Sta-lin vĩ đại.

Nhân dân Việt-nam nhớ lại những bài học của 1905 sẽ luôn luôn ghi ơn của nhân dân Trung-quốc, của Đảng cộng sản Trung-quốc và Mao Chủ tịch đã truyền cho kinh nghiệm áp dụng những bài học 1905 vào hoàn cảnh cụ thể của những thuộc địa và nửa thuộc địa.

Và nhân dân Việt-nam càng tăng thêm tin tưởng vào giai cấp công nhân, vào Đảng Lao-động Việt-nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí-Minh, đã chỉ đạo cách mạng, biến những bài học của Liên-xô. Trung-quốc và những kinh nghiệm của cách mạng Việt-nam từ trước tới bây giờ thành những lực lượng vật chất quật ngã chế độ thực dân và phong kiến ngày Cách mạng tháng Tám và lập ra nước Việt-nam dân chủ cộng hoà.

*

Nhân dân Việt-nam giành được chính quyền, nước Việt-nam dân chủ cộng hoà thành lập. Việc bảo vệ lấy chính quyền mới giành được càng khó hơn gấp bội cuộc đấu tranh trước Cách mạng tháng Tám. Nhưng nhân dân Việt-nam đã có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, đã học được những bài học của Cách mạng Nga cho nên đã nhận rõ mình cần

phải làm gì và làm như thế nào sau Cách mạng tháng Tám. Lê-nin trong « Hai sách lược » đã ghi lại :

« Sự toàn thắng của cách mạng đối với chế độ Nga-hoàng là sự chuyên chính dân chủ cách mạng của vô sản và nông dân. Và thắng lợi ấy chính là một sự chuyên chính, nghĩa là nhất thiết phải dựa vào lực lượng vũ trang, vào vũ khí của quần chúng, vào bạo động, chứ không phải dựa vào tổ chức này hay tổ chức khác lập nên một cách « hợp pháp » bằng con đường « hoà bình ». Nó chỉ có thể là một nền chuyên chính, vì những cái cách tuyệt đối cần thiết và cấp thiết cho vô sản và nông dân sẽ gây ra một sự phản kháng thất vọng của bọn địa chủ, đại tư bản và của chế độ Nga-hoàng. Không có chuyên chính, không thể bẻ gãy được sự phản kháng ấy, không thể đánh lui được sự tấn công của phản cách mạng. Nhưng tất nhiên không phải là một nền chuyên chính xã hội chủ nghĩa, mà là một nền chuyên chính dân chủ. Nó không thể đụng đến cơ sở của chủ nghĩa tư bản (nếu cách mạng chưa vượt qua những giai đoạn quá độ). Trong trường hợp thuận lợi nhất, nó có thể thi hành sự chia lại ruộng đất của địa chủ cho nông dân một cách triệt để : thi hành một chế độ dân chủ triệt để... »

Cách mạng Nga lần thứ nhất không những đã đem lại cho nhân dân Việt-nam những vũ khí tốt để giành chính quyền mà còn đem lại những vũ khí quý báu để nhân dân Việt-nam bảo vệ lấy chính quyền mới giành được. Những vũ khí ấy không phải là súng đại bác, xe tăng mà đó là những kinh nghiệm về chuyên chính dân chủ mà Lê-nin và Sta-lin đã tổng kết lại.

Nhưng sử dụng được vũ khí ấy trên miếng đất của Cách mạng Việt-nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 là một việc rất phức tạp.

Trong báo cáo chính trị trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Lao-động Việt-nam, Hồ Chủ tịch của chúng tôi đã nhắc lại những khó khăn đầu tiên khi chính quyền nhân dân mới ra đời.

« Chính sách của Nhật và Pháp vơ vét nhân dân ta đến tận xương tuỷ, chỉ trong vòng hơn nửa năm (cuối năm 1944 đầu năm 1945) hơn hai triệu đồng bào miền Bắc đã chết đói.

« Nước ta độc lập chưa đầy một tháng, thì phía Nam quân đội đế quốc Anh kéo đến. Chúng mượn tiếng là lột vũ trang của quân Nhật, nhưng sự thật chung là đội viễn chinh giúp thực dân Pháp mưu cướp lại nước ta.

« Phía Bắc thì quân đội Quốc dân đảng Trung-hoa kéo sang. Chúng cũng mượn tiếng là lột vũ trang quân Nhật, nhưng kỳ thật chúng có ba mục đích hung ác :

- Tiêu diệt Đảng ta.*
- Phá tan Việt-minh.*
- Giúp bọn phản động Việt-nam đánh đổ chính quyền nhân dân để lập một chính phủ phản động làm tay sai cho chúng ».*

Cuộc kháng chiến tự vệ của nhân dân Việt-nam bắt đầu ở Nam-bộ tháng 9-1945 và đến tháng 12-1946 thì lan ra toàn quốc. Sự chênh lệch giữa lực lượng quân sự của thực dân Pháp xâm lược có bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ giúp sức và Quân đội nhân dân Việt-nam như thế nào, điều đó ai

cũng có thể biết. Trước năm 1950, quân Tưởng Giới-Thạch, tay sai của Mỹ vẫn chưa bị tiêu diệt và vẫn câu kết với đế quốc Pháp Mỹ mưu tiêu diệt chế độ dân chủ cộng hoà Việt-nam.

Nhưng, chuyên chính dân chủ của nhân dân Việt-nam không lùi bước, lực lượng vũ trang của nhân dân Việt-nam lớn lên trong đấu tranh, kháng chiến vẫn giữ vững và phát triển. Rồi sau nhiều thắng lợi trên các chiến trường Bắc, Trung, Nam, đến năm 1954, nhân dân Việt-nam đã đại thắng ở Điện Biên-Phủ, và tạo thêm điều kiện quyết định buộc bọn đế quốc xâm lược phải đình chỉ chiến tranh ăn cướp và thừa nhận độc lập, thống nhất và chủ quyền toàn vẹn của nhân dân Việt-nam trên lãnh thổ Việt-nam.

Tất cả những thắng lợi ấy sở dĩ đoạt được, căn bản là do Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam đã sử dụng được một cách đúng đắn những kinh nghiệm quý báu của các cuộc Cách mạng Nga, Trung-quốc, cũng như kinh nghiệm đấu tranh hàng chục năm chống bọn đế quốc và tay sai. Đã giành được chính quyền trong tay, nhân dân Việt-nam quyết thực hiện chuyên chính dân chủ. Vấn đề là phải nhận định cho rõ thực hiện như thế nào ? Đồng chí Trường-Chinh trong cuộc « Bàn về cách mạng Việt-nam » đã chỉ rõ cho nhân dân Việt-nam thấy như sau :

« Nhiệm vụ phản đế và nhiệm vụ phản phong kiến khăng khít với nhau. Lúc này phải tập trung mọi lực lượng để kháng chiến, đặt hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đó là trọng tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại. Nhiệm vụ phản phong kiến nhất định phải làm đồng thời với nhiệm vụ

phản đế, nhưng làm có kế hoạch, từng bước một đế vừa bồi dưỡng lực lượng cách mạng đang mau tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược, vừa đoàn kết kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc. »

Đó là đường lối thực hiện chuyên chính cách mạng dân chủ ở Việt-nam trong thời gian từ 1945 đến nay. Trong điều kiện một nước thuộc địa như Việt-nam bị đế quốc bao vây và tấn công, việc thực hiện chuyên chính dân chủ phải tiến hành rất thận trọng, đúng như Lê-nin đã căn dặn : *« Trường hợp thuận lợi nhất, có thể thi hành một chế độ dân chủ triệt để... »* Trường hợp thuận lợi nhất ấy chưa phải là đã có sẵn trong thời gian mấy năm đầu của cuộc kháng chiến, vì trong thời gian ấy, *« kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng Việt-nam là chủ nghĩa đế quốc xâm lược (thực dân Pháp, can thiệp Mỹ) và bè lũ bù nhìn việt-gian phản nước, đại biểu quyền lợi cho địa chủ phong kiến và tư sản mại bản »* (*« Bàn về Cách mạng Việt-nam »* – Trường-Chinh). Mũi nhọn của chuyên chính dân chủ cách mạng trước hết phải chĩa vào đầu những kẻ thù cụ thể ấy.

Bài học chuyên chính cách mạng dân chủ rút ra trong Cách mạng 1905, áp dụng vào Việt-nam đã có kết quả cụ thể của nó. Từ sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nền chuyên chính dân chủ nhân dân ở Việt-nam là của bốn giai cấp : công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, nhưng thực chất, đó là chuyên chính công nông. Những nguyên tắc của Cách mạng tư sản dân chủ vẫn được tôn trọng, song cách thức và mức độ áp dụng những nguyên tắc ấy cần phải thích hợp với hoàn cảnh cụ thể ở Việt-nam tùy

từng lúc và từng nơi cụ thể.

Theo đường lối ấy, từ sau Cách mạng tháng Tám, một phần tài sản và xí nghiệp của thực dân Pháp và bọn phản quốc bị tịch thu giao cho chính quyền nhân dân quản lý ; những xí nghiệp quốc doanh được thành lập ; dân chủ hoá thuế khoá, phát hành giấy bạc v.v...

Bộ máy chính quyền của thực dân và phong kiến bị thủ tiêu ; chính phủ lâm thời thành lập. Rồi tổng tuyển cử được tiến hành, nhân dân bầu ra Quốc hội và Quốc hội thảo ra Hiến pháp ; đồng thời các địa phương cũng bầu ra các hội đồng nhân dân, sau đó hệ thống uỷ ban nhân dân thay mặt nhân dân thực hiện chuyên chính dân chủ theo những mức độ đã quy định trong mỗi lúc.

Sau cách mạng tháng Tám, chương trình Việt-minh về vấn đề ruộng đất được đem ra thực hiện. Đồn điền của thực dân và ruộng đất của địa chủ việt gian bị tịch thu tạm giao cho nông dân ; các công điền công thổ được chia lại. Thông tư giảm tô của Bộ nội vụ được ban hành.

Đến năm 1949, sắc lệnh giảm tô lại được công bố. Những chính sách nói trên đã góp phần đẩy mạnh kháng chiến càng tiến lên. Cho đến đầu năm 1953, việc chia ruộng đất cho nông dân một cách triệt để ở *các vùng tự do miền Bắc* được đề ra. Kinh nghiệm phát động nông dân Trung-quốc càng giúp thêm cho phong trào đấu tranh của nông dân Việt-nam tiến hành thuận lợi.

Trong Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Lao động Việt-nam (từ 14 đến 23-11-1953), Hồ Chủ tịch đã chỉ thị cho

cán bộ :

« Then chốt thắng lợi của kháng chiến là củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, củng cố công nông liên minh, củng cố chính quyền nhân dân, củng cố và phát triển quân đội, củng cố Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Chỉ có phát động quần chúng cải cách ruộng đất, ta mới tiến hành những công việc đó được thuận lợi ».

Rồi kế tiếp, báo cáo của đồng chí Trường-Chinh, Tổng bí thư Đảng, lại một lần nữa phân tích cụ thể tình hình của xã hội Việt-nam, nhiệm vụ và tính chất cách mạng Việt-nam, kiểm thảo chính sách ruộng đất của Đảng và việc thi hành chính sách ruộng đất của Đảng rồi chỉ cho cán bộ phải tiến hành cải cách ruộng đất ở Việt-nam như thế nào.

Những chỉ thị của Hồ Chủ tịch và báo cáo của đồng chí Trường-Chinh là những ánh sáng rọi cho cán bộ của Đảng thấy rõ cơ sở và nội dung của Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt-nam là cách mạng ruộng đất, và do đó thấy rõ sự tác hại nghiêm trọng của việc không nghiêm chỉnh chấp hành chính sách ruộng đất của Đảng, khiến cho từ sau 1945, giai cấp địa chủ phong kiến đã trà trộn được vào chính quyền dân chủ ở cơ sở. Từ đấy, các đội cán bộ được phái xuống nông thôn vùng tự do, phát động nông dân đấu tranh thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, đánh đổ uy thế của giai cấp địa chủ phong kiến và giành uy thế chính trị cho nông dân lao động.

Ở các vùng du kích và căn cứ du kích miền Bắc, trong thời gian kháng chiến, nông dân vẫn không ngừng đấu tranh

đòi giảm tô 25% như sắc lệnh của chính phủ đã quy định.

Ở miền Nam, ngoài việc tạm cấp ruộng đất của thực dân và địa chủ việt gian cho nông dân, chính quyền kháng chiến cũng tạm cấp cả những ruộng đất vắng chủ cho họ.

Sự thực hiện chuyên chính dân chủ theo từng bước và có kế hoạch ấy đẩy mạnh kháng chiến tiến lên và năm 1954 đã thu được thắng lợi to lớn.

Đã hơn một năm nay, bọn đế quốc xâm lược phải ngừng tiếng súng ăn cướp của chúng ở Đông-dương. Hoà bình được lập lại. Chủ quyền dân tộc và lãnh thổ toàn vẹn của ba nước Việt-nam, Khơ-me và Lào được thế giới thừa nhận.

Sta-lin bàn về Cách mạng Nga 1905 đã viết : « ...*Phong trào xô viết đại biểu công nhân, do công nhân Lê-nin-gờ-rát và Mạc-tư-khoa bắt đầu năm 1905, cuối cùng đã đi tới đập tan chủ nghĩa tư bản và xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội trên 1/6 quả địa cầu* ».

Dựa vào bài học của phong trào xô viết của giai cấp công nhân Nga năm 1905, nhân dân Việt-nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt-nam đã lập ra những Uỷ ban dân tộc giải phóng. Uỷ ban nhân dân cách mạng ở nước Việt-nam trước Cách mạng tháng Tám, cơ sở đầu tiên của nền chuyên chính dân chủ ở Việt-nam tiến hành thắng lợi từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay.

Nhờ những bài học của phong trào xô viết năm 1905 ở Nga, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, khối công nông liên minh ở Việt-nam càng được củng cố, quân đội nhân dân Việt-nam có thêm sức mạnh, Đảng của giai cấp công nhân càng

thêm có uy tín, chính quyền nhân dân Việt-nam càng thêm vững và sau 8, 9 năm kháng chiến, nhân dân Việt-nam đã giành được một thắng lợi to lớn : miền Bắc Việt-nam đã được hoàn toàn giải phóng và đang khôi phục kinh tế trong hoà bình, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, chuẩn bị điều kiện tiến dần lên từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một nửa đất nước và tạo điều kiện quyết định cho thắng lợi của công cuộc đấu tranh, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

*

IV. Năm nay, thế giới kỷ niệm Cách mạng Nga 1905 lần thứ 50. Cách mạng Việt-nam từ 1930 tới nay đã học được những kinh nghiệm quý báu của Cách mạng 1905, những kinh nghiệm đã được áp dụng thắng lợi vào Trung-quốc và được Đảng cộng sản Trung-quốc tổng kết, và những tổng kết ấy đã trở thành lý luận soi sáng cho cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Thắng lợi của Cách mạng Việt-nam, chính là thắng lợi của việc áp dụng thành công chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam và đặc biệt là những kinh nghiệm căn bản của Cách mạng Nga lần thứ nhất.

Nhân dân Việt-nam, dưới sự lãnh đạo của giai cấp nhân dân Việt-nam và Đảng Lao động Việt-nam đứng đầu là Hồ Chủ tịch, đã hoàn toàn giải phóng được miền Bắc. Nhưng miền Nam của Tổ quốc chúng tôi còn đang bị đè nặng dưới sự thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai. Chúng đang trắng trợn phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, âm mưu phá hoại hòa bình ở Đông-dương, trường kỳ chia cắt Việt-nam. Nhiệm

vụ Cách mạng của nhân dân Việt-nam còn nặng nề, cuộc đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước còn trường kỳ gian khổ. Nhưng từ chỗ không có gì hết, nhờ kinh nghiệm cách mạng của Liên-xô và Trung-quốc, nhờ sự lãnh đạo của Trung-ương Đảng Lao động Việt-nam, nhân dân chúng tôi đã làm chủ hoàn toàn một nửa đất nước. Chúng tôi quyết giữ vững và phát triển những thắng lợi đã giành được, để tạo lấy những điều kiện quyết định cho cuộc đấu tranh giành thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ của Đảng Lao động Việt-nam, và Hồ Chủ tịch kính mến của chúng tôi đã đề ra.

Trong cuộc đấu tranh gian khổ, phức tạp và gay go, nhân dân Việt-nam luôn luôn nhớ rằng :

« Kinh nghiệm tổng kết của Cách mạng Việt-nam cũng như Cách mạng Trung-quốc là : một dân tộc thuộc địa hay nửa thuộc địa, muốn tự giải phóng phải có ba nhân tố thắng lợi chủ yếu dưới đây :

- 1. Đảng tiên phong trong sạch và vững mạnh.*
- 2. Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi và củng cố, lấy công nông liên minh làm cơ sở.*
- 3. Quân đội giải phóng của nhân dân anh dũng, vì nhân dân mà chiến đấu và được nhân dân ủng hộ »*⁸

Đó là những kinh nghiệm bắt nguồn từ cuộc Cách mạng Nga lần thứ nhất và đã được Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam phát triển và áp dụng vào hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam.

Với kinh nghiệm của Cách mạng Liên-xô, của Cách mạng Trung-quốc, với sự đồng tình và ủng hộ của phe hòa bình dân chủ thế giới đứng đầu là Liên-xô vĩ đại, Cách mạng Việt-nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và Đảng Lao động Việt-nam nhất định thắng lợi, nhất định củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc để tiến lên theo bước đường đã đi của Liên-xô, Trung-quốc và các nước dân chủ nhân dân.

MINH-TRANH

CÁCH MẠNG NGA LẦN THỨ NHẤT VỚI TRUNG-QUỐC

của **PHẠM NHƯỢC-NGU**

NĂM nay kỷ niệm lần thứ 50 Cách mạng Nga lần thứ nhất (1905-1907). Ngày 9 tháng 12 năm 1905 là ngày cách mạng khởi nghĩa vũ trang của Nga. Cuối tháng 10 và đầu tháng 11, Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô và Học viện Mác – Ăng-ghe-nơ – Lê-nin – Sta-lin đã lần lượt cử hành hội nghị báo cáo về công trình nghiên cứu về kỷ niệm Cách mạng Nga lần thứ nhất Trung-quốc có cử một đoàn đại biểu gồm có các đồng chí Phan Tử-Niên, Tiễn Xuân-Phương, Phạm Nhượng-Ngu sang Liên-xô tham gia hội nghị.

Sau đây là những đoạn chính trong bản báo cáo của đồng chí Phạm Nhượng-Ngu đọc ở hội nghị :

I. Năm 1905, lúc Cách mạng Nga lần thứ nhất bùng nổ vào thời đại đế quốc chủ nghĩa, thì Trung-quốc cũng vừa qua cuộc biến động của Nghĩa Hòa Đoàn năm 1900 chưa được bao lâu. Lúc ấy, các đế quốc càng công khai tiến hành xâm lược Trung-quốc và Chính phủ Mãn-thanh lại càng biến thành bọn tôi đòi nhơ nhuốc, nhất thiết tuân theo ý muốn các đế quốc. Lúc ấy cũng là lúc nhân dân Trung-quốc đang dần dần tiến vào con đường cách mạng phản đế, phản phong. Trong tình hình ấy, tiếng súng vĩ đại của Cách mạng Nga lần thứ nhất đã vang dội tới Trung-quốc.

Sau khi biết Cách mạng Nga lần thứ nhất bùng nổ, nhân

dân Trung-quốc hết sức thiết tha theo dõi sự tiến triển của Cách mạng Nga. Hồi ấy nhiều báo chí luôn luôn đăng tin Cách mạng Nga, bình luận về Cách mạng Nga, đưa ra cảm tưởng về vấn đề Trung-quốc do Cách mạng Nga gây ra. Ngày 2-6-1905, *Trung ngoại Nhật báo* đã viết : « Xem các báo phương Tây nói về cuộc biến loạn ở kinh đô Nga gần đây, thì thấy nhân dân Nga oan khổ, chính phủ Nga dã man, bọn lính Cô-dắc hung ngược. Những việc này là những việc không nên có, vậy mà chính phủ Nga vẫn cứ làm !... Xét tình cảnh của người Nga ngày nay đem đối chiếu với sự việc của nước ta ngày nay, thì tình hình thật là rất giống nhau. » Thế là nhân dân Trung-quốc đã tỏ ra đồng tình với nhân dân Nga đang đấu tranh trong gian khổ. Và đó cũng là nhân dân Trung-quốc đã tỏ ra cảm khái vì cảnh ngộ của mình cũng giống như cảnh ngộ của nhân dân Nga. Lê-nin đã nói : « Nhân dân Trung-quốc chịu hết những đau khổ mà nhân dân Nga phải chịu : chịu những bóp nặn về thuế má đối với nông dân đói rét, chịu những thống khổ do chính phủ kiểu Á-châu áp bức các yêu sách tự do gây ra ; chịu những áp bức của tư bản đã xâm nhập Trung-quốc gây ra. » (Lê-nin và Sta-lin, bàn về Trung-quốc, trang 21) Vì lẽ đó nhân dân Trung-quốc tất nhiên phải đem Cách mạng Nga liên hệ với vấn đề Trung-quốc, và đã quan sát cách mạng Nga. Hồi ấy dư luận Trung-quốc đã dự đoán chế độ Nga hoàng sẽ đổ, và lại dự đoán rằng dưới ảnh hưởng của Cách mạng Nga, chẳng bao lâu nữa Cách mạng Trung-quốc cũng bùng nổ. Ngày 14-7-1905, *Thân báo* viết : « Sự giao thông trên thế giới ngày một gần gũi, sự việc thế giới kích thích vào tai mắt ngày một nhiều. Đầu thế

kỷ 20, chính thể chuyên chế Nga-la-tư đã ở vào cái thể không thể duy trì nổi. Phong trào cách mạng đã lan tràn đến Á-đông, cái ngày thành công cũng không còn xa nữa. » Sau đó khi Cách mạng 1905 bị đánh quỵ, và tạm thời thất bại, dư luận Trung-quốc vẫn nhận rằng Cách mạng Nga sẽ còn bùng nổ. Tờ *Dân Báo* số 22 năm 1906 có viết : « Chính sách khắc nghiệt của chính thể Nga thật là cùng cực. Bảo rằng nếu Đảng cách mạng Nga bị đàn áp rồi không tiếp tục hoạt động được nữa, thì chúng tôi không thể đồng ý được. Theo sự nhận xét của tôi, ngày nào mà chương ngại vật chưa bị lật đổ đi, thì ngày đó phong trào cách mạng chưa thể tắt được. Xét ra thì chưa đạt được mục đích cách mạng, thì thời kỳ cách mạng vẫn hãy còn. Cách mạng Nga 1905 tuy đã thất bại, nhưng ảnh hưởng của nó đối với Trung-quốc rất là sâu sắc ».

Lê-nin nói : « Chủ nghĩa tư bản thế giới và phong trào Nga 1905 cuối cùng sẽ thức tỉnh châu Á, hàng mấy trăm triệu nhân dân bị áp bức, mơ màng trong trạng thái đình trệ của thời đại trung cổ sẽ tỉnh dậy yêu cầu một đời sống mới, đấu tranh cho quyền lợi sơ bộ của con người, và cho dân chủ » (Lê-nin và Sta-lin, bàn về Trung-quốc, trang 40), rõ ràng là dưới ảnh hưởng của Cách mạng Nga 1905, nhân dân Trung-quốc đã « yêu cầu một đời sống mới, đấu tranh cho quyền lợi sơ bộ của con người và cho dân chủ » một ngày một kịch liệt. Khoảng tháng 8-1905, các đoàn thể cách mạng nhỏ do Tôn Trung-Sơn đứng đầu đã họp nhau lại thành « Trung-quốc đồng minh hội ». Đồng chí Mao Trạch-Đông vạch ra rằng : « Bắt đầu từ Tôn Trung-Sơn, mới có cách mạng tư sản dân chủ tương đối rõ ràng » (Mao Trạch-Đông tuyển tập, quyển II).

Tư tưởng cách mạng tư sản dân chủ của Tôn Trung-Sơn đến năm 1905 mới xác định. Chính Tôn Trung-Sơn cũng đã kể rằng : « Mãi đến năm Ất-tý (1905) tập hợp các bậc anh tuấn để lập Đồng minh hội ở Đông-kinh, tôi mới tin rằng sự nghiệp cách mạng có thể thành công trong đời tôi được » (*Tôn Văn học thuyết*, chương 8).

Cách mạng Nga 1905 làm cho giới tư tưởng Trung-quốc nhìn thấy rằng : « đầu thế kỷ 20, chính thể chuyên chế Nga-la-tư đã ở vào cái thế không thể duy trì nổi » (*Thân, báo*, ngày 14-7-1905).

Thế kỷ 20 nhiều kẻ nhận rằng muốn xây dựng chính thể mới, thì phải tẩy trừ nền chuyên chế (*Dân báo*, số 3-4-1906). Do đó đã đưa giới tư tưởng Trung-quốc nhận thấy rằng : « Cách mạng Trung-quốc đối với chính phủ dị tộc cố nhiên là phải lật đổ nhưng đối với chính phủ quân chủ chuyên chế của mấy ngàn năm đồng thời cũng phải cải tạo ». (*Dân báo*, số 3-4-1906).

Thế nghĩa là không phải kết thúc ách thống trị hơn hai trăm năm của Mãn Thanh, mà căn bản phải kết thúc nền thống trị của Trung-quốc từ hơn 2000 năm nữa. Đồng thời Cách mạng Nga 1905 cũng làm vỡ mộng những người vẫn ảo tưởng rằng dưới nền thống trị của Mãn Thanh có thể thực hiện chủ nghĩa cải lương lập hiến được. Giữa lúc nhân dân Nga trong Cách mạng 1905 đã nhìn thấy việc chính phủ Nga hoàng lập ra quốc hội là lừa bịp, thì báo cơ quan của Đồng minh hội đã từng viết như sau : « Phong trào vĩ đại của nước Nga làm chấn động hoàn cầu, Nga hoàng đã ban bố điều lệ thành lập quốc hội, cho nhân dân hưởng tự do, thế mà nhân

dân Nga vẫn chưa thỏa mãn. Nhà tù ở kinh đô Nga cũng như nhà tù Bát-ti của nước Pháp hồi trước cách mạng đã bị san phẳng. Ai cũng biết rằng đó là nhờ lực lượng của đảng Xã-hội Nga... Việc đó cũng giúp đỡ ít nhiều cho phương châm cách mạng của nước ta. » (*Dân báo*, số 4-5-1906).

Sắc chỉ ngày 30 tháng Mười của Nga-la-tư, xét bề ngoài, là một hành động chưa từng có của chính phủ, quốc dân từ đây có thể được hưởng tự do do hiến pháp bảo đảm. Nhưng có biết đâu rằng thực ra cái đó không đủ tin được, vì vậy cách mạng vẫn không thể ngừng được. Sự sửa đổi về hình thức chỉ là trống rỗng. Nhìn lại Trung-quốc, thì chính phủ biết xét thời thế để thi hành cải cách không được như chính phủ Nga, mà lại còn ngoan cố gấp mười chính phủ Nga ; lực lượng quốc dân đòi chính phủ thi hành cải cách so với lực lượng quốc dân Nga, không cần phải nói ai cũng biết là không kịp, thế mà loanh quanh lại có thể tưởng rằng có thể hi vọng ở lập hiến được, và cho rằng bạo động là vô ích (*Dân báo*, số 4 như trên). Như thế là Cách mạng Nga 1905 đã đưa đường cho giới tư tưởng Trung-quốc nhận ra cách giải quyết vấn đề Trung-quốc : không thể giải quyết bằng phương pháp thay thế đế quốc Mãn Thanh bằng một đế quốc Hán tộc, cũng không thể giải quyết bằng phương pháp cải lương lập hiến, mà phải giải quyết bằng phương pháp cách mạng lập ra một nước cộng hòa dân chủ. Tuy rằng nước cộng hòa dân chủ mà Tôn Trung-Sơn muốn lập ra lúc bấy giờ là nước cộng hòa dân chủ tư sản (trong thời đại cách mạng vô sản của thế kỷ 20, chủ trương lập một nước cộng hòa tư sản là không thể thực hiện được), nhưng chủ trương ấy đã có ý nghĩa tiến bộ đối

với việc thúc đẩy giới tư tưởng Trung-quốc nhận thức về Cách mạng Trung-quốc. Theo lời kêu gọi của Tôn Trung-Sơn, sau năm 1905, phong trào dân chủ ở Trung-quốc ngày càng phát triển : năm 1906 đã nổ ra các cuộc khởi nghĩa đại quy mô ở Bình-lương, Lưu-dương, Lễ-lăng (Hồ Nam) ; năm 1907 nổ ra các cuộc khởi nghĩa ở Hoàng-cương, Huệ-châu, An-khánh, Khâm-châu, Trấn-nam-quan (nay là Mục nam quan) ; năm 1908, nổ ra các cuộc khởi nghĩa ở Hà-khẩu (thuộc miền Nam Vân-nam), ở An-khánh ; năm 1910, nổ ra cuộc khởi nghĩa ở Quảng-châu ; năm 1911, nổ ra Cách mạng Tân-hợi. Cách mạng Tân-hợi không những đã chấm dứt nền thống trị Mãn Thanh, mà còn làm đổ vỡ nền đế chế đã kéo dài ở Trung-quốc hơn 2000 năm. Vì vậy trong « Báo cáo về Cách mạng 1905 » ngày 4-1-1917, Lê-nin có vạch ra rằng : « Cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, Trung-quốc đã chứng minh rằng cuộc khởi nghĩa lớn mạnh năm 1905 đã để lại những dấu vết sâu sắc, ảnh hưởng cuộc khởi nghĩa không thể mai một được, vì nó đang biểu hiện ở phong trào của hàng ức vạn quần chúng đang tiến lên ».

Giai cấp tư sản lúc bấy giờ (các phần tử trí thức của họ) tuy chịu ảnh hưởng của cách mạng Nga 1905, nhưng họ lại quan sát các sự kiện Cách mạng 1905 theo quan điểm của họ. Vì vậy đặc điểm của Cách mạng Nga 1905 khác hẳn các cách mạng tư sản khác, họ ít nhìn thấy, thậm chí lại không nhìn thấy gì hết. Các báo chí Trung-quốc lúc bấy giờ đối với nhiều vấn đề không thể phản ánh đúng đắn bộ mặt thực của Cách mạng Nga 1905. Cái đó không những vì những tin tức về Cách mạng Nga lúc bấy giờ mà nhân dân Trung-quốc được

biết đều do các cơ quan thông tin của các đế quốc đã bóp méo đi, bịa đặt ra, mà còn vì quan điểm của giai cấp lãnh đạo Cách mạng Trung-quốc lúc bấy giờ không cho phép hiểu được bộ mặt thực của cách mạng Nga. Muốn vận dụng được kinh nghiệm Cách mạng Nga 1905 để chỉ đạo cách mạng tư sản Trung-quốc, không thể không chờ sự xuất hiện một điều kiện lịch sử tất yếu, nghĩa là phải chờ đến khi giai cấp vô sản Trung-quốc thành một lực lượng chính trị độc lập để lập ra chính đảng của mình (Đảng cộng sản Trung-quốc).

Thời kỳ cách mạng 1905, giai cấp vô sản Trung-quốc vẫn chưa nhẩy lên vũ đài chính trị như là một lực lượng giai cấp độc lập và giác ngộ. Giai cấp này còn theo giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản mà tham gia cách mạng. Vì giai cấp vô sản Trung-quốc lúc bấy giờ chưa thành một lực lượng chính trị độc lập, nên sau Cách mạng Tân-hợi, Lê-nin đã vạch ra rằng : « Bốn trăm triệu người châu Á đã giành được tự do đã tỉnh dậy để tham gia sinh hoạt chính trị ». Nhưng một mặt khác Lê-nin lại vạch ra rằng : « ...Nông dân chưa được chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo không biết có đủ sức giữ được lập trường dân chủ của mình để chống lại các đảng phái tự do là những đảng phái hễ có cơ hội tốt là chạy ngay về phía hữu không ?... Một tương lai không xa sẽ chứng rõ điều này ». (Lê-nin và Sta-lin bàn về Trung-quốc, trang 32-34). Quả nhiên Cách mạng Tân-hợi chưa được giai cấp vô sản lãnh đạo đã đưa đến kết quả chứng minh lời đoán của Lê-nin là đúng. Đồng chí Mao Trạch-Đông cũng từng nói : « Cách mạng Tân-hợi chỉ đuổi được một ông vua, nhưng Trung-quốc vẫn còn ở dưới chế độ áp bức của đế quốc và phong kiến ;

nhệm vụ cách mạng phản đế, phản phong vẫn chưa làm trọn » (Mao Trạch-Đông tuyển tập, quyển II, trang 552). Cách mạng 1905 của Trung-quốc muốn được thắng lợi triệt để phải chờ đến khi chính đảng của giai cấp vô sản Trung-quốc ra đời mới thực hiện được. Lê-nin đã từng đoán trước rằng một chính đảng như thế nhất định phải ra đời. Quả nhiên, 10 năm sau Cách mạng Tân-hợi, chính đảng của giai cấp vô sản Trung-quốc – Đảng cộng sản Trung-quốc – đã ra đời đúng như quy luật.

II. Cách mạng Nga 1905 là cuộc cách mạng thế giới dân chủ lần thứ nhất phát sinh ra trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Đó không phải là sự tái diễn của cuộc cách mạng tư sản trước thời kỳ tư bản độc quyền, mà là cuộc cách mạng có những đặc điểm khác hẳn các cuộc cách mạng tư sản trước. Năm 1905, trong cuốn « Hai sách lược của đảng Xã hội dân chủ trong cách mạng dân chủ », Lê-nin đã từng bàn về nhiệm vụ cách mạng dân chủ tư sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, bàn về động lực cách mạng, quyền lãnh đạo cách mạng, đồng minh quân của giai cấp lãnh đạo cách mạng, và kẻ thù của giai cấp ấy, bàn về thủ đoạn trọng yếu để giành lấy thắng lợi cho cách mạng, bàn về tính chất chính quyền lập ra sau khi cách mạng dân chủ tư sản đã thắng lợi, và bàn về các vấn đề trọng yếu từ cách mạng dân chủ tư sản chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa v.v... Quyển sách ấy có một nội dung lý luận cách mạng mới về chủ nghĩa Mác, trước Cách mạng tháng Mười, trước ngày Đảng cộng sản Trung-quốc ra đời, thì người Trung-quốc chưa thể hiểu được. Chỉ sau Cách mạng tháng Mười, sau khi Đảng cộng sản Trung-

quốc đã ra đời, người cộng sản Trung-quốc thông qua quyển sách ấy của Lê-nin, mới chân chính học tập được kinh nghiệm của Cách mạng Nga 1905, và mới cụ thể vận dụng được cơ sở sách lược do đảng Bôn-sê-vích đã vạch ra trong Cách mạng 1905 để chỉ đạo cách mạng Trung-quốc.

Trong quyển « Hai sách lược » Lê-nin đã bàn về sách lược của đảng Bôn-sê-vích trong cách mạng dân chủ. Trước hết phải thực hiện quyền lãnh đạo cách mạng dân chủ tư sản của giai cấp vô sản, phải thực hiện công nông liên minh dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, phải cô lập giai cấp tư sản tự do. Những sách lược ấy của đảng Bôn-sê-vích trong cách mạng dân chủ đối với cách mạng dân chủ mới ở Trung-quốc tức đối với cách mạng dân chủ tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo, đã có tác dụng chỉ đạo hết sức trọng yếu. Tháng 3-1926 giữa lúc phong trào cách mạng vĩ đại của Trung-quốc đang bùng nổ, để chống lại hai khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa tồn tại trong Đảng, đồng chí Mao Trạch-Đông đã từng viết ra tài liệu « phân tích các giai cấp trong xã hội Trung-quốc ». Trong tài liệu ấy đồng chí Mao Trạch-Đông, sau khi đã dùng phương pháp phân tích giai cấp của chủ nghĩa Mác mà phân tích địa vị kinh tế của các giai cấp trong xã hội Trung-quốc và thái độ của họ đối với cách mạng, liền định ra từ căn bản đường lối chung của Đảng Cộng sản Trung-quốc trong giai đoạn cách mạng dân chủ mới. Sau đó đồng chí Mao Trạch-Đông, trong các trước tác khác, lại tiếp tục bàn rõ ràng về đường lối chung và chính sách chung của Đảng Cộng sản Trung-quốc trong giai đoạn cách mạng dân chủ mới. Đồng chí Mao Trạch-Đông đem đường lối chung, chính sách chung

của cách mạng dân chủ mới tại Trung-quốc quy định thành những công thức sau đây : « Đó là cuộc cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo, đó là cuộc cách mạng nhân dân đại chúng, phản đế, phản phong, phản quan liêu tư bản ». Đường lối chung, chính sách chung mà đồng chí Mao Trạch-Đông đã định ra cho cách mạng dân chủ mới ở Trung-quốc chính là sự vận dụng cụ thể nguyên lý sách lược của Đảng Bôn-sê-vích trong cách mạng dân chủ dưới điều kiện của Trung-quốc.

Trong quyển « Hai sách lược », Lê-nin đã vạch rằng : chủ nghĩa Mác dạy người vô sản không nên lẫn tránh cách mạng tư sản, không phải bảo người vô sản không quan tâm đến cách mạng tư sản, không phải bảo người vô sản đem quyền lãnh đạo cách mạng nhường cho giai cấp tư sản, mà dạy người vô sản phải hết sức hăng hái tham gia cách mạng ấy, phải vì chế độ dân chủ vô sản triệt để, vì sự nghiệp hoàn thành cách mạng triệt để kiên quyết phấn đấu. Khi cách mạng dân chủ mới ở Trung-quốc đã bắt đầu, giai cấp vô sản đã thành một lực lượng chính trị độc lập và đã lập ra chính đảng của mình, thì cách mạng Trung-quốc dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản có thể chuyển từ cách mạng dân chủ cũ sang cách mạng dân chủ mới. Giai cấp vô sản phải đóng vai trò lãnh đạo cách mạng dân chủ tư sản. Đó là đặc điểm làm cho Cách mạng 1905 khác với các cuộc cách mạng tư sản trước kia. Đó cũng là đặc điểm của cách mạng dân chủ mới ở Trung-quốc căn bản khác với cách mạng dân chủ cũ. Đồng chí Mao Trạch-Đông vạch ra rằng : « Tất cả lịch sử cách mạng đã chứng minh : không có giai cấp vô sản lãnh đạo, thì

cách mạng sẽ thất bại ; có giai cấp vô sản lãnh đạo, cách mạng sẽ thắng lợi ». Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, bất cứ giai cấp nào khác trong bất cứ nước nào đều không thể lãnh đạo cách mạng chân chính đến thắng lợi được. Giai cấp tiểu tư sản và giai cấp tư sản Trung-quốc đã từng nhiều lần lãnh đạo cách mạng, mà đều thất bại cả. Điều này đã chứng thực ý kiến nói trên (Bàn về nền chuyên chính dân chủ nhân dân, trang 14). Nguyên nhân khiến cho cách mạng dân chủ mới ở Trung-quốc được thắng lợi triệt để là Đảng Cộng sản Trung-quốc đã biết chấp hành nguyên lý sách lược cơ bản của cách mạng dân chủ tư sản, làm cho giai cấp vô sản thành ra kẻ lãnh đạo cách mạng dân chủ tư sản.

Trong quyển « Hai sách lược », Lê-nin vạch rằng : Điều kiện thứ nhất làm cho giai cấp vô sản thực sự thành ra kẻ lãnh đạo cách mạng tư sản là phải có kẻ đồng minh tự nguyện chịu ở dưới quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản ; vì rằng không có kẻ bị lãnh đạo thì kẻ lãnh đạo sẽ không phải là lãnh đạo nữa. Nông dân chính là một bạn đồng minh như thế. Đồng chí Mao Trạch-Đông theo đúng tư tưởng sách lược của Lê-nin đối với nông dân, đã nhận rằng vấn đề nông dân là vấn đề trung tâm trong cách giải quyết quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Đồng chí Mao Trạch-Đông vạch rằng : « Chỉ ở dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, bần nông và trung nông mới được giải phóng ; giai cấp vô sản cũng phải kết bạn đồng minh chặt chẽ với bần nông và trung nông, thì mới lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi được. Không thế thì cách mạng không thể thắng lợi » (*Mao Trạch-Đông tuyển tập*, quyển II, trang 638). Chính nhờ có giai cấp vô sản lãnh đạo, và nhờ có

công nông liên minh ở dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, mà cách mạng dân chủ mới ở Trung-quốc đã giành được thắng lợi triệt để, và làm cho cách mạng dân chủ mới có khả năng chuyển biến thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong quyển « Hai sách lược », Lê-nin đã chỉ rằng điều kiện thứ hai để giai cấp vô sản thực sự thành ra kẻ lãnh đạo cách mạng tư sản là phải trục xuất ra khỏi sân khấu lãnh đạo những kẻ chực tranh quyền lãnh đạo với giai cấp vô sản để đóng vai trò lãnh đạo duy nhất, và làm cho chúng trở thành cô lập. Vì tư tưởng về quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản không thể cho phép có hai kẻ lãnh đạo cách mạng cùng tồn tại. Giai cấp tư sản tự do chính là giai cấp như thế. Vì giai cấp tư sản Nga là giai cấp tư sản của một nước đế quốc, và giai cấp tư sản tự do của nước đế quốc lại không thể không phản cách mạng được (*Stalin toàn tập*, quyển 10, trang 12). Vì thế, nếu không cô lập giai cấp tư sản phản động ấy, thì quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản không thể thực hiện được. Giai cấp tư sản Trung-quốc là giai cấp tư sản của một nước thuộc địa, nửa thuộc địa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Một bộ phận của giai cấp này là giai cấp tư sản mại bản, họ là đối tượng của cách mạng ; còn một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc. Đồng chí Mao Trạch-Đông vạch ra rằng : « Một mặt giai cấp tư sản dân tộc bị đế quốc áp bức, và bị phong kiến trói buộc, vì vậy họ mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến, theo mặt này mà xét, thì họ là một lực lượng cách mạng. Nhưng một mặt khác vì tính chất yếu ớt của họ về nền kinh tế và chính trị, vì họ chưa hoàn toàn đoạn tuyệt liên hệ kinh tế với đế quốc và phong kiến, cho nên họ không

có dũng khí phản đế, phản phong triệt đế » (*Mao Trạch-Đông tuyển tập*, quyển II, trang 634). Vì thế quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản Trung-quốc, vấn đề chính sách của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản trong cách mạng dân chủ có liên hệ với hai tính chất nói trên của giai cấp tư sản Trung-quốc. Về vấn đề quyền lãnh đạo cách mạng dân chủ tư sản, vì tính chất yếu ớt của giai cấp tư sản dân tộc Trung-quốc, nên giai cấp tư sản dân tộc không thể trở thành kẻ lãnh đạo cách mạng dân chủ tư sản Trung-quốc được. Nhưng vì giai cấp tư sản dân tộc trong một thời kỳ nhất định và trên một trình độ nhất định vẫn còn có thể tham gia cuộc cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc và chống chính phủ quan liêu quân phiệt. Đồng chí Mao Trạch-Đông đã nói : « Đối với giai cấp tư sản dân tộc phải có chính sách thận trọng. Đó là điều cần thiết » (*Mao Trạch-Đông tuyển tập* quyển II, trang 635). Như thế là chính sách của Đảng Cộng sản Trung-quốc đối với giai cấp tư sản trong cách mạng dân chủ có khác chính sách của Đảng Bôn-sê-vích Nga đối với giai cấp tư sản tự do trong cách mạng dân chủ. Quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản Nga thực hiện dưới điều kiện liên minh với nông dân, và cô lập giai cấp tư sản tự do. Quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản Trung-quốc lại thực hiện dưới điều kiện liên minh với nông dân, và cùng với giai cấp tư sản dân tộc lập thành mặt trận thống nhất dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Đồng chí Mao Trạch-Đông đã định ra chính sách mặt trận thống nhất của giai cấp vô sản Trung-quốc đối với giai cấp tư sản dân tộc. Đó là chính sách vừa liên hiệp vừa đấu tranh. Đó là chính sách thực hiện quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản Trung-

quốc đối với giai cấp tư sản dân tộc. Đồng chí Sta-lin đã từng vạch ra rằng : *một nguyên tắc sách lược của chủ nghĩa Lê-nin là nhất định phải đánh giá những đặc biệt của dân tộc, và những cái độc hữu của dân tộc trong từng quốc gia một* (Sta-lin toàn tập, quyển 4, trang 298). Chính sách của Đảng Cộng sản Trung-quốc đối với giai cấp tư sản dân tộc trong cách mạng dân chủ đã căn cứ vào tình hình đặc biệt của Trung-quốc mà định ra. Sách lược của Đảng Cộng sản Trung-quốc trong giai đoạn cách mạng dân chủ mới cũng như sách lược của Đảng Bôn-sê-vích Nga, nghĩa là đều trải qua cuộc đấu tranh chống chính sách của bọn cơ hội chủ nghĩa các loại. Đảng Cộng sản Trung-quốc đã chiến thắng sách lược cơ hội chủ nghĩa tả khuynh và hữu khuynh rồi dựa vào nguyên lý sách lược của chủ nghĩa Lê-nin mà định ra chính sách chỉ đạo cách mạng Trung-quốc, cho nên cách mạng dân chủ mới của Trung-quốc mới giành được thắng lợi triệt để.

Trong quyển « Hai sách lược », Lê-nin còn vạch ra rằng : cần tổ chức khởi nghĩa vũ trang để lật đổ chế độ Nga-hoàng, cần lập chính phủ cách mạng lâm thời, thực hành công nông dân chủ chuyên chính, và sau khi cách mạng dân chủ đã giành được thắng lợi triệt để thì tức khắc phải biến cách mạng dân chủ tư sản ra cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Trung-quốc đã đem nguyên lý sách lược của đảng Bôn-sê-vích Nga trong cách mạng dân chủ kết hợp với thực tiễn cụ thể của cách mạng Trung-quốc. Đồng chí Mao Trạch-Đông vạch ra rằng : Cách mạng Trung-quốc phải dùng đấu tranh vũ trang làm thủ đoạn chủ yếu để lật đổ nền thống trị phản động, là vì ở một nước nửa phong kiến, nửa thuộc địa

như Trung-quốc, nhân dân không có quyền lợi tự do chính trị, kẻ thù lớn mạnh của cách mạng không cho nhân dân Trung-quốc có khả năng hoạt động hòa bình. Vì thế phương pháp chủ yếu của cách mạng Trung-quốc không phải là hòa bình mà nhất định phải là võ trang. Đồng chí Mao Trạch-Đông vạch ra rằng : « Ở Trung-quốc ly khai đấu tranh võ trang, thì sẽ không làm gì có địa vị của giai cấp vô sản và đảng Cộng sản, và sẽ không thể hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng » (*Mao Trạch-Đông tuyển tập*, quyển II, trang 532). Đồng thời lại vì kẻ thù của cách mạng lớn mạnh khác thường nên phải một thời kỳ lâu dài mới có thể tích tụ và rèn luyện được một lực lượng cách mạng để cuối cùng có thể chiến thắng được quân thù. Vì vậy từ sau năm 1927, Đảng Cộng sản Trung-quốc chuyển trọng làm công tác về nông thôn, dùng lực lượng võ trang nhân dân cách mạng lập căn cứ địa cách mạng ở nông thôn, tích tụ lực lượng ở nông thôn, dùng nông thôn bao vây thành thị để rồi chiếm lấy thành thị. Đồng chí Mao Trạch-Đông vạch ra rằng : « Trên căn cứ địa cách mạng như thế, tiến hành đấu tranh cách mạng trường kỳ, chủ yếu là tiến hành chiến tranh du kích của nông dân dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Trung-quốc » (*Mao Trạch-Đông tuyển tập*, quyển II, trang 630). Đấu tranh võ trang trường kỳ từ căn cứ địa cách mạng ở nông thôn cho đến thắng lợi cách mạng toàn quốc, đó là một đặc điểm của cách mạng Trung-quốc, đó là sự vận dụng cụ thể, xuất sắc học thuyết đấu tranh võ trang của chủ nghĩa Mác – Lê-nin tại Trung-quốc. Chính quyền mà cách mạng dân chủ mới phải lập ra, là nền chuyên chính dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh

đạo, thành lập trên cơ sở công nông liên minh, đoàn kết với các giai cấp dân chủ và các dân tộc trong nước. Tiền đề của cách mạng dân chủ mới ở trung-quốc là chuyển thẳng sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng chí Mao Trạch-Đông vạch ra rằng : « Cách mạng dân chủ là sự sửa soạn cần thiết cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa là xu thế tất nhiên của cách mạng dân chủ. Mục đích cuối cùng của hết thảy mọi người cộng sản là cố sức đấu tranh cho sự hoàn thành xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa » (*Mao Trạch-Đông tuyển tập*, quyển II, trang 646). Việc thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa tỏ ra rằng nhân dân Trung-quốc đã hoàn thành thắng lợi cách mạng dân chủ mới và bước vào thời kỳ lịch sử mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trước mắt nhân dân Trung-quốc đang đấu tranh thực hiện kế hoạch năm năm, đang kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi của chủ nghĩa Mác – Lê-nin tại Trung-quốc. Đó là thắng lợi của nguyên lý sách lược Bôn-sê-vích tại Trung-quốc. Tác dụng chỉ đạo cách mạng Trung-quốc của quyển « Hai sách lược » do Lê-nin viết ra để chỉ đạo cách mạng Nga trong thời kỳ cách mạng 1905, thật không thể mai một được.

PHẠM NHƯỢC-NGU
(D.M. dịch)

CỤ PHAN BỘI-CHÂU TRONG LỊCH SỬ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA CHÚNG TA

của TÔN QUANG PHIỆT

SỐ tập san này chủ yếu nhằm giới thiệu với các bạn ảnh hưởng của cách mạng Nga lần thứ nhất đối với thế giới và đặc biệt là đối với Việt-nam. Cụ Phan Bội-Châu là nhà ái quốc tiêu biểu nhất trong 20 năm đầu thế kỷ chúng ta, đặc biệt trong thời kỳ từ sau khi cách mạng 1905-1907 đã nổ ra ở Nga và tác động đến nhiều nước trên thế giới. Chúng tôi trân trọng giới thiệu với các bạn bài của đồng chí Tôn Quan-Phiệt nói về địa vị cụ Phan Bội-Châu trong lịch sử giải phóng dân tộc của chúng ta. Bài này đồng chí Tôn Quang-Phiệt đã có đọc ở viện Đông-phương trong dịp phái đoàn hội Việt-Xô hữu nghị đi tham quan Liên-xô vừa rồi và sau đó được phát triển thêm. Qua bài này, các bạn sẽ có một ý niệm đại quan về tình hình xã hội Việt-nam từ sau 1905, do đó sẽ thấy rõ hơn vì sao trong khi cách mạng Nga lần thứ nhất trực tiếp và tức thời tác động đến phong trào nhân dân nhiều nước trên thế giới, thì ở Việt-nam, những điều kiện xã hội lúc bấy giờ chưa có đầy đủ để nhận sự tác động trực tiếp và tức thời ấy.

LỜI TÒA SOẠN

*

TRƯỚC hết ta hãy phác qua vài nét về tiểu sử cụ Phan Bội-Châu. Cụ Phan Bội-Châu hiệu là Sào-Nam sinh vào năm 1867 ở huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an trong một gia đình nhà

nho nghèo, phải « lấy nghiên làm ruộng, lấy bút làm cày, mới có thể tự túc được ». Lúc cụ sinh thì toàn bộ Nam-bộ đã bị Pháp chiếm đóng. Lớn lên, cụ đã chứng kiến từng bước cái chính sách « tằm ăn lá » của bọn cướp nước : thực dân Pháp đã chiếm dần tỉnh này đến tỉnh khác, xứ này đến xứ khác hoặc bằng quân sự, hoặc bằng chính trị, cho đến khi nuốt cả bán đảo Đông-dương.

Cụ Phan Bội-Châu lúc trẻ tuổi học rất thông minh, hiểu biết rất sớm, nhất là cụ rất giàu lòng yêu nước chí diệt thù theo lý tưởng của nhà nho chân chính ngày xưa.

Năm cụ 17 tuổi, nghĩa là lúc mà Pháp đánh lấy Bắc bộ lần thứ hai, cụ viết một bài hịch « Bình Tây thu Bắc »⁹ để cổ động nhân dân nổi dậy chống Pháp ; nhưng vì cụ tuổi còn nhỏ, chưa ai biết đến, nên bài văn không có tiếng vang gì. Nhưng, đó là một biểu hiện của tinh thần diệt giặc cứu nước, tuy trẻ trung nhưng đầy triển vọng.

Năm 19 tuổi, là năm kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm-Nghi xuất bôn và kể đó Pháp kéo quân vào tỉnh Nghệ-an, cụ Phan bước một bước mạnh hơn : cụ đã cổ động các bạn học, tụ tập một đội quân thí sinh hơn 60 người hưởng ứng chiêu cần vương. Nhưng đội quân vừa tổ chức được 10 ngày chưa hành động gì, thì Pháp kéo đại quân đến làng đốt phá.

Năm 20 tuổi, cụ Phan viết quyển « Song tuất lục » ca ngợi những người cầm đầu phong trào Văn than năm Giáp Tuất (1874) và những người cầm đầu phong trào Cần vương năm Bính Tuất (1886) ở hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh.

Từ năm 21 tuổi đến năm 31 tuổi cụ Phan, vì cảnh nhà

nghèo đói, phải lo dạy học nuôi gia đình ; vả lại cụ là người con hiếu không muốn làm gì liên lụy đến cha, nên sống một cách ẩn nấp, chăm chỉ học tập để đi thi hương cho đỗ, cho có danh vọng, vì cụ đã nhận thấy là đời còn ham chuộng danh tước nọ danh tước kia, mà mình không có danh tiếng gì thì khó bề hoạt động được. Tuy thế, trong thời gian này cụ vẫn bí mật liên kết với các dư đảng Cần vương và các khách lục lâm và đã gặp nhiều người tâm phúc sau này cùng hoạt động cách mạng với cụ.

Từ ngoài 30 tuổi, nhất là từ năm 34 tuổi là năm cụ thi đỗ Giải nguyên trường Nghệ-an, danh tiếng lừng lẫy, và cũng là năm ông thân sinh ra cụ từ trần, cụ không vướng gánh nặng gia đình nữa, cụ mới tích cực hoạt động cho cách mạng.

Từ năm 1900 cho đến năm 1905 cụ Phan ráo riết vận động trong nước, như lập mưu cướp tỉnh Nghệ-an mà không thực hiện được vào ngày lễ chính-chung 14-07-1901 ; như phái người đi liên lạc với ông Đề Thám ở Phồn-xương để tính việc về sau phối hợp tác chiến (1902) ; như đi cổ động các miền Bình, Trị, Nam, Ngãi và Nam-bộ để gây một phong trào rộng lớn trong nhân dân (1903). Đi đến đâu, cụ Phan cũng hết sức tìm kiếm những người có lòng yêu nước, tán thành những hành động vũ trang bạo động của cụ. Sau này các cuộc bạo động lẻ tẻ nảy ra đều có quan hệ với cuộc vận động của cụ Phan.

Từ năm 1905 trở đi, cụ Phan Bộ-Châu hoạt động ở nước ngoài : Nhật-bản, Trung-quốc, Xiêm-la. Nghe theo lời bọn Khuyển Dương-Nghị và Đại-Ôi, cụ Phan đưa Cường-Đế sang Nhật để cầu viện. Đồng thời theo ý kiến của Lương Khải-Siêu

là phái chủ trương quân chủ lập hiến của Trung-hoa, cụ Phan lại cổ động học sinh trong nước xuất dương du học. Việc làm đang tiến triển thì Pháp giao thiệp với Nhật hạ lệnh trục xuất các người cách mạng Việt-nam ra khỏi đất Nhật-bản. Cụ Phan cũng có mua được ở Nhật một số súng đạn, nhưng vì chở về Hương-cảng thì bị cảnh sát Anh bao vây, muốn chở qua Xiêm thì bộ ngoại giao Xiêm phản đối thành ra số vũ khí không sao đem về nước được. Thế là cái mộng cầu viện Nhật-bản tan vỡ.

Cụ Phan hoạt động trên đất Trung-hoa và có về lập đồn điền tại Xiêm-la một thời gian.

Sau cuộc Cách mạng Tân-Hội trung-hoa (1911) cụ Phan cùng các đồng chí trở về Trung-hoa thủ tiêu hội Duy-Tân xưa mà thành lập hội Việt-nam Quang-phục, bỏ con đường quân chủ mà theo xu hướng dân chủ. Hoạt động mấy năm chưa thu được kết quả gì đáng kể thì đại chiến thứ nhất bùng nổ ; thực dân Pháp ở Đông-dương muốn trừ cái đinh trong mắt mới giao thiệp với bọn quân phiệt Quảng-đông bắt giam cụ trong 3 năm. Vì mặc cả không xong, và có những chuyển biến quân sự xảy ra ở Quảng-đông nên cụ Phan lại được sống sót và ra khỏi nhà ngục. Lòng vẫn còn hăng hái quyết chí phục thù, cụ muốn trở về nước hoạt động. Cuối năm 1918 trên đường về nước, cụ Phan lại được tin Pháp và đồng minh đã thắng và Đức đã bại. Thấy vận động vũ trang mấy lần không có kết quả và thế giặc càng mạnh lên, cụ Phan mới chuyên viết báo tạm thời nghỉ việc thiết chiến mà quay lại thiết chiến và bút chiến. Từ xưa đến nay cụ Phan đã viết nhiều văn kiện rất kịch liệt vạch ra tội ác của Pháp và khuyến

khích nhân dân nổi dậy chống Pháp. Vì thế chúng chú ý dẹp tắt phong trào Phan Bội-Châu và bắt cho được cụ. Bắt không được, chúng dụ dỗ cụ Phan với quyền chức cao, lương bổng hậu trong triều đình, nhưng không có hiệu quả.

Đến năm 1925, mật thám Pháp dùng cách dê hèn bắt cóc được cụ Phan ở gần tô giới Pháp tại Thượng-hải trên đất Trung-hoa.

Cụ Phan bị tòa án để hình Hà-nội làm án khổ sai chung thân. Vụ án này làm cho nhân dân Việt-nam phẫn uất. Trước phong trào trong nước đòi thả cụ Phan bằng truyền đơn, bằng biểu tình, tên toàn quyền Đông-dương Va-ren đã phải « ân xá » cho cụ. Muốn đặt cụ vào một chỗ bế tắc, thực dân Pháp đã đưa cụ về Huế giam lỏng cụ. Nhiều cuộc biểu tình, bãi khóa nổ ra ở nhiều nơi, nên thực dân lại càng bao vây cụ ráo riết. Sống một đời bị giam lỏng như thế hơn 15 năm, « ông già Bến-Ngự » đã tạ thế vào ngày 20-10-1941.

Sau quãng đời 74 tuổi với ngót 30 năm hoạt động cách mạng, cụ Phan đã để lại trong trí nhớ chúng ta một ấn tượng sâu sắc ; tinh thần diệt thù, cứu nước của cụ làm cho mọi người khâm phục. Tuy nhiên, nhiều chủ trương của cụ cũng trở thành những vấn đề mà chúng ta cần nghiên cứu để rút những bài học bổ ích cho những hoạt động của chúng ta ngày nay.

*

Chủ trương chính trị của cụ Phan đã biểu hiện như thế nào qua các thời kỳ ?

Theo kế hoạch đầu tiên của cụ Phan thì đảng cụ cốt « liên

kết với dư đảng Cần vương và những tay trắng kiện ở Sơn Lâm, xướng khởi nghĩa binh, mục đích là đánh giặc phục thù, mà thủ đoạn là bạo động ». Cụ Phan lại thấy cần phải « tìm người trong hoàng thân lập làm minh chủ, rồi ngầm liên kết với những người có thể lực lúc bấy giờ để họ ứng viện, lại tập hợp các người trung nghĩa ở trung, Bắc-kỳ, cùng nhau khởi sự ».

Sau hết « nếu cần ngoại viện thì phái người xuất dương cầu viện, mục đích là cốt sao khôi phục được nước Việt-nam lập ra một chính phủ độc lập... »

Căn cứ vào việc đưa Cường-Đề sang Nhật cầu viện (1906) thì chúng ta thấy rõ cụ Phan nhằm mục đích đánh đuổi giặc Pháp lập ra chính phủ quân chủ độc lập do Cường-Đề làm vua. Việc cầu viện ở Nhật không có kết quả, cụ Phan vẫn hô hào trong nước võ trang bạo động, cố tìm mọi cách mua khí giới ở ngoại quốc gửi về, và đồng thời kêu gọi thanh niên trong nước xuất dương du học để đào tạo nhân tài cứu nước. Trong lúc ấy cụ Phan vẫn ủng hộ Cường-Đề, nghĩa là vẫn theo chủ nghĩa quân chủ. Cụ Phan Chu-Trinh có cùng cụ Phan Bội-Châu tranh luận về việc nên đánh đổ chủ nghĩa quân chủ, theo chủ nghĩa dân chủ mà cụ Phan Bội-Châu không nghe. Sự tiếp xúc với nhà cách mạng Trung-hoa là Tôn Trung-Sơn cũng không làm cho cụ thay đổi chí hướng.

Đến năm 1911 cách mạng Tân-Hội Trung-quốc lật đổ nền quân chủ Mãn-Thanh lập ra Trung-hoa dân quốc, cụ Phan mới tỉnh ngộ, quyết tâm theo chủ nghĩa dân chủ, sau một cuộc đấu tranh tư tưởng bản thân và đấu tranh với các đồng chí cũ không phải không gay go.

Nhưng Hội Việt-nam Quang-phục thành lập với chủ nghĩa dân chủ mà Cường-Đề vẫn là hội trưởng.

Hội Quang-phục thành lập, cụ Phan hi vọng nó phát triển mau chóng để đi đến thành công, Hội cho người mang một số vũ khí về nước định làm những việc « kinh thiên động địa ». Nhưng các cuộc bạo động mà hội Quang-phục định gây ra trong nước đều kế tiếp bị thất bại, không gây được một tiếng vang nào lớn cả. Kể đó cụ Phan Bội-Châu bị chính phủ Quảng-đông theo lời yêu cầu của thực dân Pháp bắt giam trong ban năm (1914-1917). Cuối thời kỳ đại chiến thứ nhất, nghĩa là vào quãng cuối năm 1918, cụ Phan muốn nhân cơ hội Pháp bị Đức tiến công, dự định về nước hoạt động, thử một trận cuối cùng. Nhưng vừa đi đến thành phố Vân-nam thì thấy treo cờ tam tài và cờ năm sắc treo nhau, và suốt một giải đường sắt Điền-Việt lại là khu vực cờ tam tài. Pháp đã thắng, Đức đã bại, cụ Phan lấy làm thất vọng, quay trở về chỗ cũ là Hàng-châu. Từ đó cụ làm nghề viết báo, hướng cuộc vận động chống thực dân Pháp vào chỗ vạch tội ác thực dân trong văn chương. Cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công ở Nga, không phải cụ Phan không quan tâm đến. Năm 1920 cụ đã dịch quyển sách « Điều tra chân tướng của Nga-la-tư » của một người Nhật ra chữ Hán rồi tìm gặp những nhà chính khách Nga ở Bắc-kinh để tự giới thiệu mình. Quyển sách ấy xu hướng thế nào, ở đây chúng tôi không có tài liệu tham khảo nên không biết rõ. Chỉ biết là lúc gặp người Nga cụ Phan đã tỏ ý muốn cho học sinh Việt-nam sang du học bên Nga và tìm hiểu cách thức đi Nga như thế nào. Sau khi bị bắt về Huế, cụ Phan lại có treo ảnh Lê-nin trong nhà bên

cạnh bức tranh vẽ đức Khổng-tử và tỏ lòng hâm mộ cuộc cách mạng tháng Mười, cho chủ nghĩa cộng-sản như thể là đời đại đồng của Nghiêu, Thuấn ngày xưa, cụ lại có viết một quyển « chủ nghĩa xã hội ». Nội dung quyển sách như thế nào, ở đây chúng ta không bàn đến.

*

Cụ Phan Bội-Châu đã dùng thủ đoạn gì để thực hiện chương trình cách mạng của mình ?

Phương pháp cốt yếu của cụ Phan Bội-Châu là thủ đoạn bạo động. Thừa bé cụ Phan đã được phụ huynh kể lại những câu chuyện văn thân nổi dậy ở Nghệ, Tĩnh phản đối triều đình ký hòa ước nhường đất cho Pháp. Lớn lên, cụ chính gặp lúc phong trào cần vương của cụ Phan Đình-Phùng đang lan tràn khắp Nghệ-Tĩnh Cụ Phan để tâm nghiên cứu binh thư, binh pháp, dự định có ngày cầm quân đánh giặc. Khi phong trào Phan Đình-Phùng thất bại, thì cụ tìm làm bạn với dư đảng Cần-vương ; vì thế những người đi lại với cụ Phan là những người đã võ trang đánh Pháp hay sẽ võ trang đánh Pháp. Lúc bé cụ đã tụ tập đội thí sinh quân, và lúc bắt đầu hoạt động, cụ đã lập ngay mưu cướp khí giới giặc để giết giặc ở tỉnh Nghệ-an. Khi xuất dương, cụ cũng nuôi cái chí sẽ đem quân về hay ít ra đem khí giới về đánh đuổi thực dân Pháp. Chủ trương bạo động của cụ Phan tuy không thực hiện được một cách đại quy mô như cụ đã dự định, nhưng về cục bộ, thì những cuộc bạo động Đội-Quyên, Đội Phần, Ấm Võ ở vùng Nghệ-Tĩnh, cuộc Hà thành đầu độc, cuộc ném bom vào khách sạn Pháp ở Hà-nội, cuộc ám sát tuần phủ Thái-bình, cuộc Thái Nguyên khởi nghĩa có Lương Ngọc-Quyền tham gia, cuộc

mưu phá khám lớn Sài-gòn, cho đến cuộc khởi nghĩa Thái Phiên ở Huế, Quảng-nam, cũng đều hoặc có cụ Phan tham dự, hoặc chịu ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của cụ Phan. « Không đem máu rửa máu, thì không cải tạo được xã hội », đó là câu ngạn ngữ Tây phương mà cụ Phan thường dẫn ra để chứng minh con đường cách mạng mà cụ theo đuổi ; cho nên mọi người có biết tâm tính cụ Phan thì đều cho cụ là kẻ thù không đội trời chung với thực dân Pháp.

Ấy thế mà năm 1918 bài luận « Pháp Việt đề huề » do cụ Phan viết ra ký tên là « Độc tinh Tử » gửi đến tay tên toàn quyền Đông-dương là Sa-rô (Sarrait) ; rồi có một cuộc hội đàm giữa cụ Phan và tên Nê-Rông (Néron) thay mặt cho toàn quyền Đông-dương nhưng không đi đến đâu cả. Chẳng những thế mà thôi, sau năm 1920, cụ Phan có viết hai quyển sách đều có gửi về nước : « quyển « Y hồn đơn »¹⁰ tán dương chính sách bất bạo động của Găng-đi, và quyển « Dư cửu niên lai sở từ chi chủ nghĩa »¹¹ chủ trương làm « văn minh cách mạng » mà không làm « Dã man cách mạng », làm « thể giới cách mạng » mà không làm chủng tộc cách mạng ». Ở đây chúng ta cũng không phê phán về nhận định cách mạng của cụ Phan lúc đó như thế nào. Mục đích chúng ra chỉ là để thấy rõ lời lẽ của cụ Phan lúc bấy giờ có vẻ hòa hoãn khác ngày trước. Ở đây ta thấy ở cụ Phan Bộ-Châu có sự thay đổi về sách lược đối phó với kẻ thù.

Nói tóm lại về ý kiến chính trị, cụ Phan Bộ-Châu đã chủ trương quân chủ rồi đổi theo xu hướng cộng hòa sau khi thấy cuộc cách mạng dân chủ đã thắng nền quân chủ ở Trung-hoa. Sau khi cách mạng Nga thành công, cụ Phan lại tìm hiểu

Liên-xô và tán dương chủ nghĩa xã hội mà mong ước thanh niên trong nước được sang Nga đi học. Về thực hành cách mạng, thì lúc đầu cụ Phan kiên quyết dùng thủ đoạn thiết thuyết, về sau có vẻ hòa hoãn mà chủ trương làm cách mạng một cách « văn minh ». Phải chăng cụ Phan Bội-Châu là người thủy chung bất nhất, có mâu thuẫn trong lời nói và việc làm ?

Trước hết chúng ta muốn nhận định cụ Phan cho đúng cần phải xét cụ Phan trong điều kiện lịch sử của cụ Phan mà không nên lấy điều kiện lịch sử ngày nay mà xét đoán cụ Phan.

Hoàn cảnh thế giới trong nước thời cụ Phan Bội-Châu như thế nào ? Cụ Phan Bội-Châu sinh trưởng trong giai cấp nào. Những hành động của cụ Phan Bội-châu đã do những điều kiện như thế nào chi phối. Đó là những điều chúng ta cần biết. Chúng ta không cho rằng anh hùng có thể tạo ra thời thế, nên không thể buộc cụ Phan tạo ra một thời thế khác thời thế Việt-nam đầu thế kỷ thứ hai mươi. Trái lại chúng ta cho rằng các bậc nhân tài, dẫu lỗi lạc đến đâu cũng là sản phẩm của thời đại, cụ Phan Bội-Châu không thể nào khác hơn là do điều kiện lịch sử lúc bấy giờ và do điều kiện giai cấp của cụ tạo ra.

*

Thời đại cụ Phan Bội-Châu như thế nào ?

Từ cuối thế kỷ thứ 19 các nước tư bản Âu-châu đã tiến lên giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Đông Nam Á là đối tượng xâm lược chính của chúng lúc bấy giờ. Từ nha phiến chiến

tranh về sau, Anh, Pháp đua nhau mở mang phạm vi thế lực ở Trung-quốc. Pháp bị Anh giành mất nhiều thuộc địa của mình, nhưng nay thấy Anh kiểm được nhiều mối lợi to ở Trung-quốc, Pháp lại hợp tác với Anh để xâm lược Trung-quốc. Trong cuộc Anh – Pháp liên quân và tám nước liên quân đánh Trung-quốc, Anh, Pháp đã bắt tay nhau chặt chẽ.

Hầu hết thuộc địa của Pháp ở Ấn-độ, Anh đã giành mất từ lâu rồi ; Anh lại đặt nền móng thống trị ở Viễn-điện và chiếm nhiều vị trí béo bở ở Trung-quốc, Hà-lan chiếm Nam-dương quần đảo cũng là một miếng khá ngon Phi-luật-tân thì đã từ trong tay Tây-ban-nha sang tay Mỹ ; Pháp muốn có một địa vị ở Đông Nam Á để cạnh tranh quyền lợi với liệt cường nên cố sức đặt chân đứng vào Đông-dương ; chiếm Đông-dương Pháp kiểm được nơi bán hàng hóa ; khai thác nguyên liệu và bóc lột nhân công rẻ mạt đã dành, mà lại giữ cái cửa Đông Nam châu Á để nhòm ngó Trung-quốc là nước rất rộng, dân đông, của cải phong phú. Giữ vững được chỗ đứng ở Đông-dương, Pháp có tham vọng nhiều ở Trung-quốc, chứ không phải chỉ chiếm Quảng-châu-loan ; khai thác đường xe hỏa Vân-nam và đặt một số tô giới khác ở Quảng-châu, Thượng-hải mà thôi đâu.

Trong lúc ấy, Nhật-bản tiến lên giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Sau khi thắng Nga hoàng, Nhật-bản cướp Triều-tiên, chiếm Đài-loan ; cướp nhiều quyền lợi Trung-quốc, chia phần với các liệt cường. Nhật-bản tham vọng rất nhiều, nuôi cái chí làm bá chủ châu Á, nhưng lực lượng mới lớn lên chưa đủ cạnh tranh với các nước Âu-châu, nên lại đi theo các nước ấy mà chia phần thuộc địa. Do đó cái thái độ đối với Anh, Pháp

là thái độ chiều chuộng để cùng chia phần các miếng mồi ở châu Á và Thái-bình-dương.

Thế là một lũ đế quốc ăn cướp từ Âu sang Á vẫn mâu thuẫn với nhau ở chỗ dành phần ăn to hơn, nhưng vẫn thống nhất với nhau ở chỗ chia xẻ Trung-quốc và đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các nước nhược tiểu ở châu Á.

Triều Mãn-Thanh rất hèn yếu. Khi liệt cường đến xâm lược, nhân dân Trung-quốc rất phản uất và đã nổi dậy nhiều nơi và nhiều lần chống lại ngoại xâm. Nhưng chính phủ thối nát Mãn-Thanh sợ phong trào nhân dân nên đã đầu hàng giặc ngoài để giữ lấy ngai vàng. « Người Thanh sợ Pháp như cọp » là câu nói mỉa mai để chỉ rõ cái thái độ nhà Thanh lúc bấy giờ. Do đó, các nhà chí sĩ các nước nhược tiểu bị nạn ngoại xâm đến hoạt động trên đất Trung-hoa cũng không được sự giúp đỡ chính thức và công khai mà có khi lại bị đàn áp theo ý muốn bọn thực dân xâm lược nữa là khác.

Lại nói về Xiêm-la : Xiêm-la nhờ địa vị hoãn xung mà được làm nước độc lập giữa hai thế lực Anh và Pháp ; Xiêm-la cũng phải chiều chuộng các nước đế quốc và sự thực nền kinh tế Xiêm-la cũng bị đế quốc lũng đoạn, chỉ còn có chủ quyền chính trị phần nào mà thôi.

Hoàn cảnh thế giới như thế, mà địa bàn hoạt động của cụ Phan là Trung-quốc, Nhật-bản, Xiêm-la ; cho nên thỉnh thoảng nếu các nước ấy có giúp đỡ phần nào thì cũng là việc tạm thời, gượng gạo, chứ về căn bản, thì các chính phủ đó đều là kẻ thù của cách mạng.

Trong thời kỳ hoạt động cách mạng của cụ Phan trên thế

giới chỉ có hai cuộc biến chuyển lớn có lợi cho cách mạng Việt-nam là cách mạng Tân-Hội Trung-hoa và Cách mạng tháng Mười Nga. Nhưng cũng phải có một cơ sở trong nước như thế nào mới có thể lợi dụng được tình thế ấy, cơ sở đó chưa có ở Việt-nam lúc bấy giờ.

Từ khi thực dân Pháp đặt nền đô hộ ở Việt-nam thì xã hội Việt-nam cũng bắt đầu thay đổi.

Giai cấp phong kiến đầu hàng càng lâu càng thối nát ; những phần tử trong hàng ngũ phong kiến còn kháng chiến cũng càng lâu càng mất tin tưởng, vì không trông thấy tương lai ; do đó cái lòng « tôn quân » của nhân dân cũng càng lâu càng sụt xuống : cụ Phan Chu-Trinh gọi vua là « giặc của dân » được nhiều sĩ phu hưởng ứng, cho đến Cường-Đề là giòng dõi chính thống nhà vua mà cũng tự nhận là « con cháu của người giặc của dân ».

Một mặt khác, sau khi cuộc bình định của thực dân Pháp đã gần hoàn thành và trong nước ta chỉ còn một vài cuộc bạo động lẻ tẻ thì thực dân Pháp chú ý hơn về việc khai thác. Chúng không có chủ tâm làm cho thương mại và công nghiệp ở nước ta phát đạt đâu. Đế quốc Pháp cũng như mọi đế quốc xâm lược khác, chỉ muốn kìm hãm các thuộc địa phải phụ thuộc vào nền kinh tế của chính quốc của chúng. Tuy vậy muốn vơ vét của cho đầy túi thì phải buôn bán, phải mở mang bằng mọi cách để thu được nhiều lợi. Do đó, thực dân Pháp, ngoài việc đưa hàng hóa vào bán ở nước ta, chở nguyên liệu ở nước ta đi bán cho nước ngoài, cũng có mở một số kỹ nghệ nhẹ. Một số ít người Việt-nam hợp tác với Pháp bằng cách này hay bằng cách khác cũng nhận đó mà kiếm

được nhiều lời. Cũng có những người phát triển công thương của họ độc lập đối với Pháp ; một hạng người mới xuất hiện ra làm cái mầm cho một giai cấp mới. Trước kia các nhà giàu Việt-nam, tới đại đa số là bóc lột tô tức. Nay có kẻ làm giàu bằng cách khác là buôn bán thầu khoán. Trong lúc họ kinh doanh để làm giàu, có một số gặp sự chèn ép của các nhà doanh nghiệp thực dân Pháp, cho nên ngoài hạng người dựa hoàn toàn vào Pháp, cũng có hạng muốn cạnh tranh với Pháp mà bị Pháp chèn ép. Thời kỳ cụ Phan hoạt động cách mạng chính là thời kỳ giai cấp tư sản dân tộc ở nước ta đang thành hình và địa vị giai cấp phong kiến ngày càng suy yếu.

Trên cơ sở kinh tế ấy, có một nền văn hóa tương đương. Thực dân Pháp mở ra một số trường học, mục đích là đào tạo những người làm tay sai cho chúng. Những cái giáo dục tư sản của Pháp cũng ảnh hưởng đến thái độ của học sinh Việt-nam đối với chế độ phong kiến. Đồng thời các sách « tân-thư » của Trung-quốc cũng thâm nhập nước ta truyền bá tư tưởng « phú quốc cường binh » của châu Âu.

Trên sân khấu xã hội Việt-nam lúc bấy giờ, vai trò phong kiến càng bị lu mờ, mà vai trò tư sản, tiểu tư sản mới nẩy mầm đang non chưa đủ sức để mở màn mà vọt ra được, dầu đã có người gõ mõ rung chuông báo hiệu. Cố nhiên sự khai thác tư bản cũng làm phát sinh ra tầng lớp vô sản, nhưng ở đây chúng ta chưa bàn đến vấn đề này.

Chính sách thuộc địa của Pháp lúc bấy giờ là một chính sách tàn bạo ; nhân dân phải chịu sưu cao thuế nặng, phải đi phu đài tạp dịch nhiều, đời sống cơ cực. Về chính trị thì thủ đoạn đàn áp các người ái quốc rất dã man các phong trào xin

xâu, mở trường học, hội buôn, xuất dương du học... đều bị khủng bố ; trong việc khủng bố này, thực dân Pháp và phong kiến Nam triều cấu kết chặt chẽ với nhau ; hàng ngàn người tham gia các phong trào bị chém giết tù đầy.

Cụ Phan Bội-Châu hoạt động trong hoàn cảnh trong nước như thế.

*

Nay ta thử nhận định về điều kiện giai cấp của cụ Phan Bội-Châu.

Cụ Phan Bội-Châu tuy gia đình « thanh bần », nhưng đã nhiều đời làm nghề học, theo cái luân lý « quân, sư , phụ » nghĩa là con người ta thì phải để vua trên hết rồi đến thầy học, rồi mới đến cha ; mà muốn làm người tô trung trước hết phải làm người con hiếu. Cụ Phan ở trong hàng ngũ trí thức phong kiến, ở tầng lớp thấp nhất, gần nhân dân nhất, nhà nghèo mà cha ông chỉ là học trò thường không có phẩm tước gì của triều đình. Với một lòng yêu nước nồng nàn, với một chí diệt thù cương quyết, cụ Phan muốn kéo tất cả giai cấp phong kiến trở lại đánh ngoại xâm. Sự thật lúc đó trong bọn phong kiến đầu hàng cũng vẫn có những phần tử lừng chừ, đi nước đôi, như thượng thư Hồ-Lệ, tổng đốc Đào-Tấn chẳng hạn ; chính bọn này đã tỏ cảm tình với cụ Phan và tán thành phần nào hành động của cụ Phan và đối với dân họ vẫn còn ít nhiều uy tín. Muốn thu phục được bọn phong kiến lớp trên, cần phải có một người tiêu biểu nhất cho giai cấp ấy, một ông vua chính thống ; ông vua ấy cụ Phan tìm ở Cường-Đế, cháu đích tôn của hoàng tử Cảnh, giòng dõi trực tiếp của Gia-Long.

Cụ Phan lại nhận thấy kẻ địch ngoại xâm có sức mạnh ; muốn đánh bại nó phải có một sức mạnh hơn. Sức mạnh đó cụ tìm ở trong nước không thấy ; phong trào Phan Đình-Phùng đã tắt ; phong trào Hoàng Hoa-Thám cũng đi đến chỗ tạm thời hòa hoãn với địch mà cái triển vọng cũng mong manh. Vả lại cái chí cụ Phan không phải là cứ hiểm xưng hùng trong một phạm vi nhỏ. Cụ quan niệm một cuộc nổi dậy toàn quốc từ Nam chí Bắc, đuổi hết xâm lược giành lại toàn bộ đất nước, dựng nên một nước độc lập đường hoàng. Cụ Phan muốn vượt ra ngoài phạm vi địa phương tiểu qui mô, mà tìm một sức mạnh ở một nước khác, ở một nước đồng văn, đồng chủng vừa mới thắng một cường quốc châu Âu to như nước Nga thời Nga hoàng, nước ấy là Nhật-bản. Cái xuất phát điểm của cụ Phan là như thế. Vì bị nền luân lý nho giáo ràng buộc nên sự hoạt động của cụ bị hạn chế nhiều ; cụ có chí diệt giặc từ khi 17, 18 tuổi mà phải đợi đến ngoài 30 tuổi, khi ông thân sinh chết rồi, gánh gia đình đã nhẹ, cụ mới có thể « dứt áo ra đi » được. Tư tưởng dân chủ của cụ đã nảy mầm sau khi xuất dương vài ba năm, nhưng sau cụ cũng chần chừ mãi mới thay đổi được chính kiến, chưa nói sự thay đổi ấy cũng khó bề sâu sắc, dứt khoát. Ta cứ xét chủ trương của cụ khi đã ngả sang tư tưởng dân chủ thì đủ rõ. Chủ trương mà cụ Phan theo đuổi là võ trang bạo động mà lực lượng võ trang trong nước lúc bấy giờ theo ý cụ chỉ có thể là dư đảng Cần vương cũ, là các phần tử chống Pháp trong quân đội. Mà ở những người ấy thì cái đầu óc tôn vua rất nặng, họ chỉ muốn cứu nền quân chủ mà có phải hy sinh cũng là vì vua. Cho đến như ông Nguyễn Thượng-Hiền sở dĩ

xuất dương cũng vì vua Thành-Thái bị Pháp truất ngôi. Ông Nguyễn là người có danh vọng, cụ Phan vẫn cho là bậc đàn anh ; đối với nhân sĩ lúc bấy giờ, ông Nguyễn có ảnh hưởng lớn. Một cố nữa là nhân sĩ trong Nam những người đã giúp phong trào Phan Bội-Châu nhiều về tài chính thì tối đại đa số tín nhiệm Cường-Đề và tin vào quân chủ. Cho nên nếu bỏ chủ nghĩa quân chủ nói chung, bỏ ông Cường-Đề nói riêng, cụ Phan rất có thể bị cô lập mà sẽ không hoạt động được. Vì những điều kiện như thế nên lúc cụ Phan qua Trung-quốc là lúc phong trào Cách mạng Tôn Trung-Sơn đã phát triển mà cụ vẫn đứng dưng với chủ trương dân chủ hai lần nói chuyện với Tôn Trung-Sơn ở khách sạn Trí-hòa-đường ở Hoàn-tân cũng không đi đến đâu ; còn nói gì đến cuộc tranh luận với cụ Phan Chu-Trinh rất khó làm cho cụ tiếp thu ý kiến mới.

Sau khi bị trục xuất ở Nhật thì cái mộng cầu viện nước ngoài của cụ Phan tan vỡ ; đến khi cách mạng Tân-hợi ở Trung-quốc thành công thì cụ thấy chủ nghĩa quân chủ đã lỗi thời. Lúc đó nếu cụ Phan nghĩ lại câu « không bạo động, bạo động là chết ; không trông ngoại, trông ngoại là ngu » và những lời công kích thống thiết các quan lại của cụ Phan Chu-Trinh thì chắc cụ dễ thông cảm hơn trước ; nói thế không phải chúng ta hoàn toàn đồng ý với cụ Phan Chu-Trinh, nhưng thông cảm là một chuyện mà thực hành lại là chuyện khác ; muốn thực hành có kết quả cần có đủ điều kiện thực tế. Chuyển hướng theo chủ nghĩa dân chủ lúc bấy giờ, cụ Phan cảm thấy bối rối với các lực lượng hậu thuẫn của cách mạng ; vì hạn chế của điều kiện giai cấp mà cụ không nhìn thấy cái thực lực của trong nước ở chỗ nào ; cuộc nông

dân Quảng-nam nổi dậy chống thuế là một phong trào vô cùng mãnh liệt, mà đối với cụ cũng chỉ là một biến cố như Hà-thành đầu độc, việc Đội Truyền, Đội Phấn mưu đánh úp Hà-tĩnh hay việc Đông-kinh nghĩa-thục bị khùng bố mà thôi ; cái lực lượng hùng hậu của nông dân, cụ không sao trông thấy được. Lúc trước cụ hô hào người trong nước đồng tâm đánh giặc, cụ có nêu ra mười hạng người phải đồng tâm là các phú hào, các học trò đang đi học, các con cháu nhà quan, các giáo đồ Thiên chúa, các lính tập thủy lục, các hội đảng du đồ, các thông ký bồi bếp, giới phụ nữ, các con cháu những nhà có thù với giặc, các học sinh du học nước ngoài, nghĩa là cụ để ý nhiều đến tầng lớp trên và tầng lớp trung gian. Sự kêu gọi mọi tầng lớp đoàn kết giết giặc là đúng, nhưng tầng lớp nào là nòng cốt, cụ Phan không nghĩ đến. Cụ chỉ nhìn thấy những cá nhân chống Pháp theo tình cảm mà không thấy cả những tầng lớp chống Pháp vì quyền lợi. Khi cụ lập ra hội Việt-nam Quang-phục với chủ nghĩa dân chủ tư sản thì thực tế cơ sở cho cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở ta vẫn chưa đầy đủ.

Mấy người hội viên Việt-nam Quang-phục theo lệnh cụ, mang bom đạn về nước, nếu có giết được một vài tên thực dân đầu sỏ như ý muốn của cụ, thì cũng chỉ gây được ảnh hưởng trong chốc lát mà thôi, còn kết quả lâu dài thì không phải cầu may mà được, cũng không phải dựa vào nước ngoài mà được. Thất bại này đến thất bại khác, làm cho cụ Phan hoang mang. Cụ thấy tự mình không sao gây được một sức mạnh, nên đến lúc nghe Đức tiến công Pháp thì muốn lợi dụng thế giặc bị yếu mà đánh một đòn. Nhưng rồi Trung-hoa,

Nhật-bản và Xiêm-la kế tiếp tuyên chiến với Đức, làm cho cụ Phan thấy thế mình càng cô ; cụ càng thấm thía đọc lại câu thơ tự thán « Đã khách không nhà trong bốn bể ; lại người có tội giữa năm châu ». Chính lúc khủng hoảng như thế thì bọn chó săn Pháp nhân cơ hội đưa cái thuyết Pháp Việt đề huề đến lỗ tai cụ và khuyên nhủ cụ thử thực hiện chính sách đề huề ấy ; cái thuyết đề huề ấy cũng là cái thuyết của phái tư sản cải lương mới chớm nở lên muốn dựa vào Pháp mà làm ăn yên ổn ; họ sợ cách mạng nhưng họ muốn một vài cải lương, cho họ đôi chút tự do, cụ Phan cũng muốn tạm thời « tương kế tựu kế », nghĩ rằng nếu vì chính sách đề huề mà thực dân Pháp đối xử với nhân dân Việt-nam bình đẳng hơn trước, thì cũng là một việc làm có lợi ích chung. Đó là một ý nghĩ quá đơn giản, quá thực thà.

Việc thương lượng không đi đến kết quả, cụ Phan càng trông thấy rõ cái dã tâm của thực dân xâm lược, và đề huề chỉ là một câu chuyện hão mà thôi.

*

Cụ Phan có lòng tin rất mạnh : cụ tin rằng tổ quốc sẽ độc lập, ngoại xâm sẽ bị đánh đổ. Cái tin của cụ tự hồ như là mê tín, nhưng sự thực là căn cứ vào thực tế. Cụ cho rằng chính nghĩa nhất định thắng, phi nghĩa nhất định bại, mà hễ chúng ta cố gắng thì đi đến thành công. Hai câu thơ cụ Phan làm ra trong lúc ở tù tại Quảng-đông tỏ rõ điểm ấy, tức là hai câu « trời đâu có ngục chôn thần thánh, đất há không đường ruổi gió mây ». « Thần thánh » mà cụ Phan nói tức là những kẻ theo chính nghĩa, theo chính nghĩa tức là đuổi giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước ; đối với những người « thần thánh » này

nhất định trời không chôn họ ở trong ngục. Trời đã không chôn họ ở trong ngục thì nhất định trên quả đất này, họ có chỗ hoạt động để « ruổi gió mây » nghĩa là để đi đến chỗ toại nguyện. Với lòng tin tưởng ấy, cụ hô hào các đồng chí « anh em ai nấy xin thêm gắng, công việc ngàn thu nhẹ một ngày ».

Lòng tin thì có, nhưng làm thế nào để đạt mục đích thì cụ Phan thấy bối rối. Đi con đường nào, với điều kiện gì để đuổi được xâm lược Pháp, giành được độc lập cho tổ quốc ? Cụ Phan đã thử nhiều cách mà đều thất bại ; cụ càng suy nghĩ càng thấy bế tắc ; cho nên văn chương cụ đầy giọng than vãn khóc lóc, thương cho thân, thương cho các đồng chí đã hy sinh vì nước, đổ tội cho thời vận, đổ tội cho trời... Cụ cho rằng chỉ vì trời vì thời vận thôi, chứ sức người thì cụ đã vận dụng hết rồi. Trong lúc đang bối rối tìm con đường thoát, thì có ai bày cho mưu kế gì, hoặc tự mình chợt nghĩ ra thủ đoạn gì có thể thực hiện được mục đích đầu là cầu may, cụ cũng sẵn sàng nghe theo, làm theo, mà không còn cảnh giác gì nữa.

Kiểm điểm lại những hoạt động của cụ Phan, chúng ta thấy : làm võ trang bạo động không thành công, cụ muốn thử cái thuyết đề huề, làm bạo động không thành công cụ muốn kiếm con đường « văn minh cách mạng » ; lập hội Duy-Tân với chủ nghĩa bảo hoàng không đi đến kết quả, cụ chuyển sang chủ nghĩa dân chủ trong hội Việt-nam Quang-phục. Cho mãi đến về sau, khi các cuộc vận động đã kế tiếp thất bại, cụ lại « nghiên cứu chân lý đảng Cộng sản » và tìm bắt liên lạc với người Nga, tỏ lòng hâm mộ cuộc cách mạng

xã hội chủ nghĩa của Nga và muốn hướng thanh niên trong nước vào con đường này.

Xét về chỗ thay đổi chủ nghĩa, thay đổi kế hoạch thì chúng ta thấy ở cụ Phan có những mâu thuẫn. Nhưng xét về mục đích thì cụ Phan vẫn là thống nhất ở chỗ muốn đuổi giặc xâm lược giành độc lập cho nước nhà. Chính cụ Phan cũng tự cho là một ưu điểm của cụ khi cụ viết : « trong đời làm việc gì, cốt để ý đến mục đích, mong được thắng lợi ở phút cuối cùng, còn về thủ đoạn, phương châm, tuy thay đổi cũng không tiếc ».

Trong thời kỳ cụ Phan hoạt động, nước Pháp là một nước tư bản đang tiến lên chủ nghĩa đế quốc. Cụ Phan dựa vào lực lượng những tầng lớp đã suy tàn hay chưa thành hình mà chống lại một lực lượng đã và đang tiến triển mạnh thì sự thất bại rất là dễ hiểu. Nhưng không vì thất bại đó mà chúng ta đánh giá sai cụ Phan trong cách mạng Việt-nam.

Sau khi phong trào cần vương đã tắt, trước khi một phong trào mới chưa gây nên để tiếp tục cuộc vận động giải phóng dân tộc thì phong trào Phan Bội-Châu đã ghi một đoạn lịch sử quan hệ làm cái giây nối cho hai giai đoạn trong lịch sử cách mạng Việt-nam. Ít ra phong trào ấy cũng đã làm cho thực dân Pháp và thế giới thấy rằng dân tộc Việt-nam luôn luôn đấu tranh chống xâm lăng mà không thể diệt vong được. Trước tòa án đề hình Hà-nội, tên trạng sư của thực dân bào chữa cho cụ Phan đã nói : « Trong mấy chục năm gần đây, lịch sử Việt-nam đã lẫn lộn với lịch sử Phan Bội-Châu ». Tên trạng sư kia đã thấy được sự thật ấy.

Cụ Phan đã tiêu biểu cho cái tinh thần đánh đuổi giặc nước của dân tộc ta trong một thời đại khá dài. Cái thủ đoạn chính mà cụ Phan dùng để đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành độc lập cho nước nhà, là võ trang cách mạng. Sau khi đã tụ tập được một số « lục lâm » và dư đảng cần vương, cụ Phan hô hào nhân dân đoàn kết, chú trọng nhất là « các chú tập binh », rồi cũng để ý đến những « côn đồ » là những người đã quen việc dùng gươm dùng súng. Cụ kêu gào các nước lớn châu Á giúp đỡ võ trang để đuổi giặc xâm lược, đề phòng cái tình trạng « môi hở răng lạnh ». Cụ muốn liên kết các nước châu Á chống lại đế quốc xâm lược châu Âu, cụ cũng không quên tìm bạn đồng minh trong một nước đối địch với kẻ thù của mình. Cụ đi đến chỗ liên kết với tất cả những ai đồng bệnh với mình, những dân mất nước trên thế giới. Cụ thấy rằng ngoài việc « đem máu rửa máu » thì không cách gì có hiệu lực cả. Vì thế đối với cái thuyết « dựa vào Pháp để tiến bộ » của cụ Phan Chu-Trinh cụ cực lực phản đối trong lúc đó cụ vẫn cho chủ nghĩa dân chủ là phải ; cụ không phản đối chủ nghĩa dân chủ mà cụ Phan Chu-Trinh đề ra, cụ chỉ phản đối cái phương pháp cải lương mà cụ Phan Chu-Trinh muốn áp dụng, nhất là cụ không đồng ý với cụ Phan Chu-Trinh ở chỗ không nhè giặc ngoại xâm mà đả kích, mà lại đả kích mạnh vào cái lực lượng đang có thể dùng được để đánh ngoại xâm ; cụ Phan Chu-Trinh cho tất cả vua là xấu, cho nên dù dựa vào sức ngoài mà đập đổ được nền quân chủ cũng cứ nên làm ; cụ Phan Bội-Châu chỉ cho các vua hàng pháp là xấu, còn vua chống Pháp thì vẫn là cần, nghĩa là cụ không bỏ cái lực lượng có thể dùng được để chống với giặc Pháp ; thà

chịu chế độ quân chủ mà nước được độc lập còn hơn là được chế độ dân chủ mà nước mất ; cụ nói « dân đã không còn, chủ đâu mà có ». Vì thế cần phải đánh đuổi thực dân Pháp và dùng mọi lực lượng có thể dùng, nghĩa là con đường cụ đi là con đường cách mạng, chứ không phải là con đường cải lương, mà đã là cách mạng thì phải dùng gươm súng đánh diệt kẻ địch, nên người nào còn cầm gươm súng đánh giặc thì cụ còn coi là đồng minh cả. Chủ trương chính của cụ Phan là ở chỗ đó ; còn cái thuyết « đề huề » « văn minh cách mạng » chẳng qua là sự mò mẫm thử thách mà thôi, tự thâm tâm cụ, cụ không tin gì đâu. Lúc cụ bị bắt được thả ra, có người bạn quen nói chuyện với cụ nhắc đến câu « Pháp Việt đề huề » thì cụ đã nói ngay : « Đề huề chi mà đề huề : oán thù ta hãy còn lâu, trồng tre nên gậy gập đầu đánh què ». Xem thế chúng ta thấy rõ là sau khi nói ra thuyết đề huề, cụ Phan thêm thấy rõ dã tâm của thực dân và càng không tin thuyết đề huề, chưa nói là đề huề theo như lối cụ Phan nêu ra trong bức thư thì thực dân tham lam như Pháp cũng không bao giờ nó lại chịu thực hiện, sói bao giờ lại đề huề với cừu.

Một điều mà ta nhận rõ là cái lòng ái quốc của cụ Phan rất nồng nàn, cái chí diệt thù của cụ Phan rất mãnh liệt, cho nên hồng cuộc này lại lo gây cuộc khác, cầu cứu nước này không được thì lại cầu cứu nước khác, dùng phương pháp này không được thì lại tìm phương pháp khác, mấy mươi năm « lưu li bôn ba » mục đích là cốt diệt thù cứu nước. Nhưng khi bị thất bại dồn dập mà mỗi mệt quá thì có những giờ phút chán nản, kém phần tự tin, có khi nhắm mắt làm liều rồi ra sao thì ra ; do đó có những chỗ thiếu thận trọng ; nhưng qua

cơ khủng hoảng, cụ lại nhận được ngay con đường xuất phát của mình là con đường chính đạo. Đó cũng là vì cái căn bản triết học của cụ Phan là căn bản duy tâm của luân lý đạo Nho, pha lẫn với cái phong thái ngang tàng của các người hiệp khách, các người du thuyết đời Xuân-thu, Chiến-quốc ; mà khuynh hướng nhân bản của Lão, Trang cũng không phải hoàn toàn khách quan với cụ ; vì thế bên cạnh cái thái độ « không đội trời chung » với kẻ thù của cái « dững » lại phảng phất thuyết « thủ thân vĩ đại » của cái « trí ». Cái tư tưởng cá nhân anh hùng đã có lúc muốn đẩy cụ Phan ra liều chết để lưu danh hậu thế ; nhưng rồi người quân tử thận trọng lại khuyên nhủ cụ nên giữ cái thân hữu dụng để làm việc bổ ích về sau. Thêm vào đó, cái thuyết « khi cùng thì mình lo giữ mình cho hay, khi đạt thì mới làm hay cho cả thiên hạ » nó cũng có lúc khuyến khích cho chủ nghĩa cá nhân phát triển. Tất cả những cái phức tạp mà ta tìm thấy ở cụ Phan đều có nguyên nhân giai cấp và thời đại cả.

Nhưng cái phần mà nhân dân ta nhớ ở cụ Phan, bài học mà chúng ta rút ở cụ Phan là chỗ cụ Phan đã góp một phần quan trọng cho cuộc vận động giải phóng dân tộc của chúng ta. Cụ Phan là một người con xứng đáng của tổ quốc đã đứng dậy hô hào đồng bào võ trang đánh thực dân Pháp và thực dân Pháp đã dùng đủ cách để theo dõi cụ và cuối cùng đã bắt được cụ đưa ra tòa án xử tội, rồi đã giam lỏng cụ cho đến khi chết. Cụ Phan đã nắm vững chí khí diệt thù cứu nước ; giặc ngoài không khuất phục được, nội gián không phá hoại được cái khí tiết ấy ; cụ Phan đã cố gắng tiến bộ trên con đường cách mạng, mặc dầu bị sự ràng buộc của luân lý cũ, lễ giáo

xưa ; cụ Phan đã có ảnh hưởng lớn và tốt cho các phong trào cách mạng về sau và cho những người yêu nước trong chúng ta.

Do cái lòng chân thật yêu nước, do cái căm thù sâu sắc đối với bọn cướp nước, do kinh nghiệm của mấy năm hoạt động cách mạng, cụ Phan đã dần dần phân biệt rõ bạn và thù, đã trông thấy con đường tương lai của dân tộc, của các dân tộc. Lúc ở trong nước bước chân ra đi cụ tin tưởng vào Nhật-bản bao nhiêu, thì về sau cụ hiểu sâu sắc cái dã tâm đế quốc Nhật-bản bấy nhiêu. Thì ra đế quốc là ăn cướp, là đàn áp, không kể đế quốc ấy ở châu Âu hay ở châu Á, da trắng hay da vàng.

Còn đối với các nhà chí sĩ các nước bị xâm lăng như Triều-tiên, Ấn-độ... cụ rất là dễ thông cảm ; nhiều khi chúng ta được nghe những lời « đồng bệnh tương liên » của cụ Phan đối với các chí sĩ các nước bị xâm lăng phải trốn sang hoạt động trên đất ngoại quốc.

Đối với Trung-quốc, cụ ghét nhà Mãn-thanh khi cụ đã hiểu ra chân tướng của nhà Mãn-thanh, cụ phấn khởi trước sự thắng lợi của cuộc cách mạng Tân-hợi. Cụ tin vào tương lai của dân tộc Trung-hoa, cụ chắc chắn là sẽ có một ngày nhân dân Trung-hoa đánh thắng bọn đế quốc ngoại xâm trong đó có thực dân Pháp là kẻ thù chung của nhân dân Việt-nam mà cụ suốt đời tận tụy để tiêu diệt ; cụ đã nói : « khi tôi biết rõ là Nhật-bản không thể trông cậy gì được tôi chuyển hướng về cách mạng Trung-hoa và các dân tộc trên thế giới đồng bệnh với ta ».

Rồi đối với Cách mạng tháng Mười Nga trong lúc cụ Phan đã gặp nhiều thất bại dồn dập, đã cảm thấy mỗi một chán nản thì Cách mạng tháng Mười Nga thành công. Cụ Phan nghiên cứu về Cách mạng Nga ; cụ thân hành lên Bắc-kinh tìm môi giới để nói chuyện với người Nga. Cụ đã hỏi cặn kẽ về việc gửi học sinh sang Nga học tập, cụ đã được sự khuyến khích của người Nga. Cụ đã nói : « Trong khi người Nga nói chuyện với tôi, tỏ ra thái độ hòa nhã, thành thật, lời nói cũng như nét mặt, lúc mạnh dạn, lúc dịu dàng... »

Lúc cụ Phan bị Pháp bắt năm 1925 là chính lúc cụ đang đi trên con đường từ Hàng-châu về Quảng-đông để gặp các người cách mạng ta trong đó có cụ Nguyễn Ái-Quốc để cải tổ lại đảng cách mạng của cụ theo hướng mới như đề nghị của cụ Nguyễn Ái-Quốc. Cho nên con người yêu nước chân chính như cụ Phan, nhất định sẽ đi vào con đường cách mạng chân chính.

TÔN QUANG-PHIỆT

CUỘC THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÀ SỬ HỌC LIÊN-XÔ VỀ CÔNG TÁC BIÊN TẬP CỦA TẠP CHÍ «VẤN ĐỀ LỊCH SỬ»

**Bộ biên tập tạp chí Liên-xô
« Vấn đề lịch sử » thuật.**

TỪ năm 1953 đến năm 1954, các ủy viên và cán bộ bộ biên tập chúng tôi đã đi báo cáo về nhiệm vụ và công tác của tạp chí « Vấn đề lịch sử », tại các hội nghị các nhà sử học và hội nghị các giáo sư dạy về cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tại các thành phố Mạc-tư-khoa, Lê-nin-gờ-rát, Ki-ép, Ta-sơ-ken, Ba-ku, Ta-lin, Ri-ga, E-rê-van, Ti-phơ-lít, Sa-ra-tốp, Svéc-lốp, Rốt-stốp, Ka-dan.

Ngày 25-6-1954, Ban Học thuật Sở nghiên cứu lịch sử của Viện Khoa học Liên-xô cử hành Đại hội mở rộng và Đại hội đã nghe báo cáo công tác biên tập trong một năm qua của tạp chí « Vấn đề lịch sử ».

Tại đại hội, bà viện sĩ Păng-kơ-ra-tô-va, chủ bút tạp chí « Vấn đề lịch sử » đã báo cáo phương châm công tác chủ yếu của bộ biên tập là : *làm cho tờ tạp chí trở thành cơ quan lãnh đạo khoa học lịch sử ở Liên-xô, nâng cao trình độ khoa học của các bài đăng trong tạp chí, đặc biệt chú ý nghiên cứu lịch sử xã hội xô viết, lịch sử các nước dân chủ nhân dân, lịch sử các nước Đông-phương và lịch sử hiện đại của các nước tư bản, tiến hành đấu tranh chống những lỗi lầm sai trái trong trước tác của một vài nhà sử học Liên-xô và tăng cường công*

tác lộn trần những tư tưởng phản động của giai cấp tư sản và những hành vi xuyên tạc lịch sử của bọn tay sai đế quốc. ¹²

Về thể tài, bà Păng-kơ-ra-tô-va trình bày : tờ báo này đã tăng từ 10 trương lớn khổ giấy in lên 12 trương, vì thể số lượng bài đăng đã tăng hơn năm trước rất nhiều (năm nay có 256 bài vừa luận văn vừa phê bình sách, năm trước chỉ có 167 bài). Những mục tin tức về « sử học Liên xô » và « sử học các nước » cũng đã được cải tiến. Năm trước, số tác giả có bài đăng trên tạp chí là 240 người, trong đó có 10 viện sĩ sử học, 33 bác sĩ sử học, 131 thạc sĩ sử học và một số người khác nữa. Bà Păng-kơ-ra-tô-va nêu lên điều thiếu sót là chưa có được nhiều tác giả ở xa viết bài cho tạp chí : trong số 240 tác giả nói trên thì 181 tác giả ở ngay tại Mạc-tư-khoa. Số lượng những bài của các bạn ở ngoài bộ biên tập gửi tới cũng đã tăng nhanh : 6 tháng cuối năm 1953 chỉ nhận được 284 bài vừa luận văn, vừa tin tức vừa phê bình sách mà 6 tháng đầu năm 1954 đã nhận được tới 450 bài.

Bà Păng-kơ-ra-tô-va nói : trong công tác cải tạo tạp chí, bộ biên tập đã khắc phục được một số khó khăn sơ bộ, nhưng cái nhiệm vụ đầu tiên là làm cho tờ tạp chí thành một cơ quan lãnh đạo trên chiến tuyến sử học thì vẫn chưa làm tròn được. Điều đó thấy rất rõ trong toàn bộ nội dung của tạp chí, những bài luận văn rất ít chất lượng vẫn thường thấy có. Bộ biên tập vẫn chưa viết được những loạt bài xã luận có hệ thống để hướng các nhà sử học Liên-xô đề cập tới một số vấn đề trọng yếu và vạch ra đường lối giải quyết những vấn đề ấy. *Về nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô, chúng ta mới làm được rất ít, chúng ta cần phải giúp đỡ các bạn sử*

học trẻ tuổi trong việc nghiên cứu lịch sử Đảng ở các địa phương.

Hiện nay tại các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa trong Liên-xô đều đã có những cán bộ sử học đã thành trưởng chúng ta cần phải tổ chức sức sáng tác của các bạn ấy và lôi cuốn các bạn ấy tham gia vào công tác của tạp chí chúng ta. Bộ biên tập hiện đang định kế hoạch chuẩn bị đăng một loạt bài nêu rõ tình hình và nhiệm vụ công tác sử học tại các nước cộng hòa xô viết xã hội chủ nghĩa.

Trong một năm lại đây, các miền duyên hải Ban-tích, Bi-ê-lô-ru-si, trung-á và Ngoại Cô-ca-dơ đều đã cử hành những hội nghị khoa học hàng năm và hội nghị sử học. Điều thiếu sót là tạp chí « Vấn đề lịch sử » chưa có được những bài báo hoặc những cuộc thảo luận trước để kịp thời chỉ đạo những hội nghị ấy : chỉ đến khi hội nghị xong rồi thì mới đăng những bản báo cáo tổng kết hội nghị và một số bản tham luận trong hội nghị.

Tạp chí của chúng ta cần phải đăng liên tục những bài về lịch sử thế giới, đặc biệt là một số vấn đề riêng biệt về lịch sử các nước dân chủ nhân dân, lịch sử các phong trào cách mạng, lịch sử giai cấp vô sản và xã hội chủ nghĩa. Tạp chí của chúng ta còn cần phải tăng cường hơn nữa công tác vạch rõ những hành vi xuyên tạc lịch sử của giai cấp tư sản, chúng ta cần phải liên hệ với các nhà sử học và các cơ quan học thuật, trong nước cũng như ngoài nước.

Bản báo cáo của bà Păng-kơ-ra-tô-va được Đại hội thảo luận nhiệt liệt. Bác sĩ sử học Ka-phen-ga-u-xơ vạch rõ : Tạp

chí của chúng ta, về chất lượng tuy đã có cải thiện, nhưng cũng còn nhiều khuyết điểm nghiêm trọng. Theo Ka-phen-ga-u-xơ thì *những bài còn có tính chất chung chung, ít cố gắng hiển được những điều mới cho khoa học*. Điều ấy, chúng ta thấy rõ nhất trong bài bàn về việc « U-cơ-ren lại sáp nhập vào Nga-la-tư ». Về cổ sử, chúng ta đã không chú ý đến lắm. *Những bài luận văn có tính chất phê bình của các bạn đọc cũng ít thấy trên mặt báo. Những bài phê bình sách báo thì thường không kịp thời. Tạp chí của chúng ta lại không quan tâm đến việc giảng dạy lịch sử ở các trường cao đẳng*.

Bác sĩ sử học I-a-sun-ski vạch rõ : trong nước chúng ta chỉ có một thứ tạp chí lịch sử này, như thế không được tương xứng với cái công tác khoa học lịch sử qui mô rất lớn của Liên-xô. Cũng do đấy, tạp chí « Vấn đề lịch sử » phải giải quyết một số nhiệm vụ nữa. Tạp chí của chúng ta phải đảm đương được cái trách nhiệm lãnh đạo khoa học lịch sử Liên-xô. Về phương diện này, tạp chí chúng ta cũng đã thu được ít nhiều thành tích. Trước đây ít lâu, những bài đăng trên tạp chí bàn về Lê-nin là những bài rất có giá trị. Những bài viết về lịch sử U-cơ-ren cũng đem được nhiều hứng thú cho người đọc. Nhưng cũng có một số bài, tác giả xử lý vấn đề một cách rời rạc khúc mắc, chưa vận dụng được những sử liệu cụ thể để giải quyết những vấn đề thật trọng yếu. Bài « Bàn về tác dụng quy luật kinh tế trong hình thái xã hội có giai cấp » của I. S. Côn đăng trong tạp chí số 5 năm 1954 đã phạm vào lỗi đó. Bài « Sự sản xuất hàng hóa ở Nga trước thế kỷ 17 » của Ta-ni-lô-va và Pa-su-tô cùng soạn đăng trong tạp chí số 1 năm 1954 cũng có rất nhiều điều nghị luận chung chung và

bông lông.

I-a-sun-ski cho rằng một khuyết điểm quan trọng nhất của tạp chí là còn hờ hững với những hoạt động của các cơ quan khoa học địa phương, chưa tranh thủ được sự thật sự cố gắng của các tác giả địa phương để viết bài cho mình.

Bác sĩ sử học Smi-ran đặc biệt nhấn mạnh rằng tạp chí « Vấn đề lịch sử » là cơ quan chỉ đạo khoa học lịch sử thì nhiệm vụ của nó là *phải có những bài vở có tính chất chỉ đạo cho tất cả các bộ môn của khoa học lịch sử. Mục « thảo luận » của tạp chí cần phải có đều đặn. Bộ biên tập cần phải đề xuất những ý kiến của mình đối với những vấn đề tranh luận.* Smi-ran còn nói đến việc tạp chí đã thiếu sự giúp đỡ đối với những người biên soạn bộ thông sử thế giới ở trong Sở nghiên cứu lịch sử. Tạp chí nên quan tâm đến cái quá trình thảo luận của từng quyển trong bộ sử này, phải làm sáng tỏ những vấn đề phức tạp đã xảy ra trong từng cuộc thảo luận ấy.

Đồng chí Can-nich rất khen tạp chí nhưng đồng thời cũng phê bình rằng tạp chí chưa phản ánh được một số vấn đề thật quan trọng, *chưa chú ý nghiên cứu lịch sử chính sách Tân kinh tế, chưa nêu rõ những đấu tranh thắng lợi của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa trong công thương nghiệp.*

Một nhà nghiên cứu lão thành trong Sở nghiên cứu lịch sử là I-a-cu-pốp-ska-i-a có nói kỹ về những công tác mà tạp chí đã làm về các vấn đề lịch sử xã hội xô viết. Ông nhận rằng tạp chí đã đề ra được một số vấn đề trọng yếu về lịch sử xô viết và lịch sử Đảng, do đấy mà có được một số bài ý nghĩa

rất phong phú. Nhưng đối với những bài luận văn ấy, tạp chí vẫn chưa đề rõ ra được cái yêu cầu tất yếu của nó về chất lượng. Theo ý kiến I-a-cu-pốp-ska-i-a, *bộ biên tập cần phải tổ chức những cuộc thảo luận về vấn đề lịch sử xã hội xô viết. Nhưng cuộc thảo luận ấy không nên để có tính chất trừu tượng mà phải căn cứ vào tài liệu lịch sử cụ thể.*

Si-do-rốp, sở trưởng Sở nghiên cứu lịch sử Viện khoa học Liên-xô vạch rõ : *bộ biên tập tạp chí chưa giải quyết được dứt khoát một số vấn đề lý luận về nguyên tắc. Tạp chí cũng không đưa ra những ý kiến của mình đối với những vấn đề thảo luận ấy. Tạp chí đã có in ra một tập sách lớn thu thập những bài đã đăng về một số vấn đề thảo luận trong mấy năm gần đây, nhưng đồng thời nên chỉ rõ vài ba vấn đề cụ thể cần được đặc biệt chú ý nghiên cứu kỹ Si-do-rốp đề nghị phải tìm một số đồng chí chuyên trách ở ngay tại các viện khoa học của các nước trong Liên bang để các đồng chí ấy sẽ liên lạc chặt chẽ với bộ biên tập và thường xuyên báo cáo với bộ biên tập về những công tác của các cơ quan khoa học và các nhà sử học ở địa phương.*

*

Ngày 28 tháng 6 năm 1954, bộ biên tập tạp chí « Vấn đề lịch sử » lại cử hành một cuộc hội nghị gồm những tác giả ở ngoài tòa soạn và những bạn đọc có cảm tình. Hội nghị nghe bà Păng-kơ-ra-tô-va báo cáo và trao đổi ý kiến về công tác một năm qua của tạp chí.

Thạc sĩ sử học Sê-rin-cốp-ski, nghiên cứu viên tại Sở nghiên cứu lịch sử Viện khoa học Liên-xô, nhận định : trình

độ lý luận của tạp chí đã được nâng cao, đề mục đã bao gồm được nhiều mặt, nội dung cũng phong phú. Tạp chí đã thường xuyên có được những bài có tính chất thảo luận. Mục « Sử học nước ngoài » đã bắt đầu đăng được những bài luận văn trọng yếu, có tính chất tổng kết. Sê-rin-cốp-ski *rất khen ngợi về những bài « hồi ức về Lê-nin » đăng trong tạp chí. Ông nói : chúng ta cần phải khôi phục lại cái thể văn hồi ức này (nó là một thứ sử liệu rất trọng yếu).*

Vin-đu-nê-tốp nhận định : đối với những vấn đề tranh luận, thái độ của tạp chí chưa mạnh dạn, dứt khoát. Có những bài chỉ nêu lên những chân lý thông thường mà mọi người đều đã biết. Có một số vấn đề cần phải giải quyết dứt khoát, ví như những phong trào dân tộc ở Trung Á, đã có lúc tạp chí coi đó là những phong trào tiến bộ, nay lại có những đồng chí cho nó là phản động. Những quan điểm lung tung như thế không thể tồn tại được. Tạp chí cần phải lưu ý các nhà sử học phân tích kỹ vấn đề này. Vin-đu-nê-tốp lại nêu lên rằng : *tạp chí cần phải giúp cho các nhà sử học thảo luận để xóa bỏ được những hiện tượng chưa thống nhất ý kiến trong các bài nghiên cứu về mọi vấn đề lịch sử, lịch sử trong nước cũng như lịch sử ngoài nước.*

Một vị giáo sư ở trường Đại học Sa-ra-tốp là thạc sĩ sử học Piếc-sốp phát biểu ý kiến : *về các mặt làm sáng tỏ lịch sử của chiến tranh bảo vệ tổ quốc vĩ đại, làm sáng tỏ quá trình hoạt động quân sự, làm sáng tỏ những công tác của hậu phương Sô-viết, làm sáng tỏ sự phát triển văn hóa trong thời kỳ chiến tranh ấy, tạp chí chúng ta còn thiếu chú ý nhiều.* Piếc-sốp vạch rõ : trình độ lý luận của tạp chí đã được

nâng cao. Nhưng vẫn có những tác giả không căn cứ vào sử liệu cụ thể để phân tích tìm ra những qui luật chân thực, mà chỉ dùng những nguyên lý trừu tượng, lúc thế này lúc thế khác, lăm lăm trộn lẫn cả những qui luật riêng và những qui luật chung của một hình thái xã hội vào với nhau. Cho nên *bộ biên tập cần phải tổ chức nhiều cuộc thảo luận nữa, nội dung và kết quả của những cuộc thảo luận phải đăng liên tục lên tạp chí, không nên để gián cách lâu như tình trạng hiện nay.*

Ê-ri-mi-ép nhắc nhở mọi người : *hiện nay các nước tư bản xuất bản rất nhiều sách báo xuyên tạc lịch sử cuộc Đại chiến thế giới lần thứ II. Tạp chí « Vấn đề lịch sử » cần phải lột trần những âm mưu xuyên tạc lịch sử ấy, cần nêu rõ cái qui luật thắng lợi của Liên-xô trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, cần biên soạn những tài liệu chính xác về tất cả cái quá trình của cuộc chiến tranh ấy.*

Một vị giáo sư trường Đại học Mạc-tư-khoa là thạc sĩ sử học Cu-sin đề xuất vấn đề là : tạp chí của chúng ta cần phải trình bày rõ vấn đề sử liệu học về lịch sử xã hội Xô-viết.

Nhiều đồng chí bàn đến mục chuyên về « Nghiên cứu và thảo luận ». Đối với vấn đề này, thạc sĩ luật học Bô-cơ-rốp-ski, nghiên cứu viên Sở Nghiên cứu luật học Viện khoa học Liên-xô đã góp một số ý kiến phê bình. Ông nói : mỗi khi mở một cuộc thảo luận về một vấn đề, không thể không chú ý đến tình hình phát triển của cuộc thảo luận ấy. Sau một vài bài luận văn có tính chất đề xuất vấn đề thảo luận, không thể không có gì tiếp tục theo sau nữa. Trường hợp bài luận văn của Rin-cốp và Nét-ki-na là như vậy. Đồng thời cũng không nên làm những việc không nhằm một mục đích gì như là

đăng những bài luận văn chỉ nói lại những nguyên lý mà ai nấy đều đã biết, hoặc nêu lên những quan điểm ai cũng thấy là không chính xác. Theo Bô-cơ-rốp-ski thì bài của Côn về « tác dụng qui luật kinh tế trong hình thái xã hội có giai cấp » là ở trong trường hợp ấy.

Thạc sĩ sử học Sô-rô-vi-ép nói : *mỗi khi có một cuộc thảo luận, bộ biên tập cần phải làm kết luận, đối với những vấn đề thảo luận, bộ biên tập cần phải có ý kiến của mình.*

Bô-cơ-rốp-ski, Sê-rin-cốp-ski và một vài đồng chí khác đặc biệt nêu lên vấn đề là : *Tạp chí đã có sáng kiến rất quý báu mở hai mục chuyên về : « Sử học Liên-xô » và « Sử học nước ngoài », nhưng chất lượng của những bài luận văn và những bài phê bình ngắn trong hai mục ấy hãy còn thấp. Thường thường những mục ấy chỉ kể lên một cách rất khô khan, la liệt những tên sách mới xuất bản và những tin tức lượm được. Ngoài những tin tức như thế, còn cần phải có những bài luận văn có tính chất tổng kết, vạch ra được cái xu thế phát triển của nền sử học Liên-xô và nền sử học ở các nước.*

Sê-rê-nin nhận định rằng : tạp chí còn yếu về mặt vạch rõ bọn xuyên tạc lịch sử trong giai cấp tư sản và ông đề nghị phải đặc biệt chú ý đẩy mạnh công tác này hơn nữa.

Cuối cùng đồng chí Bun-sa-lốp, phó chủ bút tạp chí « Vấn đề lịch sử » phải phát biểu ý kiến tổng kết hội nghị. Đồng chí tiếp thu tất cả những lời phê bình rất chính xác của hội nghị, đồng thời cũng nói rõ : Những đề mục trên tạp chí tuy đã có cải tiến, nhưng về chất lượng vẫn chưa đạt tới cái mức độ

mong muốn. Nhiều bài thiếu tính chất sáng tạo và còn không cố gắng được thêm gì cho khoa học lịch sử bởi chỗ chỉ lặp lại một số nguyên lý ai ai cũng đều biết. Tạp chí của chúng ta còn chưa nêu lên được cái tác dụng chỉ đạo đối với sự phát triển khoa học lịch sử. Việc tổ chức những cuộc nghiên cứu và thảo luận cũng chưa làm được tốt lắm. *Bộ biên tập quyết tâm gắng sức tăng cường liên hệ với các bạn công tác ở ngoài và các bạn đọc cảm tình, vì đó là điều kiện cần thiết đầu tiên để tờ tạp chí của chúng ta công tác có kết quả hơn. Bộ biên tập phải mở rộng mục « Tin tức và đoản bình », lấy nó làm chỗ liên hệ chặt chẽ với bạn đọc.*

NGUYỄN LƯƠNG-BÍCH dịch

VIỆC ĐÀO TẠO CÁN BỘ SỬ HỌC Ở LIÊN-XÔ

CÔNG tác lịch sử ở Liên-xô được đảng và chính phủ hết sức chú ý và giúp đỡ. Các vị lãnh tụ đảng thường trực tiếp tham gia nghiên cứu lịch sử. Đồng chí Lê-nin và Sta-lin, hai nhà học giả vĩ đại của Liên-xô và của thế giới, đã có rất nhiều cống hiến vô cùng giá trị cho khoa học lịch sử. Việc đào tạo cán bộ sử học và giảng dạy lịch sử, do đấy, cũng được hết sức chú trọng.

Ở Liên-xô, các trường trung học và tiểu học đều có dạy lịch sử, do các giáo viên lịch sử tốt nghiệp đại học phụ trách.

Việc dạy lịch sử bậc cao cấp đều tập trung ở các hệ lịch sử (faculté d'histoire) thuộc các trường đại học. Hiện nay ở Liên-xô có hơn 30 trường đại học có hệ lịch sử. Ở các giáo dục và sư phạm học viện cũng đều thành lập những hệ lịch sử.

Khóa trình học lịch sử ở các trường đại học là 5 năm. Chương trình dạy sử ở đại học không phải chỉ để đào tạo giáo sư giỏi về lịch sử mà còn nhằm bồi dưỡng thành những nhà nghiên cứu thành thạo về mọi mặt của khoa học lịch sử.

Học sinh hệ lịch sử, trong 3 năm đầu, cùng học chung một chương trình gồm những bộ môn như sau :

- 1- Cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin.
- 2- Chính trị kinh tế học.
- 3- Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

- 4- Triết học sử.
- 5- Giáo dục học.
- 6- Giáo học pháp về lịch sử.
- 7- Thực tập về giảng dạy.
- 8- Cổ văn Nga-la-tư.
- 9- Văn học la-tinh.
- 10- Các loại văn học ngoại quốc.
- 11- Khái luận về khảo cổ học.
- 12- Khái luận về lịch sử xã hội nguyên thủy và về nhân chủng học.
- 13- Lịch sử Liên-xô.
- 14- Lịch sử thế giới (cổ đại, trung thế kỷ và cận đại).
- 15 - Lịch sử dân tộc Sla-vơ Nam-bộ và Tây-bộ.
- 16- Lịch sử các nước đông phương.
- 17- Văn học sử Liên-xô.
- 18- Những nguyên lý tổ chức quốc gia và pháp chế xô-viết.
- 19- Thể dục và vận động.

Tại các trường đại học thuộc các nước cộng hòa xô-viết, thì ngoài chương trình như trên, còn thêm vào môn lịch sử nước ấy nữa.

Từ năm thứ 4 trở đi, các học sinh học tách theo từng ngành để đi sâu vào chuyên môn (2 môn khảo cổ học và nhân chủng học thì bắt đầu từ năm thứ 3).

Phương pháp học tập từ năm thứ 4 trở đi, ngoài việc diễn giảng của giáo sư, còn có : thảo luận tập thể, nghiên cứu tập thể và làm luận án hàng năm. Ngoài ra lại có tổ chức công tác thực tập cho học sinh về các môn khảo cổ học, nhân chủng học, khoa học bảo tàng (bác vật quán học).

Học kỳ cuối cùng của năm thứ 5 hoàn toàn dành cho học sinh làm luận án tốt nghiệp. Học sinh tốt nghiệp lịch sử ở các trường đại học đều phải trải qua một kỳ thi về triết học và về bộ chuyên môn của mình, sau đó, qua một kỳ sát hạch vấn đáp về bản luận án tốt nghiệp mình đã soạn.

Việc dạy lịch sử ở giáo dục học viện đại khái cũng như thế, nhưng giảm bớt thời gian thực tập chuyên môn và nghiên cứu tập thể, do đấy, hạn học rút xuống làm 4 năm. Một điều khác nữa, là giáo dục học viện tăng thêm nhiều giờ cho việc giảng giáo học pháp và thực tập giảng dạy. Tuy có một vài sự thay đổi khác nhau như thế, nhưng trên căn bản, chương trình của các trường đại học và giáo dục học viện, vẫn giống nhau, học sinh tốt nghiệp ở đại học và ở giáo dục học viện, trình độ đều như nhau không có sự chênh lệch về mặt công tác nghiên cứu. Do đấy giáo dục học viện cũng như các trường đại học, sau mỗi kỳ thi tốt nghiệp, đều giữ lại một số học sinh ưu tú làm nghiên cứu sinh, để cho họ thuận tiện phát triển khả năng nghiên cứu của họ.

Các nhà nghiên cứu thanh niên đều phải qua một giai đoạn làm nghiên cứu sinh, sau khi đã tốt nghiệp đại học. Các nghiên cứu sinh làm việc tại các cơ quan nghiên cứu học thuật thuộc viện Hàn lâm hay các bộ chuyên môn khác hoặc ngay tại các trường đại học và giáo dục học viện.

Thời hạn làm nghiên cứu sinh là 3 năm. Trong một năm rưỡi đầu, nghiên cứu sinh làm các luận văn và qua các kỳ khảo sát. Một năm rưỡi sau, nghiên cứu sinh chuyên chú vào việc làm luận án lấy bằng cấp đại học. Khi làm xong luận án,

ngiên cứu sinh qua một kỳ sát hạch vấn đáp về bản luận án ấy do bốn vị giáo thụ làm giám khảo. Nếu kỳ vấn đáp ấy chót lọt, người nghiên cứu sinh được cấp một bằng đại học sơ cấp, tức bằng thạc sĩ sử học. Từ đấy, người học sinh trở thành một nhà nghiên cứu chuyên môn. Sau một thời gian công tác lâu, có được nhiều thành tích và có một công trình xuất sắc thì được cấp bằng đại học cao cấp tức bằng bác sĩ sử học. Thời gian từ lúc có bằng thạc sĩ sử học đến lúc được bằng bác sĩ sử học thường là mười, mười lăm năm. Thí dụ bác sĩ Kit-xơ-lép, chủ bút tạp chí « Cổ sử thông báo » của Liên-xô, đỗ thạc sĩ sử học từ 1930, đạt được nhiều thành tích về khảo cổ mà tới 1946 mới được cấp bằng bác sĩ sử học. Các bác sĩ và thạc sĩ sử học đều được cử dạy ở các trường đại học hoặc phụ trách những công tác nghiên cứu tại các cơ quan chuyên môn.

Ở Liên-xô, ngoài các trường học, còn có rất nhiều cơ quan chuyên môn phụ trách công tác nghiên cứu lịch sử. Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô có các sở chuyên nghiên cứu về lịch sử, lịch sử văn hóa vật chất, nhân chủng học, đông phương học, Sla-vơ dân tộc học, lịch sử khoa học tự nhiên, lịch sử nghệ thuật v.v... Tại các viện hàn lâm của các nước cộng hòa xô-viết trong Liên-xô cũng có những sở nghiên cứu lịch sử. Tại các xứ và các châu tự trị, các cơ quan nghiên cứu học thuật cũng đều có làm công tác nghiên cứu lịch sử. Ngoài ra, các trường đại học, các bác vật quán (viện bảo tàng), các cung văn hóa, các thư viện, các đoàn nghiên cứu khảo sát, ở trung-ương cũng như địa phương, cũng đều làm rất nhiều công tác nghiên cứu về lịch sử. Tất cả những cơ quan và

những tổ chức nghiên cứu lịch sử ở Liên-xô đều có kế hoạch liên hệ, phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau, do đấy công tác nghiên cứu lịch sử ở Liên-xô càng ngày càng phát triển mạnh. Công tác biên soạn và xuất bản tài liệu ở Liên-xô cũng rất phát đạt.

Tạp chí và tập san chuyên môn xuất bản rất nhiều, thí dụ như các tạp chí *Vấn đề lịch sử*, *Giảng dạy lịch sử*, *Cổ sử thông báo*, *Nhân chủng học Liên-xô*, *Kỷ yếu viện Hàn lâm khoa học Liên-xô*, *Sử học và triết học*, hoặc các tập san : *Lịch sử từng san*, *Tập san nghiên cứu lịch sử đế quốc Byzance*, *Trung thế kỷ từng san*, *Giản báo của Sở nghiên cứu lịch sử văn hóa vật chất*, *Giản báo của sở nghiên cứu nhân chủng học*, *Tập san khảo cổ học Liên-xô*, *Tập san tài liệu và nghiên cứu khảo cổ học Liên-xô*, *Tập san kim thạch học đông phương* (nghiên cứu về các bia và các đồ kim khí cổ có khắc chữ, hình), *Từng san của viện bảo tàng lịch sử Quốc-gia*, *Từng-san của viện bảo tàng Cung mùa Đông*, *Tập san báo cáo và tin tức của hệ lịch sử trường Đại học Mạc-tư-khoa*, v.v... Ngoài ra, các hệ lịch sử của tất cả các trường đại học đều có những *tập san học thuật* riêng. Các viện hàn lâm khoa học của các nước trong Liên-xô cũng đều có tập san nghiên cứu lịch sử. Viện hàn lâm Uy-cơ-ren lại có riêng một tờ *tập san khảo cổ học*. Các cơ quan nghiên cứu lịch sử ở các xứ, các khu tự trị cũng có tập san riêng.

Tất cả những báo chí, tập san này hợp cùng với rất nhiều trước tác xuất bản ngày càng tăng của các nhà sử học danh tiếng đều góp một phần công sức lớn vào việc đào tạo và phát triển tài năng của các cán bộ sử học ở Liên-xô.

N.L.B.

(thuật theo bác sĩ tử học Kisselev trong bài diễn văn « Công tác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở Liên-xô » đọc nhân dịp sang thăm Trung-quốc năm 1950).

TÀI LIỆU THAM KHẢO VỀ CẬN ĐẠI SỬ : HOẠT ĐỘNG CỦA TƯ BẢN PHÁP Ở VIỆT- NAM TỪ 1918 ĐẾN 1930

của VĂN-TẠO

TRƯỚC khi đi vào tìm hiểu những hoạt động của tư bản Pháp ở Việt-nam trong thời kỳ này, chúng ta hãy điểm qua vài nét đặc biệt trong chính sách khai thác thuộc địa của tư bản thực dân Pháp.

Bọn trùm tư bản Pháp vốn là những tập đoàn tư bản tài chính, chúng chủ trương đầu tư vào thuộc địa, cho vay vốn hoặc góp cổ phần vào các công ty để kiếm lời hơn là hoạt động kỹ nghệ. Chúng tuyệt đối không cho mở kỹ nghệ nặng ở thuộc địa. Nhân công tuy rẻ mạt, nguyên liệu rất dồi dào, nhưng các thứ khai thác được đều để xuất cảng nguyên chất hoặc đưa về chính quốc để biến chế. Ngay cả đến kỹ nghệ nhẹ cũng chỉ được phát triển trong phạm vi không có hại gì đến việc tiêu thụ hàng hóa của chính quốc và cần thiết cho nhu cầu phát triển của cuộc khai thác.

Những đặc điểm trên cũng được biểu lộ rõ rệt trong thời kỳ khai thác lần thứ hai, từ năm 1918 đến 1930, thời kỳ thịnh nhất trong hơn 80 năm khai thác thuộc địa Việt-nam.

I. MỘT VÀI THUẬN LỢI MỚI CỦA CUỘC KHAI THÁC

Trong những năm chiến tranh, thị trường bị ngừng đọng, sản xuất bế tắc, giao thông đình trệ thì nay cả một chân trời

rộng mở. Những cuộc cạnh tranh được tạm thời hòa hoãn bằng những sự chia xẻ thị trường hoặc thương lượng giá cả. Trước kia cao su Pháp cạnh tranh với Mã-lai, Nam-dương. Giá cao su năm 1910 là 8 shilling 10¹³ một ki-lô, năm 1921 xuống tới 11 penny. Nhưng năm 1921, theo chương trình Stevenson, hợp đồng về cao su giữa các nước sản xuất được ký kết. Giá cao su lại từ 11 penny lên 4 shilling 4. Các nguyên liệu khác cũng sẵn nơi tiêu thụ, thực dân Pháp càng vững tâm khai thác. Than, quặng được đưa về Pháp để dùng vào các lò đúc. Gạo sang Trung-hoa, Nhật-bản, Mã-lai, Phi-luật-tân. Cả đến những thứ khác như hạt tiêu, quế, cánh kiến, muối v.v..., cũng đều có nơi ăn giá trước¹⁴.

Những cuộc khai thác đầu tiên, đã cho những kết quả cụ thể. Cao su giống thí nghiệm từ năm 1897 đến 1906 lấy nhựa đã được 100.000 phờ răng thực lãi. Năm 1915 mới lấy được 200 tấn nhựa. Năm 1919 đã lấy tới 3.519 tấn (gấp 17 lần). Trị giá khoáng sản khai được năm 1910 là 2.000.000 đồng, năm 1916 lên đến 8.000.000 đồng (gấp 4 lần).

Nhìn thấy những món lời lớn đó, chính quyền thuộc địa càng tăng cường giúp đỡ mọi phương tiện để tư bản Pháp đủ điều kiện phát triển. Năm 1921 cao su hạ giá, công ty cao su được chính quyền thuộc địa trợ cấp 1.700.000 đồng. Nhân công hiếm, chính quyền tích cực thi hành chính sách bần cùng hóa nông dân và dùng nhiều thủ đoạn để mộ phu. Kết quả năm 1919 số mộ phu vào đồn điền cao su mới độ trên 3.000 thì riêng 1927 đã lên tới 18.001. Các luật lệ mới được ban hành để chủ đồn điền dễ dàng chiếm ruộng, chủ xưởng, chủ hầm mỏ dễ dàng bóc lột nhân công¹⁵. Chúng thi hành

một chế độ độc quyền quan thuế để hàng Pháp giữ quyền bá chủ ở Việt-nam¹⁶. Công ty cao su nào phát triển nhanh chóng được chính quyền khen thưởng¹⁷. Các tổ chức về kinh tế như thương mại, nông nghiệp được củng cố để bọn chum tư bản dễ dàng điều khiển việc xuất nhập và khai thác cho hợp với ý muốn của chúng. Các phòng thương mại Hải-phòng, Hà-nội, Sài gòn, Phòng Nông-nghiệp Bắc-kỳ, Nam-kỳ, phòng Nông-thương hợp nhất Bắc Trung-kỳ và Đà-nẵng đều được chấn chỉnh lại vào khoảng mấy năm sau chiến tranh.

Như một cây non, sẵn nơi đất tốt lại được người chăm bón, vun sới đầy đủ cho nên tư bản Pháp mọc lên và phát triển tươi tốt trên đất Việt-nam, nhất là trong mấy năm từ 1924 đến 1930.

II. TÌNH HÌNH TƯ BẢN PHÁP ĐẦU TƯ VÀO VIỆT-NAM

Để dễ dàng xét tới sự phát triển của tư bản Pháp ở Việt-nam, chúng ta theo dõi thống kê sau đây :

Vốn của các công ty Pháp ở Đông-dương (hầu hết là ở Việt-nam) từ 1924 đến 1930.

(Tính bằng triệu phờ-răng)

Năm	Nông nghiệp	Mỏ	Kỹ nghệ	Vận tải	Thương mại	Bất động sản và ngân hàng
1924	52,1	18,7	71,7	6,0	40,9	54,5
1925	76,9	19,3	62,2	5,0	32,6	2,2
1926	275,7	94,3	112,9	5,1	60,2	84,7
1927	400,7	79,5	62,4	31,1	17,2	65,3
1928	213,5	184,4	88,4	37,2	55,0	174,0
1929	135,7	149,5	110,6	46,6	42,3	244,9
1930	118,0	108,0	98,0	43,2	115,4	113,5

Vì phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường thế giới và nhằm chủ yếu là khai thác nên các ngành kinh tế của Pháp ở Việt-nam phát triển không đều và thiếu liên tục. Trước đại chiến, vốn tập trung nhiều vào công nghiệp, mỏ và giao thông vận tải. Nông nghiệp chỉ đứng hàng thứ tư thì nay đã bước lên hàng đầu. Vì vậy diện tích cao su năm 1924 mới có 15.000 mẫu tây. Năm 1929 đã tới gần 100.000 mẫu tây (tăng lên gấp 6,7 lần). Trái lại giao thông vận tải trước 128 triệu thì nay cao nhất là năm 1929 mới tới 46 triệu 6.

Trừ ngành giao thông vận tải còn các ngành khác, như một triều nước cuốn lên, tư bản Pháp xô nhau tiến bước. Kê ít vốn thì tập hợp nhau lại. Hãng ô-tô Be-ni-nê (Bainier) Sài-gòn thành lập tháng 11-1914. Năm 1920 tập hợp thêm một số tư nhân với số vốn cũ là 345.000 đồng. Năm 1926 tăng lên 500.000 đồng. Năm 1929 tăng lên 600.000 đồng.

Bọn thương nghiệp thấy nông nghiệp lợi nhiều cũng vươn sang khai thác như bọn May-ê (M. J. Mayer) trồng hạt tiêu¹⁸, bọn Bôi Lãng-đơ-ry (Boy Landry) trồng cà-phê, Canh-ki-na v.v...

Bọn tư bản thương nghiệp tập hợp với bọn tư bản nông nghiệp để dễ dàng kinh doanh. Năm 1928, công ty nhập cảng máy móc nông nghiệp thành lập do M. J. Boy, một tư bản thương nghiệp hợp vốn với một số đại địa chủ Nam-kỳ : Vốn đầu tiên là 20.000 đô-la. Tăng dần lên 80.000 đô-la.¹⁹

chuyên nhập cảng máy cày, máy gặt, máy ép dầu, xay gạo, ép mía v.v... Có thể nói là bất cứ chỗ nào khai thác được nhiều lời đều có bàn tay của tư bản Pháp nhúng vào.

III. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NGÀNH TƯ BẢN

Tất cả các ngành tư bản lớn của Pháp ở Việt-nam đều chịu sự chi phối của tập đoàn tài chính lớn nhất là Ngân hàng Đông-dương. Cho nên trước khi đi sâu vào sự phát triển của các ngành tư bản ở Việt-nam, chúng ta hãy tìm hiểu qua về nhà Ngân hàng Đông-dương.

Nhà Ngân hàng Đông-dương thành lập ngày 21-1-1875 ở Pa-ri gồm 3 ngân hàng hợp lại :

- 1) Ngân hàng quốc gia Pa-ri đã đặt chi nhánh ở Sài-gòn năm 1862.
- 2) Ngân hàng công thương nghiệp.
- 3) Ngân hàng Pa-ri và Hà-lan.

Sau đó tập hợp thêm ngân hàng Ly on-ne (Crédit lyonnais), Tổng công ty cho vay (Crédit général) và Địa ốc ngân hàng Pháp (Crédit foncier de France).

Vốn khởi thủy là 8 triệu phờ-răng. Được hưởng đặc quyền phát hành giấy bạc, lãi tăng gấp bội. Trước chiến tranh vốn đã lên tới 48 triệu phờ-răng. Đến năm 1919, thị trường ổn định, kinh doanh mở rộng, tiền dự trữ đập thêm vào, vốn tăng lên tới 72 triệu phờ-răng.

Không kể các chi nhánh ở khắp các nơi như ở Phi-châu, Thái-bình-dương, Ấn-độ-dương, riêng ở Việt-nam, ngân hàng này làm bá chủ mọi ngành kinh tế, cho vay vốn hoặc góp cổ phần vào các công ty như :

- 1) Các ngành địa ốc hoặc cầm cố : Ngân hàng địa ốc Đông-dương. Hội tín dụng động sản ở Đông-dương (tập hợp

với hội Liên hiệp tài chính Viễn-đông). Ngân hàng tín dụng và cầm cố Đông-dương.

2) Công ty hỏa xa Vân-nam Hà-nội.

3) Công ty đồn điền cao su : Công ty cao su Đông-dương. Đồn điền cao su đất đỏ. Đồn điền hợp nhất Mimot.

4) Công ty nước điện Đông-dương và các chi nhánh.

5) Đồn điền chè Đông-dương.

6) Các mỏ than Bắc-kỳ (Ngân hàng tín dụng công thương nghiệp chiếm ưu thế ở đây).

7) Công ty xi-măng Poóc-len (portland) Đông-dương.

8) Các công trình công cộng : công ty vét bùn, công ty đại công trình trị thủy ở Việt-nam (chung vốn với tập đoàn U-ốc và La-da (Worms và Lazard)

9) Mỏ quặng : có cổ phần với tập đoàn Rốt-sin và Mi-ra-bô (Rothchild et Mirabaud) trong mỏ kền Đông-dương.

- Với tập đoàn Đờ-Văng-đen (De Wendel) trong công ty mỏ thiếc và Wolfram ở Cao-bằng Bắc-kỳ.

- Với tập đoàn Sô-la-giơ (Solages) trong công ty nghiên cứu mỏ Viễn-đông và công ty phốt phát Đông-dương.

10) Góp cổ phần với Đờ-ni (Denis) để xuất cảng gạo Đông-dương.

Từ năm 1919, số vốn 72 triệu của ngân hàng Đông-dương tỏa ra các chi nhánh trên thế giới và nhất là ở Việt nam đã đẩy các ngành khai thác ở Việt-nam bước theo một đà mới.

Ngành khai mỏ

Trước chiến tranh đã khá, nay lại tăng lên gấp bội. Các công ty than, thành lập trước chiến tranh nay cũng hoạt động mạnh hơn.

Công ty than của Pháp ở Hồng-gai, Kế-bào thành lập ngày 27-4-1888. Vốn khởi thủy là 9.000.000 phờ-răng. Năm 1930 đã tăng lên 38.400.000 phờ-răng. Các công ty mỏ Cao-băng thành lập 1906, công ty than Kế-bào thành lập năm 1912, công ty than Đông-triều thành lập năm 1926, công ty than Pa-ni-ê (Société anonyme Panier) thành lập 1917 nay đều bỏ thêm vốn, mộ thêm phu và mở rộng phạm vi hoạt động.

Từ năm 1920 trở đi các công ty khác liên tiếp thành lập :

- Công ty than Bắc-kỳ lập năm 1920
- Công ty than Hạ-long – Đồng-đăng lập năm 1924
- Công ty than và mỏ kim khí Đông-dương lập năm 1924
- Công ty than Tuyên-quang 1924
- Công ty mỏ thiếc chợ Đồn Bắc-kạn 1925
- Công ty than Ninh-bình 1926
- Công ty khai than và chuyên chở đường thủy (Compagnie minière et de navigation) 1927
- Công ty than Bô-giơ-rô (Beaugeraud) 1928
- Công ty khai mỏ và nông nghiệp Đông-dương 1929
- Công ty khai mỏ chrome và kền Đông-dương 1929
- Ngoài ra còn các mỏ khác như : mỏ thiếc ở Tràng Đà (Tuyên-quang), Chợ-diên (Bắc-kạn).
- Mỏ Wolfram Cao-băng.

- Mỏ sắt ở Na-lương (Bắc-giang) – Linh-nham và Cù-vân (Thái-nguyên).
- Mỏ vàng Bồng-miêu và Kontum (Trung-bộ), Bảo-lạc (Bắc-bộ) v.v... đều được khai thác.

Số giấy phép tìm mỏ tăng lên gấp bội : Năm 1914 là 257, năm 1926 lên 1.923, năm 1930 lên 17.685.

Những con số trên đây cho ta thấy ngành khai mỏ phát triển vô cùng nhanh chóng.

Ngành nông nghiệp

Vốn đưa vào nông nghiệp trước chiến tranh là 40 triệu. Năm 1924 lên 52 triệu 1. Năm 1927 lên 400 triệu 7.

Đồng thời diện tích cao su cũng tăng lên.

Năm 1917 – 17.000 mẫu tây

Năm 1925 – 33.000 mẫu tây

Năm 1926 – 51.000 mẫu tây

Năm 1929 – 90.225 mẫu tây

Nhìn thấy tương lai tốt đẹp của ngành cao su, ngày 11-7-1917, bọn trùm tư bản Pháp tập hợp tất cả 139 tư nhân và công ty cao su thành một tập đoàn cao su Đông-dương, Nhà bang Đông-dương, nhà băng Pháp-Hoa, bọn Đờ-ni (Denis Prères), Mi-sơ-lanh (Michelin) v.v... nắm một phần lớn thế lực trong đó. Vốn sẵn có, nhân công được giải quyết, bọn chủ đồn điền chia nhau địa bàn hoạt động. Riêng ở Nam-kỳ có tới 533 chủ đồn điền hoạt động trong các tỉnh : Gia-định 67 ; Bà-ri-a 57 ; Thủ dầu-một 148, Biên-hoà 115 ; Tây-ninh 146.

Sau cao su, bọn địa chủ Pháp chú trọng nhiều đến khai

thác lúa. Các đồn điền cũ như :

- Đồn điền buốc-goanh Méc-phơ-rơ (Bourgoin – Meiffre) lập năm 1890 (ở Hoà-bình, Phú-thọ, rộng 8461 mẫu tây)

- Đồn điền Mác-ty (Marty) lập năm 1891 (ở Gia-lâm Bắc-ninh rộng 1.183 mẫu tây)

- Đồn điền tác-ta-ranh (Tartarin) lập năm 1903 (ở Bắc-giang rộng 5.220 mẫu tây, nay cũng tăng cường khai thác. Ở Nam-bộ, bọn địa chủ mới như Me-gian Suy-ê-tăng (Mezin Cuétan) cũng bỏ tới 1.250.000 đồng ra lập đồn điền lúa ở miền Tây Nam-bộ năm 1928, với một diện tích là 13.000 mẫu tây.

Ngoài cao su và lúa chiếm ưu thế ra, các cây kỹ nghệ khác cũng được tiếp tục trồng thêm. Đồn điền cao su Bôi-giăng-da (Boygandar) ở Biên-hoà còn giống thêm bông gạo (Kapok). Đồn điền Boy Lăng-đờ-ri ở Djiring giống thêm cà phê, canh-ky-na. Đồn điền chè được mở rộng thêm ở cao nguyên Nam Trung-bộ. Một số tư bản nông nghiệp đã chú ý dùng máy móc trong nông nghiệp. Vì vậy nhân công mất ít mà lợi nhuận được khá nhiều ²⁰ .

Các thứ lâm thổ sản khác cũng đồng thời được khai thác để xuất cảng như Va-ni trồng ở đồn điền Bến-cát Thủ-dầu-một ²¹ , hạt tiêu ở Hà-tiên, dừa ở Nam Trung bộ và Nam-bộ, quế ở Thanh-hoá, cánh kiến, hồi, trầu v.v...

Nói chung nhiều thứ trước chiến tranh chưa khai thác thì nay đều được tư bản Pháp chú ý đến.

Công thương nghiệp

Việt-nam giàu nguyên liệu. Than đá và các quặng sắt, thiếc, đồng, kẽm v.v. khai thác được rất nhiều ; nhưng không một lò đúc nào được lập ở Việt-nam. Tất cả đều chuyên chở về chính quốc, rồi hàng hóa lại từ chính quốc đưa sang. Thỉnh thoảng xuất hiện một vài lò đúc rất nhỏ của tư nhân, nhưng hoạt động cũng không có gì đáng kể. Lò đúc của Gơ-ri-ê (André Grillet) lập năm 1917 ở Sài-gòn mỗi tháng chỉ đúc được 40.000 kilô gang. Lò lớn hơn của công ty mỏ và kim khí Đông-dương, chứa độ 15 tấn, lập tháng 5-1919 ở Hải-phòng thì năm 1926 đã phải ngừng hoạt động.

Các xưởng rèn tiện sắt, thép cũng chỉ hoạt động trong một phạm vi nhỏ hẹp. Lớn như xưởng máy La-moóc-tơ (Lamorte) ở Sài-gòn dùng tới 60 thợ rèn, nguội và hơn nghìn thợ mộc vốn cũng chỉ có độ 325.000 đồng. Còn các công ty nhận thầu xây dựng cầu cống, đường sắt như Lơ Va-loa Pe-rê (Le Vallois-Perret) và Bơ-rốt-sa Mô-panh (Brossard Mopin) v.v... đều lấy dụng cụ và đồ sắt từ Pháp đưa sang.

Sự phát triển đáng kể nhất trong thời kỳ này là kỹ nghệ nhẹ sản xuất các thứ hàng mà chính quốc không đưa sang như vải bông, sợi, xi măng, rượu, gạch ngói, thủy tinh, thuốc lá v.v.

Các nhà máy đã có từ trước tới nay được tăng vốn để mở mang thêm. Nhà máy sợi Nam-định, Hà-nội, Hải-phòng lập năm 1894, năm 1913 tập hợp thành công ty bông sợi Đông-dương. Năm 1910 cả 3 nơi có độ 62.000 mũi sa kéo sợi. Đến khi nhà máy Hà-nội ngừng hoạt động thì nhà máy Nam-định và Hải-phòng lại tăng lên là 84.000 mũi sa kéo và riêng Nam-định thêm 1.300 khung cử dệt. Lãi hàng năm tới

52.000.000 phờ răng. Các nhà máy khác như nhà máy rượu Hà-nội, Nam-định, Hải-dương, Chợ-lớn, nhà máy đường Hiệp-hoà, Tuy-hoà ở Nam-bộ và Tây-ninh ở miền Nam Trung-bộ, các nhà máy gạo ở Sài-gòn, Chợ-lớn trong đó có 4 nhà máy lớn của Pháp, nhà máy xi-măng Hải-phòng, nhà máy diêm Hà-nội, Hàm-rồng Bến-thuỷ v.v... đều được liên tục phát triển.

Về thương nghiệp thì xuất cảng, nhập cảng đã có khuôn khổ nhất định, cho nên nhà buôn lớn bé đều tương tự nhau.

- Hãng Đơ-ni (Denis frères) xuất cảng : cao su, chè, cà phê, hạt-tiêu, da, sừng, dầu châu, dầu dừa, quế, khoáng sản, chiếu v.v.

- Nhập cảng : vải vóc, mũ, áo, giấy, đường, bột, rượu vang, thuốc lá, sà phòng, sơn, dụng cụ bằng kim khí và đồ dùng điện.

Liên đoàn thương mại Phi-châu và Đông-dương :

- Xuất cảng : dầu hồi, cánh kiến, lụa, bông, gạo, da, sừng, hạt tiêu, v.v...

- Nhập cảng : thực phẩm, máy móc nông nghiệp, đồ đồng, thiếc, len, sợi, vật phẩm hóa học, vật liệu xây dựng nhà cửa và đường sắt v.v...

Trước kia các chi nhánh chỉ đặt tới các đô thị lớn thì nay đã lan rộng ra các đô thị nhỏ và thị trấn để buôn tặn gốc, bán tặn ngọn cho được nhiều lời. Liên-đoàn thương mại Phi-châu và Đông-dương, ngoài Hà-nội, Hải-phòng, Sài-gòn ra còn đặt thêm chi nhánh ở Huế, Đà-nẵng, Đồng-hới, Quy-

nhơn, Nha-trang, Thu-xà, Bến-thuỷ, Nam-định, Thái-bình. Hãng xuất cảng chè Trung-kỳ đặt thêm các chi nhánh ở Đà-nẵng, Tùng-sơn, Phổ-nam, Hội-an, Tam-kỳ, Đức-phú, Quê-phương, Song-trầm, Di-hoán, Gia-bình v.v...

Có những ngành trước chiến tranh thực dân ít chú ý khai thác thì nay nhu cầu mới cũng đẩy mạnh phát triển :

- Công ty ấn loát và phát hành Đông-dương lập lại năm 1919 vốn từ 750.000 phờ-răng tăng lên tới 2.500.000 phờ-răng.

- Công ty gạch ngói Biên-hoà vốn đầu là 120.000 đồng, năm 1924 tăng lên 150.000 đồng. Sản xuất hàng tháng 800.000 gạch và 200.000 ngói và các thứ đồ sứ dùng vào việc cách ly điện.

- Công ty gạch ngói Mo-ren (Morel) ở Khánh-hội sản xuất gạch hoa, ký hợp đồng cung cấp gạch, đá, ống dẫn nước v.v... cho thành phố Sài-gòn.

- Nhà máy gạch Đông-dương lập ngày 16-4-1909, sản xuất ở 3 nơi : Hà-nội, Đáp-cầu, Sài-gòn : Vốn khởi thuỷ là 800.000 phờ-răng. Năm 1920 lên 1.000.000 phờ-răng. Năm 1924 là 1.500.000 phờ-răng. Sản xuất gạch hoa, gạch xi-măng, ngói v.v... bán ở toàn Đông-dương và ra cả nước ngoài. ²²

- Công ty sản xuất thuỷ tinh Viễn-đông ở cửa Cẩm Hải-phòng thành lập năm 1924, vốn 20.000.000 phờ-răng, sản xuất mỗi tháng 60.000 thước vuông kính và 800.000 chai, xuất cảng cả sang Thái-lan và Trung-quốc.

Tóm lại, từ 1918 trở đi các công ty kỹ nghệ phục vụ cho các công trình xây dựng mới như công ty sản xuất gạch ngói, thủy tinh, đồ gỗ, rèn, nguội v.v..., phục vụ cho ngành giáo dục thực dân mới phát triển và tầng lớp trí thức, công chức mới như là ấn loát, phát hành sách báo, sản xuất dụng cụ nhà trường, dụng cụ văn phòng v.v., phục vụ cho đời sống xa hoa của bọn tư bản, địa chủ và các tầng lớp thương nhân giàu có như làm đồ trang sức, đăng ten, chụp ảnh, thuốc lá thơm, sà phòng thơm, nhạc cụ v.v... đều đua nhau mọc lên. Ngoài việc nhượng đôi chút quyền lợi cho vài nhà buôn ngoại quốc như hãng thuốc lá Trung-hoa²³ hãng thuốc lá Ấn-độ Ma-hô-mết It-ma-en (Ma-homed Ismael) và một vài tư sản mại bản Việt-nam như Phan-tùng-long, Lê phát-vĩnh v.v... ra, còn tất cả các ngành lớn nhỏ đều do tư bản Pháp nắm độc quyền và bóp chết dần tư sản dân tộc Việt-nam.

VĂN-TẠO

ĐỀ TIẾN TỚI XÂY DỰNG VĂN HỌC SỬ VIỆT-NAM : MỘT VÀI VẤN ĐỀ VỀ VĂN HỌC SỬ

(tiếp theo)

CŨNG như kỳ trước, mục này mở ra để thu góp những ý kiến của các bạn quan tâm đến việc xây dựng một quyển văn học sử Việt-nam. Những ý kiến đăng trong mục này do người viết chịu trách nhiệm, nó chưa có tham vọng giải quyết một vấn đề văn học nào nhất định, mà chỉ mong ước có sự thảo luận của nhiều bạn.

LỜI TOÀ SOẠN

*

VĂN HỌC BẮT NGUỒN TỪ ĐÂU ?

Văn học cũng như nghệ thuật không phải bắt nguồn từ du hí như phái « nghệ thuật vị nghệ thuật » vẫn thường quan niệm. Điều khiêu vũ của người nguyên thủy chắc chắn là bắt chước một cách có ý thức những động tác sản xuất. Bởi vì trong khi khiêu vũ có lúc làm như cách săn bắn các loài động vật hay là làm như cách gieo hạt, gặt hái v.v... Điều hát ca của họ là bắt chước những tiết tấu tự nhiên trong động tác sản xuất rồi gia công vào mà thành. Những nhạc khí cũng do công cụ sản xuất biến hóa mà có ví dụ giã cung để săn bắn để ra cây đàn v.v... Do đó, ta thấy thơ ca cũng như âm nhạc, khiêu vũ, đều phát sinh trên cơ sở lao động sản xuất. Một

mặt khác, những thứ đó được người nguyên thủy sáng tạo ra không phải hoàn toàn là vì mục đích du hý. Đặt một câu ca dao hay vẽ một hình thú vật không phải chỉ là động tác vui đùa trong lúc rảnh việc, do tinh lực quá thừa thãi mà còn là động tác có ít nhiều ý thức. Nó biểu lộ cái vui, cái buồn, cái gian khổ, cái sung sướng trong khi hoặc sau khi lao động. Nếu không để giáo dục kinh nghiệm thì cũng là ghi chép sự việc cho người đồng cư cùng biết. Chính bản thân du hý cũng là con đẻ của lao động, trong đó có chứa đựng một nội dung sinh hoạt, biểu hiện ít nhiều về mặt nghệ thuật.

Cứ lần ngược lịch sử nhân loại chúng ta sẽ thấy rõ hơn. Do lao động mà có tiếng nói, cả hai cái đó ảnh hưởng vào não tủy làm cho não tủy phát đạt lên, đồng thời các khi quan cảm giác cũng tinh vi thêm. Rồi đó ý thức ngày càng sáng sủa, sức trừu tượng và sức suy đoán ngày một nảy nở. Những cái đó ảnh hưởng trở lại cho sự phát triển của lao động và ngôn ngữ. Nhờ thế con người thành hình thoát được tính chất thú vật cũ và đồng thời một nhân tố khác nảy sinh tức là xã hội.

Tiếng nói phát đạt dần dần thành lời, lời nói có quan hệ trực tiếp với sản xuất. Trong khi hoạt động tập thể, người ta cần truyền cho nhau những kinh nghiệm sản xuất và đấu tranh. Ngôn ngữ tục ngữ của chúng ta chính là một lối ghi tắt những kinh nghiệm đó lại. Nhu cầu sản xuất quả đã làm nảy nở sáng tác.

Lời nói nhịp nhàng hay còn ảnh hưởng đến sản xuất. Khi một nhóm người xúm nhau kéo một cây gỗ về đốt lửa sưởi hoặc cùng lôi một con vật săn được về nhà, họ đều cảm thấy

những lời nói nhịp nhàng có hiệu lực rất mạnh trong việc nâng đỡ sức khoẻ. Trong quá trình sản xuất, giữa người và người tự nhiên phát sinh nhiều quan hệ khác : giữa mẹ với con, giữa trai với gái, giữa ta với ta, giữa ta với thù v.v... Nhiều tình cảm phức tạp xuất hiện trong cuộc sống. Chia sẻ nỗi vui buồn bằng lời nói, ăn nhịp với thái độ cùng đồng bạn là một điều không thể thiếu được. Có thể mới đây mạnh được sản xuất và đấu tranh. Kẻ nào có câu hay lời đẹp thường được nhiều người tán thưởng. Những câu trối thường được nhiều người nhớ và ngâm nga. Do đó, ca dao và chuyện ví hát ra đời lưu truyền trong thị tộc và ngoài thị tộc. Đời sống tình cảm đã thúc dục con người sáng tác văn học.

Nhưng tình cảm con người, dù là người cổ sơ cũng đã dần dần chịu sự điều chỉnh của tư tưởng xã hội. Trong khi tiếp xúc với ngoại giới, cảm giác, cảm xúc con người dần chứa một ngày một nhiều mà thành tư tưởng. Từ cảm giác, cảm xúc đến tư tưởng là cả một quá trình đấu tranh trong đầu óc con người. Lúc tư tưởng thành hình nó trở lại chỉ đạo hành động và chỉ đạo tình cảm. Nói chung tư tưởng của nhiều cá nhân góp lại thành tư tưởng xã hội. Tư tưởng của một xã hội dần dần đi đến chỗ thống nhất. Để sống, con người phải sản xuất, phải đấu tranh. Tư tưởng của một xã hội không lìa khỏi phạm vi ảnh hưởng của sự sản xuất.

Trong quá trình sản xuất và đấu tranh, sinh hoạt tình cảm lại càng phát triển không ngừng. Thấy hiện tượng tự nhiên biến đổi, con người không khỏi đem lý luận nông cạn của mình để giải thích. Họ cho là có một lực lượng huyền bí nào đó gây ra. Lực lượng đó thường được nhân cách hóa hay

cụ thể hóa giống với đời sống của họ. Thiên lôi cũng có mặt mũi tay chân như người thường chỉ khác là họ có quyền lực thiêng liêng. Thi hành quyền lực đó, ông ta có một lưỡi búa chẳng khác gì lưỡi búa đá của người. Cũng một lối tưởng tượng ấy, chuyện thăng Cuội cung giăng có lẽ được đặt ra vào lúc con người nguyên thủy đã biết sinh sống bằng cách chăn nuôi súc vật và trồng trọt. Những mẫu chuyện lẻ tẻ kiểu đó dần dần được truyền miệng với nhau, hệ thống hóa mà thành thần thoại. Đối với lực lượng làm hại người, họ dùng những lời có « ma thuật », những lời phù chú, tin rằng đó là thủ đoạn để trấn áp. Những lời phù chú biến thành những bài hát và sau trở thành những bài tụng thần khi con người tin rằng có thể dựa vào lực lượng lớn (thần thánh) để khống chế những lực lượng nhỏ (ma quỷ).

Một mặt khác, cuộc sống hiện tại chưa đủ sức chinh phục những lực lượng thiên nhiên làm cho con người không khỏi có lúc ước mơ một đời sống sung sướng tốt đẹp hơn. Goóc-ki có nói : « Khi người ta bất bình với cuộc sống hiện tại, ao ước một đời sống tương lai tốt đẹp hơn thì người ta vẫn còn sáng tác ». Mơ mộng hay tưởng tượng cũng là một thứ vũ khí của con người lao động dùng để đấu tranh. Những cổ tích, truyện vè, anh hùng ca phần nhiều « tỏ cái ao ước làm chủ nhân ông thế giới, bộc lộ cái khao khát làm việc được nhẹ nhàng hơn, sản xuất được nhiều hơn, phòng ngự kẻ thù bốn chân và hai chân có hiệu quả hơn » của con người. Cái ao ước của loài người chỉ được thể hiện mau chóng và đầy đủ bằng con đường văn học.

Nói tóm lại những hoạt động của tư tưởng, cảm tình và

tưởng tượng của con người đều là điều kiện sinh ra văn học. Tư tưởng, cảm tình và tưởng tượng của con người đều do lao động sản xuất mà có. Nguồn gốc của văn học là lao động. Văn học phát sinh trước khi chưa có văn tự.

VĂN HỌC ĐỐI VỚI HẠ TẦNG CƠ SỞ VÀ THƯỢNG TẦNG KIẾN TRÚC

Trước khi tìm nguồn gốc của sự phát triển văn học, chúng ta cần phải thấy sự liên quan của văn học đối với cơ sở và tính chất, công dụng của nó.

Từ trạng thái nguyên thủy, con người đã đẩy mạnh sức sản xuất tiến lên một trình độ mới. Dụng cụ, kỹ thuật v.v... được cải tiến làm cho nền sản xuất tăng bội đồng thời mối quan hệ giữa người lao động và kẻ hưởng thụ phát sinh. Do đó, một chế độ kinh tế mới thành hình phù hợp với tính chất của sức sản xuất mới. Xã hội bắt đầu từ đó có giai cấp. Giữa người với người, có đặt ra một số nguyên lý thuyết minh về hay dở, xấu, tốt. Những nguyên lý đó thành ra các thứ quan niệm về triết học, đạo đức, tôn giáo. Lại cũng đặt ra những qui tắc giới hạn về quyền lợi và nhiệm vụ của từng hạng người ; những qui tắc đó thành ra quan niệm về chính trị, pháp luật. Tất cả những thứ đó thống nhất lại thành ra ý thức, tư tưởng của xã hội mới. Cả một hệ thống ý thức, tư tưởng tạo ra là để củng cố địa vị và quyền lợi của giai cấp có thế lực. Ý thức, tư tưởng đó tất nhiên phải phù hợp với khuôn khổ của chế độ kinh tế mới.

Đến đây văn học từ của chung biến thành của riêng. Nó

là tiếng nói của giai cấp. Nó bắt đầu thoát ly dần quan hệ trực tiếp với lao động. Người sáng tác văn nghệ cần có ít nhiều biệt tài nhất là từ khi chữ viết được sáng tạo. Sự làm việc bằng tay chân và sự làm việc bằng trí não ngày càng tách rời. Do sự phân công của xã hội, xuất hiện một bọn người chuyên môn hoạt động bằng tinh thần. Nhà văn nhà thơ đều ở trong số đó. Họ đã bắt đầu ăn bám và lệ thuộc vào một hạng người có thể thần trong xã hội. Văn học trực tiếp phục tùng chính trị, pháp luật, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của ý thức, tư tưởng đương thời.

Vậy thì văn học là một bộ phận của thượng tầng kiến trúc mà thượng tầng kiến trúc là do cơ sở kinh tế đẻ ra. Một nền văn học sinh ra theo sự xuất hiện của một cơ sở kinh tế nhất định của xã hội và chấm dứt theo sự tiêu diệt của cơ sở kinh tế đó. Cho nên nó phải có một tác dụng gì đối với cơ sở. Về điểm này, Sta-lin đã dạy ta : « Kiến trúc thượng tầng tuy do cơ sở sinh ra nhưng không chỉ là phản ánh của cơ sở, là bị động, là trung lập mà trái lại nó trở thành lực lượng chủ động rất lớn giúp cho cơ sở thành hình mạnh mẽ lên, nó dùng mọi cách giúp cho chế độ mới phá huỷ tiêu diệt hạ tầng và các giai cấp cũ ».

Văn học cũng như các bộ phận khác của thượng tầng có cái công dụng căn bản là phục vụ cho một nền sản xuất nhất định và phục vụ cho lớp người đang lãnh đạo sản xuất dùng làm lợi khí đấu tranh. Trong xã hội có giai cấp, văn học đều mang tính chất đấu tranh dù tác giả của nó vô tình hay cố ý. Tính chất đấu tranh đó không ngoài ý nghĩa đấu tranh giai cấp. Thường thường một tác giả phục vụ cho một giai cấp thì

chỉ quan tâm đến lợi ích của giai cấp mình. Họ xem xét thể nghiệm sự vật ở xung quanh họ rồi diễn ra trong tác phẩm. Do địa vị của họ trong giai cấp mà có thói quen, thích thú và cảm tình của giai cấp, cả những đặc sắc của giai cấp đều được đem vào tác phẩm. Chính những cái đó là nhân tố làm thành thế giới quan v.v... của họ hoặc ngược lại được thế giới quan sẵn có tổ chức thành mà biểu hiện trong khi sáng tác.

Văn học tăng bốc và mưu lợi ích cho đám người thống trị và bóc lột là văn học chính thống. Nó ca tụng cái đẹp, lẽ phải của bọn thống trị. Mục đích của văn học vốn biểu dương, sáng tạo cái đẹp (thẩm mỹ quan) và tiến đến chân lý. Nhưng cái đẹp, lẽ phải trong một xã hội có giai cấp đều có một nội dung giai cấp. Cái đẹp của giai cấp thống trị đại để là sự ngời mát ăn bát vàng, cái sung sướng trên mồ hôi nước mắt của nhân dân lao động, là cái đẹp « sơn son thếp vàng », chỉ có bề ngoài. Lẽ phải cũng thế. Giai cấp thống trị công nhận sự bóc lột người, nô dịch người, dùng mưu mô vũ lực đi cướp đoạt của người là phải, là đúng. Nói tóm lại văn học chính thống là công cụ rất tốt để cho bọn thống trị củng cố địa vị và quyền lợi của chúng. Chẳng thế mà ngày xưa bọn nhà Nho phong kiến đã từng khoe : « Chỉ nửa bộ *Luận ngữ* là đủ trị thiên hạ. » Văn học chính thống thuộc thượng tầng kiến trúc của cơ sở xã hội đương thời.

Nhưng trong lúc xã hội phát sinh mâu thuẫn giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất thì bên cạnh văn học chính thống còn có một thứ văn học khác. Thứ văn học này không cùng một thượng tầng kiến trúc với văn học chính thống. Có thể nó ở ngoài thượng tầng đó, cũng có thể nó sẽ thuộc về một

thượng tầng tương lai của một cơ sở tương lai. Thứ văn học này lúc mới xuất hiện nó biểu thị tư tưởng, cảm tình và nguyện vọng của tầng lớp bị thống trị và bị bóc lột. Cố nhiên văn học của họ có một nội dung mâu thuẫn hoặc nhiều hoặc ít với văn học chính thống, chủ yếu là phản kháng sự bóc lột áp bức của giai cấp thống trị. Cho nên giai cấp thống trị luôn luôn tìm cách chèn ép, giết hại văn học đối phương. Tóm lại, trong xã hội có giai cấp thường có hai dòng văn học chống đối nhau, cùng tồn tại.

Văn học là một món ăn tinh thần của con người. Như đã nói ở bài trước, văn học có tính chất chủ yếu là tác động trực tiếp vào cảm tính rồi từ cảm tính đi dần vào lý tính, vì thế nó ảnh hưởng thấm thía đến tư tưởng và hành động của người đọc. Khi người ta thưởng thức một tác phẩm thường thường là lúc tâm trạng của người ta gần gũi với tâm trạng nhân vật mô tả trong tác phẩm và cũng là lúc người ta đồng tình nhiều ít với tư tưởng, cảm tình của tác giả nghĩa là chịu nhiều ít ảnh hưởng của tác giả đó. Cho nên đứng về lập trường giai cấp mà nói, văn học nếu nó là của ta thì là một món ăn bổ dưỡng, nếu trái lại nó là của đối phương thì lại là một chất độc. Văn học có thể kích thích hoặc làm tê liệt hoạt động của con người.

VĂN HỌC PHÁT TRIỂN TRÊN CƠ SỞ NÀO ?

Như ta đã biết bản chất văn học gồm có hai yếu tố : nội dung và hình thức. Sự phát triển của văn học tất nhiên phải là sự phát triển của nội dung và hình thức văn học.

Trước hết chúng ta hãy xem cái gì cung cấp cho văn học của một thời đại một cái nội dung, nghĩa là yếu tố thực tại – hiện thực – Mục đích của văn học là phản ánh thực tại và cải tiến thực tại. Thực tại là những cái liên quan giữa người với người và giữa người với thiên nhiên. Đối tượng căn bản của văn học là con người. Bởi vì dầu nói cảnh vật thiên nhiên, nhà văn cũng phải thông qua tình cảm của con người. Nội dung văn học của một thời đại là tương quan xã hội đã phản ánh ở trong đó.

Vậy thì văn học phát triển hay không, chủ yếu là ở như cơ sở xã hội đã đẻ ra nó. Ten-nơ (Taine) hồi xưa cho văn học là do ba nhân tố làm thành : một là nòi người hay dân tộc, hai là hoàn cảnh địa lý hay khí hậu, ba là thời đại hay tinh thần thời đại. Quan điểm đó, theo Ba-Nhân trong *Văn học luận cảo* thì là một thứ quan điểm dung tục không dựa vào điều kiện sinh hoạt vật chất là cái quyết định. Sự thực thì những nhân tố ấy vẫn có một ảnh hưởng nhất định nào đó đối với văn học nhưng không phải là nhân tố quyết định. Lấy ngay như việc ở Trung-quốc đã chứng minh thì tân văn học so với cựu văn học hoàn toàn không giống nhau mà văn học nhân dân hiện tại so với văn học vào thời Ngũ-tư cũng khác nhau như xa. Ấy vậy mà trong khoảng đó thì dân tộc Trung-quốc ngày nay vẫn là dân tộc Trung-quốc ngày trước, hoàn cảnh địa lý trước cải cách ruộng đất và sau cải cách ruộng đất nói chung chả có gì là thay đổi lớn. Còn như tinh thần thời đại thì cũng cùng một thời đại mà tinh thần « phục vụ nhân dân » không thể có ở bọn phản động Quốc dân đảng mà chỉ có ở chế độ dân chủ nhân dân.

Điều kiện kinh tế của một xã hội là nền tảng, là khuôn khổ cho sự phát triển của văn học. Dân tộc này có văn học rực rỡ hơn văn học của dân tộc kia không hẳn là vì thiên tài sáng tác của dân tộc này cao hơn, cũng không hẳn là dân tộc này được sinh trưởng vào một nơi « đặc địa », mà chính là vì kinh tế của dân tộc đó phát triển sớm hơn nên họ sớm xây dựng một nền văn hóa tương đối cao hơn các dân tộc khác. Hãy lấy một thí dụ thần thoại mà nói. Trên con đường phát triển của xã hội loài người, tất cả các dân tộc đều phải trải qua giai đoạn nguyên thủy như nhau nên họ có những nếp cảm nghĩ, tưởng tượng, tương tự nhau. Khi đã đạt tới một trình độ nhận thức nào đó thì họ hệ thống hóa những cảm nghĩ và nhận thức của mình đặt thành thần thoại, sự tích v.v... Nhưng đối với những dân tộc tiến chậm hơn thì những thần thoại, hoặc bị pha trộn, hoặc lưu truyền từng mảnh rời rạc không đúc lại thành những tác phẩm văn nghệ đặc sắc như những tập Y-li-át, Ô-đýt-xê của dân tộc Hy-lạp chẳng hạn. Sinh hoạt văn học của một dân tộc sớm phát triển chẳng qua chỉ là vì sinh hoạt vật chất của dân tộc đó sớm phát triển. Giá trị của một nền văn học cũng như nghệ thuật đều do điều kiện sinh hoạt vật chất quy định. Sức tưởng tượng cũng như tư tưởng, cảm tình của một dân tộc đều có một giới hạn nhất định do mức độ sinh hoạt vật chất nhất định mà có.

Ăng-ghe-n có nói : « Sự phát triển của chính trị, pháp lý, triết học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật là căn cứ vào sự phát triển của kinh tế. Nhưng các yếu tố ấy cũng tác động lẫn nhau và tác động đến cả căn bản kinh tế. » Các yếu tố của

thượng tầng kiến trúc tác động đến văn học như thế nào ?

Trước hết, triết học có quan hệ mật thiết với văn học. Nó ảnh hưởng đến tư tưởng nhà văn rất mạnh. Nó cung cấp cho nhà văn lý thuyết, quy luật về tự nhiên và xã hội ; quan niệm về lẽ phải, cái đẹp mà nhà văn căn cứ vào đó để sáng tác. Triết học của một thời đại dẫn đường cho tác giả đi nhưng tự trung phải có một hệ thống triết học nào đó chủ đạo.

Ảnh hưởng trực tiếp đến văn học hơn cả chính trị, pháp lý, và tôn giáo, đạo đức. Chính trị, pháp lý là những cái ràng buộc, ước chế đời sống nhà văn trong thực tế ; tôn giáo, đạo đức là những cái bám chặt vào tâm hồn nhà văn vì vậy ảnh hưởng sâu đến sáng tác của nhà văn đó. Chính trị, pháp lý cung cấp cho văn học những vấn đề chủ yếu về thế giới quan và nhân sinh quan. Tôn giáo, đạo đức cung cấp những vấn đề chủ yếu về luân lý quan và thẩm mỹ quan.

Nhà văn của giai cấp thống trị cổ nhiên là chịu ảnh hưởng nhiều của triết học cùng mọi bộ phận khác của thượng tầng kiến trúc. Nhà văn của giai cấp đối lập, phản ánh trong tác phẩm ít hay nhiều những tư tưởng, cảm tình và nguyện vọng của giai cấp mình. Nhưng trong lúc xã hội chưa biến chuyển, giai cấp thống trị còn vững mạnh thì văn học của giai cấp bị trị và bị bóc lột vẫn chịu ảnh hưởng ngấm ngấm của mọi bộ phận của thượng tầng xã hội đương thời. Cho nên trong văn học Việt nam, phần nhiều những truyện nôm cũ có ít nhiều tính chất phản phong nhưng kết cục những vai chính trong các truyện đó vẫn là hoặc đổ trạng lợt vào hàng quý tộc, hoặc lấy công chúa, lấy đến hai ba vợ, hoặc được vua nhường ngôi cho. Tác giả các truyện đó đã ít nhiều công nhận thế giới

quan, nhân sinh quan, luân lý quan và thẩm mỹ quan của phong kiến.

Nói chung, các bộ phận của thượng tầng kiến trúc ảnh hưởng đến các dòng văn học đương thời. Nhưng triết học, tôn giáo, đạo đức cũng như chính trị, pháp lý không thể không phản ánh tình trạng xã hội và điều kiện kinh tế ; cho nên rất cuộc các xu hướng văn học đều là phản ánh quan hệ sản xuất đối với sức sản xuất tức là phản ánh đấu tranh giai cấp. Ở Pháp, văn học cổ điển thế kỷ thứ XVII, XVIII, có thể cho ta thấy ít nhiều thái độ của giai cấp tư sản mới nổi lên đương bị kiểm chế dưới phép tắc, lễ nghi của chế độ quân chủ chuyên chế. Còn như văn học lãng mạn ở thế kỷ thứ XIX, lại biểu hiện thái độ phóng khoáng tự do của giai cấp tư sản mới chiếm được chính quyền.

Tuy nhiên, sự phát triển của văn học không nhất thiết đi song song với sự phát triển kinh tế. Không thể coi phương thức sản xuất vật chất và phương thức sản xuất tinh thần hoàn toàn giống nhau. Từ khi xã hội có giai cấp, cuộc đấu tranh giai cấp quả là động lực thúc đẩy sáng tác. Thế nhưng nhiều khi vì giai cấp thống trị khống chế chèn ép mà văn học không thể tiến lên được. Văn học trong một xã hội, nếu vì thiếu số thống trị, ca tụng chế độ đương thời thì bị ly cách với quần chúng nhân dân, không được nhân dân ưa chuộng ; trái lại nếu biểu hiện lợi ích và yêu cầu của quần chúng nhân dân thì lại xung đột với thiếu số thống trị sẽ bị thống trị cấm đoán, giết hại. Hơn nữa, giai cấp thống trị thường kìm hãm nhân dân vào vòng ngu dốt tối tăm, khiến cho số lượng người viết và người đọc trong tầng lớp bị trị và bị bóc lột, chỉ có

hạn. Những bộ phận của thượng tầng lúc mới bắt đầu xuất hiện thì cung cấp rất nhiều vấn đề cho nội dung văn học, nhưng đến một chừng mực nào đó lại đóng khung lại không cho văn học phát triển. Lịch sử văn học Việt-nam cho ta thấy rõ điều đó. Triết học Khổng, Mạnh, đạo Phật đạo Lão cũng như chính trị, pháp luật phong kiến trong suốt một giai đoạn lịch sử rất dài chỉ làm cho nền văn học chính thống mỗi ngày một cằn cỗi, thiếu sinh khí. Trong khi đó nền văn học đối lập với văn học chính thống tươi tắn hơn, phát triển hơn, nhưng sống dưới bàn tay độc tài của giai cấp phong kiến nó cũng bị hạn chế rất nhiều về chất cũng như về lượng.

Chỉ khi nhà văn không bị nghẹt trong khuôn khổ của hệ thống ý thức và tư tưởng đương thời thì văn học mới có cơ hội phát triển. Khi đó là khi mà thượng tầng của cơ sở xã hội bị lung lay tổn ; là khi sự đấu tranh giai cấp đã tiến đến mức độ gay gắt. Phong trào nông dân khởi nghĩa quyết liệt cuối đời Lê-Trịnh ; thêm vào đó kinh tế hàng hóa hưng thịnh, là những nhân tố làm cho vườn văn học dân tộc cuối thế kỷ XIX có phần tươi tốt từ trước chưa từng thấy. Nhưng tầm mắt của nhà văn vẫn chưa được mở rộng nếu xã hội chưa có một sức sản xuất mới hoặc xã hội đã manh nha một sức sản xuất mới mà bị quan hệ cũ kìm hãm. Phải đợi đến lúc trong xã hội có một giai cấp tiền tiến đại diện cho sức sản xuất mới, nhà văn mới thoát khỏi chỗ bế tắc. Một chân trời mới mở ra. Nội dung văn học sẽ nhờ đấy mà được phong phú rực rỡ. Chỉ khi cơ khí tiến triển, Rút-xô, Đì-dơ-rô v.v... mới nói lên được cái xu thế đang lên của giai cấp tư sản Pháp ở thế kỷ thứ XVIII biểu dương được sức mạnh và tin tưởng của những người đương

nổi dậy để làm nhiệm vụ lịch sử.

Ở đây, chúng ta cũng lại phải thấy rằng văn học, tư tưởng có lúc lại vượt quá giới hạn cơ sở xã hội, có ảnh hưởng qua lại giữa nước này với nước khác, giữa dân tộc nọ với dân tộc kia. Cho nên do phạm vi ảnh hưởng của những tư tưởng tiền tiến trên thế giới rộng hay hẹp mà cũng có thể đẻ ra văn học, tư tưởng tiền tiến thích hợp với điều kiện của một xã hội nào đó. Chẳng hạn như trong cuộc vận động Tân văn hóa ở Trung-quốc hồi Ngũ-tứ chính là chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn học, tư tưởng vô sản thế giới, đặc biệt là do cuộc cách mạng tháng 10 Nga đưa lại. Văn học của dân tộc này ảnh hưởng đến văn học của dân tộc khác vẫn là một hiện tượng thường thấy. Nhưng điều đáng chú ý là bên này cung cấp nội dung cho bên kia khi mà nội dung ấy thích hợp với một giai cấp của bên kia. Còn như bên nọ sở dĩ bắt chước hình thức của bên này khi mà hình thức ấy phù hợp với tính chất dân tộc của bên nọ.

Bên cạnh nguồn gốc căn bản nói trên, còn có một nguồn gốc khác. Nội dung văn học không thể không ăn khớp với hình thức văn học. Đành rằng nội dung văn học chuyển biến và phát triển thường lôi kéo cả hình thức văn học phải chuyển biến và phát triển theo nó, nhưng hình thức văn học không phải tự nhiên mà có. Văn học của một dân tộc phát triển luôn luôn phải dựa vào sự phát triển của kỹ thuật văn chương tức là nghệ thuật của dân tộc đó.

Đối với cơ sở mà nói thì thượng tầng có truyền thống lịch sử, có tính chất độc lập của nó. Văn học cũng tự nó có một truyền thống lịch sử riêng. Nếu cơ sở cung cấp nội dung cho

văn học thì truyền thống lịch sử góp phần về mặt hình thức và tâm lý cho văn học. Một nhà văn khi sáng tác phải đứng vào hàng ngũ giai cấp mà chiến đấu nhưng phải nắm lấy thứ vũ khí sắc bén lợi hại của dân tộc đã rèn cho và y tợ mài lấy. Vũ khí đó chủ yếu là truyền thống nghệ thuật.

Chúng ta đã biết nếu không có quan hệ giữa người với người, thì không có văn học. Nếu không có nhu cầu của những đồng loại ở bên cạnh thì người ta sẽ không sáng tác. Nhu cầu càng tăng thì văn học càng phát triển. Sự thưởng thức của người đọc quy định nội dung và hình thức của văn học. Nói rõ hơn sự thưởng thức của người cùng một giai cấp quy định tính chất tư tưởng văn học mà sự thưởng thức của người cùng một dân tộc quy định tính chất hình thức và tâm lý của văn học. Nhưng nhu cầu không phải xuất hiện một cách tự nhiên. Ngày xưa, lúc tuồng và chèo còn thịnh hành, thì nhu cầu về kịch chắc chắn là chưa có. Phải có một nghệ thuật viết kịch tiến bộ đã rồi mới có nhu cầu đó. Thể tiểu thuyết đối với chúng ta ngày nay đã thành một nhu cầu không thể thiếu được là do nghệ thuật viết tiểu thuyết mỗi ngày một chau chuốt mà có. Cho nên nghệ thuật văn chương tạo ra khả năng tính của nhu cầu văn học. Nhưng lúc nhu cầu đã có thì nó lại càng đẩy mạnh nghệ thuật phát triển và đồng thời đẩy mạnh văn học phát triển. Xem đó ta thấy nghệ thuật và nhu cầu tuy có tác động lẫn nhau nhưng nghệ thuật phải là nhân tố tiên quyết.

Nói đến sự phát triển của nghệ thuật tất phải nói đến sự phát triển của ngôn ngữ. Mỗi dân tộc đều có một số thanh âm dùng làm ký hiệu. Mỗi danh từ đều có mang một ý nghĩa

do xã hội quy định. Nhà văn phải dùng những danh từ theo ý nghĩa của xã hội đó để diễn tả tư tưởng, tình cảm của mình. Ngôn ngữ vốn không có tính chất giai cấp, nó là sản phẩm của hàng trăm thế hệ góp lại. Ngôn ngữ của một dân tộc mỗi đời mỗi chứa chất thêm, chài chuốt thêm và đi đến sự ổn định, thống nhất. Ngôn ngữ càng chài chuốt càng ổn định thống nhất thì nghệ thuật càng phát triển.

Ngôn ngữ đối với văn học như một thứ công cụ còn nghệ thuật thì lại là cách vận dụng công cụ ấy để chế tạo ra tác phẩm. Nói một cách khác muốn truyền một tư tưởng, tình cảm từ đầu óc cá nhân cho đến xã hội cùng nhận thức, nhà văn phải biết chế tạo nó thành hình tượng quen thuộc, ghép nó vào những thể thức quen thuộc. Có những nhà văn phản ánh thực tại một cách sâu sắc nhưng cũng có những nhà văn khác phản ánh một cách hời hợt. Cái ấy một phần là do trình độ nghệ thuật của nhà văn đó.

Nói như thế không phải là cho tài năng của nhà văn quy định sự phát triển của văn học. Tài năng của một nhà văn một phần là do sự khéo sử dụng nghệ thuật dân tộc của nhà văn đó mà một phần lớn là sự sống thực tế của nhà văn đó, địa vị của nhà văn đó trong xã hội. Chúng ta chả đã thấy sáng tác của bọn nhà văn phục vụ giai cấp thống trị và bóc lột trong thời kỳ suy tàn thường thường nghệ thuật rất trau chuốt nhưng nội dung thì rất phản động, lạc hậu.

Trong phạm vi điều kiện kinh tế và điều kiện xã hội nào đó nhà văn chỉ có thể dùng một số đề tài nào và đem tài năng của mình đã luyện để sáng tác. Nghệ thuật là do kinh nghiệm của dân tộc từ trước truyền nối lại nay nhưng không

phải là cái cố định. Nghệ thuật mỗi đời mỗi thêm bớt hay thay đổi tùy theo điều kiện khách quan của sinh hoạt xã hội và ăn khớp với nội dung đòi hỏi. Chẳng hạn như trong văn học Việt-nam, những thể đường luật, biến ngẫu gò bó ý tưởng, ngày nay đã lỗi thời nhường chỗ cho những thể thơ mới, ca dao không bị trói buộc bởi những niêm luật rắc rối. Cho nên chung qui lại điều kiện sinh hoạt vật chất cũng là cội nguồn của sự phát triển của nghệ thuật.

Có thể kết luận rằng văn học phát sinh từ lao động. Nó phát triển trên cơ sở của sự phát triển của phương thức sản xuất của một xã hội. Sự phát triển của kinh tế và sự phát triển của nghệ thuật tạo điều kiện cho văn học phát triển. Quan hệ xã hội là động lực thúc đẩy con người sáng tác và tiếp tục sáng tác mãi.

10-55

NGUYỄN ĐỒNG-CHI

Ý KIẾN BẠN ĐỌC : GÓP ÍT Ý KIẾN VÀO VẤN ĐỀ CHỮ NÔM

TRONG bài của bạn Nguyễn Đồng-Chi đăng ở Tập san Văn Sử Địa (số 9), đoạn bàn về « chữ Nôm » ông bạn có nhắc đến thuyết của Nguyễn Văn-San và Lê Dư nói rằng : « Sĩ Nhiếp đã sáng tạo ra chữ nôm ». Ông bạn có nói thêm : « Nhưng đó vẫn còn là giá trị một giả thuyết, nếu chúng ta chưa biết đích xác thứ tự của nhân dân quận Thương-ngô (Quảng-tây) là quê hương của họ Sĩ xuất hiện vào thời nào. Trước hay sau thế kỷ III ? ».

Tôi không khảo cứu về ngôn ngữ học, nhưng vừa rồi có xem một cuốn sách bàn về « Văn tự hình khối vuông (phương khối văn tự) của dân tộc « Chàng » ở Quảng-tây », thấy có một số tài liệu, chắc cũng có thể giúp bạn chút ít xin tóm tắt lại đây để góp vào việc khảo cứu về chữ nôm của ông bạn.

Quyển sách ấy nhan đề là : *Quốc nội thiếu số dân tộc ngôn ngữ văn tự đích khái hướng* của « Trung-hoa thư cục » xuất bản năm 1954. Sách gồm có nhiều bài, trong đó có bài nói trên của Vi Khanh-Ổn, viết vào tháng giêng năm 1953.

Trước hết nói về chữ 儻 đã. Có người đọc là « đồng » (dân tộc Đồng) nhưng ở Trung-quốc cũng có một dân tộc khác viết là 侗. Vậy đọc chữ 儻 ra « đồng » sợ lẫn lộn hai nửa chữ 儻 âm Bắc-kinh đọc là 虫义尤 (troang) như chữ 撞, nên tôi tạm đọc là « Chàng » để phân biệt với dân tộc 侗 nói trên. Không biết có đúng không.

Dân tộc « Chàng » ở về khu Quế-tây tỉnh Quảng-tây, ước độ 6 triệu người. Nhưng những dân tộc thiểu số khác ở khu Quế-tây như Miêu, Dao, Mao-nam, vì ở lẫn lộn lâu đời với dân tộc « Chàng », cũng đều dùng ngôn ngữ của dân tộc « Chàng » cả.

Vì Khánh-Ổn nói : « Dân tộc *Chàng* từ trước vốn đã có một thứ văn tự *phương khối*, nay không thông dụng nữa, nhưng còn để lại vết tích trên các bia đá. »

Theo sự khảo cứu của ông thì thứ văn tự đó, thịnh hành nhất là vào khoảng đời Đường. Nhưng « *đại khái vào thời Hán, những nhà học giả dân tộc Hán đã bắt đầu dùng Hán tự để ghi âm ngôn ngữ Chàng... Nhưng những chữ ghi âm đó có tính chất ngẫu nhiên, cá biệt, chưa thành một văn tự thông dụng. Đó chỉ là tiền thân của thứ văn tự phương khối Chàng đời Đường.* »

Văn tự Chàng nói đó có một điều đặc biệt là giống chữ nôm của ta. Nói cho đúng hơn, cách dùng chữ Hán để ghi âm Chàng giống cách dùng chữ Hán để ghi âm Việt.

Đại để có mấy nguyên tắc sau đây :

1. Mượn âm (tá âm) : tức là mượn thanh âm của chữ Hán mà diễn đạt ý của ngôn ngữ Chàng.

2. Mượn cả âm lẫn nghĩa (âm nghĩa kiêm tá). Những chữ Hán này âm phảng phất giống âm Chàng, và nghĩa như nhau.

3. Mượn nghĩa (tá nghĩa) : mượn nghĩa nhưng chữ thì đọc theo âm Chàng khác hẳn âm Hán.

4. Đặt ra một thứ chữ mới, cả về hình cũng như về thanh do những chữ Hán kết hợp lại.

5. Đặt ra một thứ chữ hội ý, cũng do những chữ Hán kết hợp lại, nhưng không đọc theo âm Hán, mà hoàn toàn kết hợp ý của những chữ Hán đó thành một ý mới.

6. Mượn chữ (tá tự). Chỉ mượn chữ hình thể chữ Hán, nhưng thanh âm và ý nghĩa đều hoàn toàn khác.

7. Đặt ra một thứ chữ mới, giống như chữ Hán viết tắt hoặc là viết thảo.

Nhiều nhất là loại 1. Loại 2, 3, 4, ít hơn. Còn loại 5, 6, 7 thì lại ít hơn nữa.

Khi đưa ra những quy tắc trên, tác giả có dẫn nhiều thí dụ. Nhưng chắc ông bạn cũng như tôi, đều không biết âm tiếng Chàng nên chép ra cũng vô ích. Điều quan trọng là mấy quy tắc đó có nhiều cái giống quy tắc viết chữ nôm của ta.

Trong bài của Vi Khánh-Ổn cũng có nói : *thứ chữ này có giống chữ Việt-nam ngày trước.*

Tôi không rõ ông Lê Dư và ông Nguyễn Văn-San có dựa vào những tài liệu cụ thể nào không, nhưng theo ý riêng tôi, thì cái giả thuyết của hai ông có lẽ đúng đấy. Cố nhiên Sĩ Nhiếp có chẳng thì cũng chỉ đưa ra những nguyên tắc nào đó, rồi ông cha chúng ta qua các thời đại đã phỏng theo mà đặt ra chữ nôm, chứ một mình Sĩ Nhiếp thì « sáng tạo » làm sao được. Lý do giản dị là ông ta làm gì biết sỏi tiếng Việt và cũng chưa biết làm từ vị. Vả lại nói như bạn Đồng-Chi « công trình sáng tạo đó chung quy cũng chỉ lợi ích ít nhiều cho công

việc hành chính mà thôi. »

Tôi ghi chép tài liệu trên để góp một ít vào việc nghiên cứu chữ nôm của ta.

TRƯƠNG-CHÍNH

Cải chính

Tập san số 11

- Bài *Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt-nam* : trang 61, giòng 8 : « 52 triệu đồng », xin đọc là : « 52 triệu phờ-răng ». – Trang 64, giòng 7 : « 1.340.000 người », xin sửa là : « 1.350.000 người năm 1936 ». – Cũng trang 64, giòng 9 : « năm 1938 », xin đọc là : « năm 1928 ».

- Bài *Một vài vấn đề về văn học sử* : Trang 66, giòng 19 : « trực tiếp với cảm tình », xin đọc là : « trực tiếp với cảm tính ».

- Bài *Ý kiến bạn đọc* : Trang 71, giòng 4, « Macterlinck », xin đọc là : « Maeterlinck ».

Tập san số 12

- Bài *Truyện trê cóc* : Trang 21, giòng 14 : « một môi canh », xin đọc là : « một môi canh ». Cũng trang 21, giòng 41 : « ôm đầu vỗ về », xin đọc là : « ôm đầu vỗ vế ». Trang 23, giòng 15, « Mây danh chứng tá », xin đọc là : « Mấy danh chứng tá ».

**CÁC BẠN HÃY ĐÓN XEM
SỐ ĐẶC BIỆT
TẬP SAN VĂN SỬ ĐỊA**

Về Quang-Trung

Ra trong tháng 2 năm 1956

THÁNG KỶ NIỆM VỊ ANH HÙNG DÂN TỘC

Trong có những bài bình luận về văn hóa, quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội thời Quang-Trung và những tài liệu tham khảo lịch sử về thời đại ấy.

ĐÃ XUẤT BẢN :
TÀI LIỆU THAM KHẢO LỊCH SỬ
CÁCH MẠNG CẬN ĐẠI VIỆT-NAM

ĐÃ XUẤT BẢN ĐƯỢC 3 TẬP. ĐÂY LÀ NHỮNG TẬP TÀI LIỆU ĐẦY ĐỦ, CHÍNH-XÁC, GHI LẠI NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA ANH DŨNG CỦA NHÂN DÂN TA TRONG THỜI KỲ NƯỚC TA MỚI BỊ THỰC DÂN PHÁP CHIẾM TRỊ.

TẬP I (TRẦN HUY-LIỆU – NGUYỄN CÔNG-BÌNH – CA VĂN-THỈNH – HƯỚNG TÂN biên soạn)

Trong tập này, các bạn sẽ thấy nhân dân Nam-bộ kháng chiến chống thực dân Pháp và chống bọn vua quan triều Nguyễn đầu hàng bán nước. Các bạn cũng sẽ thấy nhân dân ta do những nhà văn thân và thổ hào yêu nước chỉ huy đã kháng chiến dẻo dai chống giặc Pháp xâm chiếm Trung và Bắc-kỳ.

TẬP II (TRẦN HUY-LIỆU – NGUYỄN CÔNG-BÌNH – Y-NGÔNG NIẾT-ĐAM biên soạn)

Ở tập này, bạn đọc sẽ thấy cuộc khởi nghĩa Yên-Thế anh dũng và dẻo dai do Đề Thám lãnh đạo và lực lượng hùng hậu của nông dân tham gia kháng chiến.

Các bạn cũng sẽ thấy những cuộc võ trang đấu tranh của hầu hết nhân dân miền núi từ đồng bào Mường, Mán, Thái, Thổ, đến đồng bào Mèo, Thượng, Ra-đê ở khắp các vùng núi Việt-nam.

TẬP III (TRẦN HUY-LIỆU – NGUYỄN CÔNG-BÌNH – PHAN KHÔI – VĂN-TẠO biên soạn)

Tập này gồm có những tài liệu về Duy-tân-hội, phong trào Đông-du, Đông-kinh nghĩa thực, vụ chống thuế ở Trung-kỳ, vụ đầu độc lính Pháp ở Hà-nội, tổ chức Việt-nam Quang-phục hội.

Bạn đọc cũng sẽ thấy trong tập này những cuộc khởi nghĩa ở Nam-kỳ, Trung-kỳ và Bắc-kỳ như : Thiên địa hội, vụ phá khám lớn Sài-gòn, vụ phá ngục Lao-bảo, cuộc khởi nghĩa của Duy-tân, cuộc nổi dậy của binh lính Thái-Nguyên.

BAN NGHIÊN CỨU VĂN SỬ ĐỊA XUẤT BẢN

SẮP XUẤT BẢN :

TẬP IV (TRẦN HUY-LIÊU – VĂN-TẠO – HƯỚNG TÂN)

Ở tập này bạn đọc sẽ thấy những tài liệu về công cuộc khai thác thuộc địa trong khoảng 1918-1930 của thực dân Pháp ở Việt-nam và các phong trào đấu tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp trong nước và ngoài nước.

BAN NGHIÊN CỨU VĂN SỬ ĐỊA XUẤT BẢN

BAN NGHIÊN CỨU VĂN SỬ ĐỊA

Đã xuất bản :

- Truyện cổ tích Việt-nam (*in lần thứ hai*) của **Vũ Ngọc-Phan**
- Sơ thảo lược sử Việt-Nam (*trọn bộ : 3 quyển*) của **Minh-Tranh**
- Tự phê phán của **Phan Bội-Châu** (*Lời giới thiệu của Tôn Quang-Phiệt*)
- Cách mạng cận đại Việt-nam (*tập I*) của **Trần Huy-Liệu – Nguyễn Công-Bình – Ca Văn-Thỉnh – Hương-Tân** (*Tài liệu tham khảo lịch sử*)
- Cách mạng cận đại Việt-nam (*tập II*) của **Trần Huy-Liệu – Nguyễn Công-Bình – Y-Ngông Niết-Đam** (*Tài liệu tham khảo lịch sử*)
- Cách mạng cận đại Việt-nam (*tập III*) của **Trần Huy-Liệu – Nguyễn Công-Bình – Phan Khôi – Văn-Tạo** (*Tài liệu tham khảo lịch sử*)

Sắp xuất bản :

A. VỀ VĂN HỌC

- Dân ca Việt-nam của **Vũ Ngọc-Phan**
- Tìm hiểu « Truyện Kiều » của Nguyễn Du, của **Minh-Tranh**

B. VỀ LỊCH SỬ

- Cách mạng cận đại Việt-nam (*tập IV*) của **Trần Huy-Liệu – Văn-Tạo – Hương-Tân** (*Tài liệu tham khảo lịch sử*)
- Lịch sử 80 năm chống Pháp của **Trần Huy-Liệu**
- Thơ văn cách mạng Việt-nam của **Trần Huy-Liệu**
- Tìm hiểu quá trình phát triển của xã-hội Việt-nam của **Minh-Tranh**

C. VỀ ĐỊA LÝ

- Sơ thảo địa lý Việt-nam *của* **Lê Xuân-Phương**

Có bán tại các HIỆU SÁCH NHÂN DÂN

Và các đại lý HIỆU SÁCH NHÂN DÂN

Nhà in Vũ Hùng – Hà-nội

Giá : 800 đ.



Notes

[[←](#) 1]

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bản trích dịch báo cáo của nữ đồng chí
Păng-kơ-ra-tô-va trong số tập san này.

[← 2]

Đầu tư bắt đầu từ 1895, 80 triệu. Đến năm 1896, 200 triệu đồng. Các đường hỏa xa lớn bắt đầu. Lấy một vài con số làm thí dụ. Các mỏ than ở Bắc-bộ năm 1904 có 4.000 công nhân, năm 1908, 9.000, năm 1913, 12.000 ; đến năm 1930, 45.700 (theo « Évolution économiques de l'Indochine » của Robequain).

[← 3]

Tỉ dụ : Nguyễn Hữu Thu năm 1906 làm chủ xe cao su ở Hải-phòng, đến năm 1914-1918 làm chủ hãng tàu thủy chạy Hải-phòng – Hồng-kông nhưng sau đó lại không thể kinh doanh về tàu thủy ; Bạch Thái-Bưởi trước có nhiều tàu thủy chạy Hà nội – Sài gòn sau phải bán tất cả cho hãng Pháp Sauvage.

[← 4]

Lúc bấy giờ nhiều công nhân đã ở trong tổ chức « Công hội đỏ ». Tháng 3-1930, 20.000 công nhân cao su Phú riềng biểu tình thị uy đấu tranh ; tháng Tư, 3.000 công nhân nhà máy sợi Nam-định bãi công ; ngày 1-5-1930, công nhân nhà máy Bến-thủy cùng nông dân Nghệ-an biểu tình rồi cuối năm 1930, hầu hết công nhân ở mỏ than Bắc bộ bãi công.

[← 5]

Năm 1935, bãi công của công nhân mỏ Tĩnh-túc (Cao-bằng) và công nhân cao xu đồn điền Đất đỏ (nam-bộ).

[← 6]

Trong thời gian này, công nhân hầu hết các xí nghiệp đều bãi công. Bắt đầu là 20.000 công nhân mỏ Hòn-gay (1936) rồi đến công nhân nhà máy sợi Nam-định, công nhân nhà in (Hà-nội), công nhân xe lửa Trường-thị (Trung-bộ) và Ba-son (Nam-bộ), công nhân nhà máy điện (Nam-bộ) năm 1937. Sang năm 1938 phong trào lại tái diễn. Hàng chục vạn nhân dân đã dự lễ kỷ niệm công khai này 1-5 ở Hà-nội, Huế và Sài-gòn.

[← 7]

Luận cương về kỷ niệm Cách mạng Nga lần thứ nhất lần thứ 50 của viện Mác
– Ăng-ghen – Lê-nin – Sta-lin.

[← 8]

Trường-Chinh : Tham luận ở Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, tháng 9-1955.

[← 9]

Đuổi pháp lấy lại Bắc-bộ.

[← 10]

Y hỗn đơn : Đơn thuốc chữa hỗn.

[← 11]

Dư cữu niên lai sở từ chi chủ nghĩa : Chu nghĩa tôi ôm ấp trong 9 năm nay.

[← 12]

Những gạch dưới trong toàn bài này là do chúng tôi (người dịch).

[← 13]

Shilling tiền Anh, lúc bấy giờ ăn 6 phờ-răng 50 tiền Pháp.

[← 14]

Năm 1928, Pat-ki-ê (Pasquier) ký hợp đồng bán muối cho một công ty Pháp là 450.000 tấn muối giá 4 đồng 5 một tạ, nhưng chỉ phải trả cho người làm muối có 1 đồng 6 một tạ thôi.

[← 15]

Đạo luật ra ngày 25-11-1927 áp dụng vào các mỏ than, đồn điền, xí nghiệp : a) đòi hỏi vô căn cứ ; b) nghỉ 24 giờ không có phép ; c) tự hủy thương thân thể để xin nghỉ việc ; d) cưỡng lại luật lệ không có lý do chính đáng ; e) làm rối trật tự trong xí nghiệp v.v... đều bị phạt từ 1 đến 15 phờ răng, tù từ 1 đến 5 ngày.

[← 16]

Năm 1921 hàng Nhật vào Việt-nam 100 kg giấy giá 380 phờ răng phải đóng 260 phờ răng thuế, 100 kg máy móc giá 910 phờ răng phải đóng 400 phờ răng thuế.

[← 17]

Năm 1924 công ty trồng cao su Kéc-huy-en-la (Kerhuella) ở Thủ đầu một Biên-hòa được thưởng mẽ đay vàng.

[← 18]

Hạt tiêu của đồn điền May-ê đưa về Mác-sây chế tạo được nổi tiếng nhất trong các thứ hạt tiêu của Pháp ở thuộc địa.

[← 19]

Tiền Mỹ, mỗi đô la ăn 25 phờ răng 52.

[← 20]

Thí dụ : đồn điền Boy-găng-đa (Boygandar) trồng 145.421 cây cao su, 8.842 cây bông gạo trên một diện tích là 587 mẫu trong tổng số diện tích là 3.350 mẫu, dùng 4 máy kéo, 6 máy cày. 2 máy nhổ cỏ và gốc rạ. Công nhân làm thường xuyên chỉ cần 150 người.

[← 21]

Đồn điền giống va-ni lập ra năm 1913 của Ghi-đéc (Guidec) lúc đầu mới thí nghiệm có 9 mẫu tây. Năm 1915 trồng lên 10 mẫu tây. Sản xuất mỗi mẫu tây 750 kilô quả. Va-ni của đồn điền này tốt có tiếng.

[← 22]

Riêng nhà máy Hà-nội – Đáp-cầu sản xuất mỗi năm 8.000.000 gạch ; 5.000.000 ngói ; 720.000 gạch cứng (briques réfractaires), 50.000 gạch vuông bằng xi măng.

[← 23]

Hãng sản xuất thuốc lá Trung-hoa ở Sài-gòn :

Năm 1922 vốn 200.000

Năm 1924 vốn 400.000

Năm 1926 vốn 600.000.

Nhập cảng thuốc lá iếc-gi-ni mỗi ngày sản xuất 1.200.000 điếu thuốc lá, dùng 10 máy tối tân để sản xuất.